

A Diên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **8463**/UBND-KT

Đồng Nai, ngày **10** tháng 8 năm 2018

V/v thực hiện các kiến nghị của
Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán
ngân sách địa phương năm 2017
của tỉnh Đồng Nai

Kính gửi:

- Các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế Đồng Nai, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông Vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nội vụ;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

UBND tỉnh Đồng Nai nhận được Công văn số 347/KTNN-TH ngày 24/7/2018 của Kiểm toán Nhà nước về việc gửi Báo cáo kiểm toán (kèm Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Đồng Nai do Kiểm toán trưởng Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII ký ngày 24/7/2018) và Thông báo số 348/TB-KTNN ngày 24/7/2018 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Đồng Nai (văn bản điện tử gửi đính kèm); Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai có ý kiến như sau:

1. Giao Sở Tài chính phối hợp Kho bạc nhà nước tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế Đồng Nai và các đơn vị được kiểm toán:

- Thực hiện điều chỉnh số liệu về thu, chi ngân sách theo kết luận và kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước;

- Xử lý tài chính tổng số tiền 128.463.241.321 đồng (chi tiết tại các Phụ lục số 08, 08a, 08b, 09, 09a/BCKT-NSDP) và các khoản khác với tổng số tiền 417.921.761.675 đồng (chi tiết tại Phụ lục số 10/BCKT-NSDP);

2. Các sở, ngành có liên quan chủ động thực hiện và tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý khắc phục hạn chế, sai sót trong quản lý, điều hành, sử dụng tài chính công, tài sản công, cụ thể:

2.1. Giao trách nhiệm Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị dự toán:

+ Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm về công tác lập, giao dự toán và tồn tại trong chỉ tiêu ngân sách địa phương chưa theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

+ Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc phân bổ dự toán đối với các đơn vị sự nghiệp công lập không cân đối nguồn thu sự nghiệp để xác định dự toán giảm chi cho ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai;

+ Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm và chấm dứt chi hỗ trợ cho các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn không phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước;

+ Xây dựng lộ trình tăng vốn điều lệ, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điểm 4, Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ Phát triển đất phù hợp các văn bản hướng dẫn hiện hành về mức phí ứng vốn.

2.2. Giao trách nhiệm Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh:

+ Phê duyệt điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư Dự án Xây dựng mới tuyến đường nối dài Hương lộ 10 đoạn từ ranh giới 02 huyện Cẩm Mỹ và huyện Long Thành đến vị trí giao với đường tỉnh lộ 769 do giảm dự phòng phí theo kết quả kiểm toán;

+ Phê duyệt điều chỉnh chỉnh cơ cấu nguồn vốn và Kế hoạch đầu thầu dự án Trung tâm chiếu xạ tỉnh Đồng Nai phù hợp với quy định tại Quyết định 775/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo Bộ Kế hoạch Đầu tư về nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ xây Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 1784/QĐ-TTg ngày 24/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ; phê duyệt điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn của dự án trong trường hợp không được ngân sách Trung ương hỗ trợ.

2.3. Cục thuế Đồng Nai, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chủ động phối hợp rà soát, kiểm tra đối chiếu giữa việc cấp giấy phép đăng ký kinh doanh và cấp mã số thuế; thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với các hộ không tiến hành hoạt động kinh doanh trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Điều 78 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ.

2.4. Cục thuế Đồng Nai, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, thông tin về nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai.

2.5. Giao trách nhiệm Cục thuế Đồng Nai chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan có giải pháp thu các khoản nợ đọng về thuế, trong đó có khoản nợ quá hạn về tiền sử dụng đất của các cá nhân được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.6. Sở Tài chính, các sở, ngành chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công trong việc nghiệm thu, quyết toán công trình xây dựng cơ bản có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án và các cơ quan có liên quan thực hiện rà soát, điều chỉnh chi phí nhân công theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng đối với các dự án giai đoạn 2015 - 2016 để giảm giá trị gói thầu (giá trị hợp đồng) và giảm giá trị khi thanh quyết toán (nếu có) theo quy định.

2.7. Giao trách nhiệm Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, sắp xếp lại số biên chế giao cho khối hành chính tỉnh vượt so với biên chế Bộ Nội vụ giao; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý chấm dứt tình trạng giao vượt chỉ tiêu biên chế như hiện nay và tham mưu UBND tỉnh báo cáo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh theo quy định.

3. Về một số kiến nghị cụ thể của Kiểm toán Nhà nước đối với từng sở, ngành, đơn vị được kiểm toán:

3.1. Giao Sở Tài chính rà soát, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Tiểu tiết 1.4.2.1, Tiết 1.4.2, Điểm 1.4, Khoản 1, Mục II, Phần thứ hai (Kết luận và kiến nghị - trang 26 và 27) của Báo cáo kiểm toán.

3.2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Tiểu tiết 1.4.2.2, Tiết 1.4.2, Điểm 1.4, Khoản 1, Mục II, Phần thứ hai (Kết luận và kiến nghị - trang 27) của Báo cáo kiểm toán.

3.3. Giao Cục thuế Đồng Nai rà soát, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Tiểu tiết 1.4.2.3, Tiết 1.4.2, Điểm 1.4, Khoản 1, Mục II, Phần thứ hai (Kết luận và kiến nghị - trang 27) của Báo cáo kiểm toán.

3.4. Giao Kho bạc Nhà nước tỉnh rà soát, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Tiểu tiết 1.4.2.4, Tiết 1.4.2, Điểm 1.4, Khoản 1, Mục II, Phần thứ hai (Kết luận và kiến nghị - trang 28) của Báo cáo kiểm toán.

3.5. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Tiểu tiết 1.4.2.5, Tiết 1.4.2, Điểm 1.4, Khoản 1, Mục II, Phần thứ hai (Kết luận và kiến nghị - trang 28) của Báo cáo kiểm toán.

3.6. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Tiểu tiết 1.4.2.7, Tiết 1.4.2, Điểm 1.4, Khoản 1, Mục II, Phần thứ hai (Kết luận và kiến nghị - trang 28) của Báo cáo kiểm toán.

3.7. Giao Sở Giao thông Vận tải rà soát, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Tiểu tiết 1.4.2.8, Tiết 1.4.2, Điểm 1.4, Khoản 1, Mục II, Phần thứ hai (Kết luận và kiến nghị - trang 28) của Báo cáo kiểm toán.

3.8. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Tiểu tiết 1.4.2.9, Tiết 1.4.2, Điểm 1.4, Khoản 1, Mục II, Phần thứ hai (Kết luận và kiến nghị - trang 28) của Báo cáo kiểm toán.

3.9. Giao Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai rà soát, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Tiểu tiết 1.4.2.10, Tiết 1.4.2, Điểm 1.4, Khoản 1, Mục II, Phần thứ hai (Kết luận và kiến nghị - trang 28) của Báo cáo kiểm toán.

3.10. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Tiểu tiết 1.4.2.11, Tiết 1.4.2, Điểm 1.4, Khoản 1, Mục II, Phần thứ hai (Kết luận và kiến nghị - trang 28 và 29) của Báo cáo kiểm toán.

3.11. Giao Sở Xây dựng rà soát, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Tiểu tiết 1.4.2.12, Tiết 1.4.2, Điểm 1.4, Khoản 1, Mục II, Phần thứ hai (Kết luận và kiến nghị - trang 29) của Báo cáo kiểm toán.

3.12. Các đơn vị Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án có trách nhiệm rà soát, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Tiểu tiết 1.4.2.13, Tiết 1.4.2, Điểm 1.4, Khoản 1, Mục II, Phần thứ hai (Kết luận và kiến nghị - trang 29) của Báo cáo kiểm toán.

3.13. UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (địa phương được kiểm toán chi tiết) có trách nhiệm rà soát, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Tiểu tiết 1.4.2.14, Tiết 1.4.2, Điểm 1.4, Khoản 1, Mục II, Phần thứ hai (Kết luận và kiến nghị - trang 29) của Báo cáo kiểm toán.

4. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, UBND thị xã Long Khánh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất Chi nhánh Long Thành và các đơn vị có liên quan, thống nhất ý kiến tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý trách nhiệm, tập thể, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức đấu giá 35 lô đất của dự án Khu tái định cư Bảo Vinh tại thị xã Long Khánh theo mức giá khởi điểm phê duyệt năm 2013 thấp hơn bảng giá đất UBND tỉnh ban hành gây thất thoát ngân sách nhà nước.

5. Các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có văn bản triển khai thực hiện đến các đơn vị thuộc trách nhiệm quản lý, tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước báo cáo UBND tỉnh **trước ngày 15/3/2019** và gửi Sở Tài chính 01 bản để tổng hợp báo cáo.

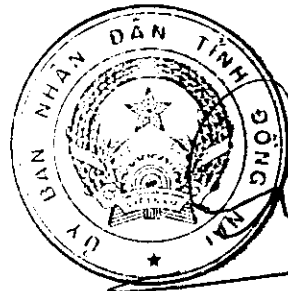
6. Giao trách nhiệm Sở Tài chính là cơ quan chủ trì theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, dự thảo văn bản tham UBND tỉnh kịp thời báo cáo Kiểm toán Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII **trước ngày 31/3/2019** và định kỳ hàng quý/06 tháng/năm theo quy định.

Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai yêu cầu các cơ quan, đơn vị tập trung rà soát các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước trong Báo cáo kiểm toán nêu trên và trong các Biên bản kiểm toán tại đơn vị để tổ chức thực hiện theo đúng quy định; trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc không thể thực hiện được, các cơ quan, đơn vị có văn bản báo cáo đề xuất cụ thể gửi đến Sở Tài chính để thẩm định, tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo Kiểm toán Nhà nước chỉ đạo xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Kiểm toán Nhà nước;
 - Bộ Tài chính;
 - Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
 - Cục Hải quan Đồng Nai;
 - Chánh - Phó Văn phòng UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, TH, KT.
- @ĐiềnKT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 347/KTNN - TH

V/v gửi Báo cáo kiểm toán

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2018

Kính gửi:

- Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

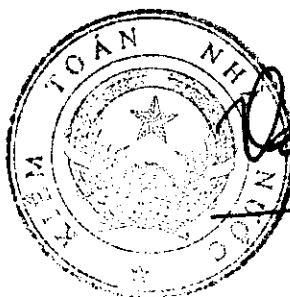
UBND TỈNH ĐỒNG NAI	
ĐẾN	Số: <u>3953A</u>
	Ngày: <u>31/07/18</u>
Chuyển:	

Thực hiện Quyết định số 499/QĐ-KTNN ngày 21/3/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Đồng Nai và Chương trình nhà ở xã hội của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2017, Đoàn Kiểm toán nhà nước thuộc Kiểm toán nhà nước khu vực XIII đã tiến hành kiểm toán từ ngày 26/3/2018 đến hết ngày 24/5/2018; đến nay Báo cáo kiểm toán đã hoàn thành.

Kiểm toán nhà nước trân trọng gửi tới Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Báo cáo kiểm toán kèm theo Công văn này./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trường đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai;
- Chủ nhiệm Ủy ban TC-NS của Quốc hội;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Tổng Kiểm toán nhà nước;
- Phó Tổng KTNN Vũ Văn Họa;
- KTNN Khu vực XIII;
- Các Vụ: Tổng hợp; Pháp chế; CĐ&KSCLKT;
- Lưu: VT.

**KT. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
PHÓ TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC****Vũ Văn Họa**

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017 CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

Thực hiện Quyết định số 499/QĐ-KTNN ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 và Chương trình nhà ở xã hội giai đoạn 2015-2017 của tỉnh Đồng Nai. Đoàn Kiểm toán nhà nước thuộc Kiểm toán nhà nước (KTNN) khu vực XIII đã thực hiện kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 và Chương trình nhà ở xã hội giai đoạn 2015-2017 của tỉnh Đồng Nai từ ngày 26/3/2018 đến ngày 24/5/2018.

1. Nội dung kiểm toán

Kiểm toán việc quản lý, sử dụng các khoản thu, chi ngân sách, tiền và tài sản nhà nước; việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ quản lý tài chính, kế toán và chế độ đầu tư xây dựng của Nhà nước.

2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

2.1. Phạm vi kiểm toán

Báo cáo quyết toán NSDP năm 2017 và các thời kỳ trước, sau có liên quan của các đơn vị được kiểm toán tại tỉnh Đồng Nai (chi tiết các đơn vị tại Phụ lục số 01/BCKT-NSDP).

2.2. Giới hạn kiểm toán

Đoàn kiểm toán chỉ thực hiện kiểm toán trên cơ sở các hồ sơ và chứng từ kế toán do các đơn vị được kiểm toán cung cấp. Đối với cơ quan Thuế không kiểm tra tại trụ sở các đối tượng có liên quan; chủ đầu tư hoặc Ban QLDA cung cấp. Đối với các dự án chọn kiểm toán chi tiết, Đoàn kiểm toán không chứng kiến quá trình thi công và nghiệm thu các hạng mục công trình; không xác nhận nguồn gốc, quy cách, phẩm chất các vật tư được sử dụng vào công trình; không kiểm tra, đối chiếu tại đơn vị thi công; không kiểm tra chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí thiết bị (ngoại trừ một số chi phí thiết bị các dự án Y tế, thủy lợi được ghi cụ thể tại Kế hoạch kiểm toán chi tiết và Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của KTV) và chi phí khác.

3. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản qui phạm pháp luật khác có liên quan;

- Hệ thống chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế Tổ chức và hoạt động Đoàn kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

Báo cáo kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán; biên bản kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán; Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2017 của tỉnh Đồng Nai được Sở Tài chính lập ngày 19/4/2018 và các tài liệu có liên quan.

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

A. DỰ TOÁN, THỰC HIỆN DỰ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH

I. CÔNG TÁC LẬP VÀ GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH

Về cơ bản việc lập và giao dự toán đã tuân thủ quy định của Luật NSNN, Thông tư số 91/2016/TT-BTC ngày 24/6/2016 của Bộ Tài chính và Nghị quyết của HĐND tỉnh giao (trương ứng số thu và chi gồm địa phương xây dựng, Trung ương giao, HĐND tỉnh nghị quyết) song còn tồn tại hạn chế sau:

1. Về dự toán thu ngân sách

- Địa phương lập chưa đảm bảo theo số kiểm tra về dự toán thu năm 2017: Thu nội địa tỉnh lập 28.460.000 trđ, bằng 76% số Bộ Tài chính dự kiến giao. Dự toán Cục Thuế xây dựng Thu nội địa do ngành thuế quản lý 29.560.000 trđ, loại trừ thu sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết số tiền 27.960.000 trđ, tăng 13,4% so với ước thực hiện 2016, bằng 106,6 % so thực hiện năm 2016;

- Dự toán thu các khoản quản lý qua ngân sách địa phương giao nguồn thu học phí là chưa đúng với quy định Thông tư số 91/2016/TT-BTC ngày 26/6/2016 của Bộ Tài chính;

- Tại các huyện: Thống Nhất, Trảng Bom và Thị xã Long Khánh có tình trạng dự toán lập chưa đảm bảo tỷ lệ tăng bình quân tối thiểu 13-15% so với ước thực hiện năm 2016; dự toán huyện lập chưa đảm bảo tính tích cực, chưa bao quát hết các nguồn thu trong năm.

2. Về dự toán chi ngân sách

- Dự toán xây dựng chưa sát với thực tế, điều chỉnh nhiều lần trong năm và tỷ lệ hủy dự toán cao nên chưa phát huy được hiệu quả sử dụng NSNN tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hủy dự toán 15,5%), Sở Giáo dục và Đào tạo (hủy dự toán 10,76%); giao dự toán chi thường xuyên vượt biên chế được UBND tỉnh phê duyệt (Sở Nông nghiệp phát triển nông thôn; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Giao thông vận tải,...);

- Phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên cho một số đơn vị vượt số biên chế được UBND tỉnh phê duyệt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc sở, ban ngành tỉnh chưa cân đối nguồn thu sự nghiệp để xác định số giảm chi cho ngân sách Nhà nước là không đúng quy định tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016;

- UBND tỉnh chưa bổ sung dự phòng ngân sách theo quy định, các khoản chi thường xuyên chưa giao hoặc đã giao nhưng chưa triển khai thực hiện đến ngày 30/6/2017; không bố trí tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ (huyện Thống Nhất, TX.Long Khánh, Tp. Biên Hòa, huyện Trảng Bom,...);

- UBND huyện, thị xã và thành phố áp dụng định mức giao dự toán của tỉnh cho các đơn vị trực thuộc để giao dự toán cho các đơn vị là chưa phù hợp (do Nghị quyết số 33/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai ngày 09/12/2016 về Ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2017, giai đoạn 2017-2020 chưa có điều khoản quy định về Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp thuộc khối huyện).

II. THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH

1. Thu ngân sách (Chi tiết tại phụ lục số 03/BCKT-NSDP)

Tổng thu nội địa năm 2017 là 33.603.249 trđ, đạt 100,16% dự toán giao, tăng 21,81% so với thực hiện năm 2016. Trong đó: Thu nội địa không kể thu sử dụng đất dự toán giao 32.749.000 trđ, thực hiện 31.207.711 trđ đạt 95,29%, tăng 18,94% so với thực hiện năm 2016.

Kết quả kiểm toán cho thấy: Có 07/10 lĩnh vực thu¹ (chiếm tỷ trọng 35,5%), đạt và vượt dự toán TW và tỉnh giao; 03/10 lĩnh vực thu² (chiếm tỷ 64,5%) không đạt dự toán TW và tỉnh giao

¹ Cụ thể: Khu vực DNNN địa phương: Dự toán giao 2.910.600 triệu đồng, thực hiện 2.921.263 triệu đồng, bằng 100,37% dự toán, tăng 25,35% so với thực hiện năm 2016; Thuế TN cá nhân: Dự toán giao 4.200.000 triệu đồng thực hiện 4.207.658 triệu đồng bằng 100,18% dự toán, tăng 15,89% so với thực hiện năm 2016; Thu tiền sử dụng đất: Dự toán giao 800.000 triệu đồng, thực hiện 2.395.539 triệu đồng, bằng 299,49% dự toán, tăng 77,71% so với thực hiện năm 2016; Tiền thuê mặt đất, mặt nước: Dự toán giao 200.000 triệu đồng thực hiện 1.744.957 triệu đồng, đạt 872,48% dự toán, tăng 176,63% so với thực hiện năm 2016; Phí xăng dầu và phí môi trường: Dự toán giao 295.000 triệu đồng, thực hiện 304.030 triệu đồng, đạt 103,06% dự toán, bằng 99,61% với thực hiện năm 2016; Lệ phí trước bạ: Dự toán giao 800.000 triệu đồng thực hiện 905.244 triệu đồng đạt 113,16% dự toán, tăng 8,43% so với thực hiện năm 2016; Thu từ xổ số kiến thiết: Dự toán giao 1.275.000 triệu đồng thực hiện 1.627.241 triệu đồng đạt 127,63% dự toán, tăng 23,68% so với thực hiện năm 2016

Một số nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến thu ngân sách địa phương đạt và không đạt dự toán giao:

- UBND tỉnh chỉ đạo tích cực tìm các giải pháp đồng bộ khai thác nguồn thu bù đắp số giảm như tổ chức thanh tra, kiểm tra thuế; xử lý nợ đọng; thu các khoản thu về đất...; năm 2017 thu hút nhiều dự án đầu tư xây dựng các khu dân cư trên địa bàn, nhiều dự án thuê đất một lần cho nhiều năm theo hướng dẫn của Nghị định số 135/2016/NĐ-CP; sự tác động của các kết luận, kiến nghị của KTNN liên quan đến quản lý và sử dụng đất đai của tỉnh Đồng Nai;

- Một số nguồn thu chủ lực và ổn định (Khu vực DNNN Trung ương, Khu vực DN có vốn ĐTNN, Thuế CTN & dịch vụ NQD...) nhưng không đạt dự toán. Nguyên nhân chủ yếu là do Bộ Tài chính giao dự toán năm 2017 ở mức quá cao, vượt quá khả năng khai thác nguồn thu của địa phương (Dự toán Bộ Tài chính giao tăng so với dự toán Cục Thuế xây dựng 13,49%, tăng 12,16% so với thực hiện năm 2016, cao hơn nhiều so với giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP năm 2017 tăng 8%).

2. Chi ngân sách (chi tiết tại Phụ lục số 06/BCKT-NSDP)

Tổng số chi NSDP (không tính các khoản chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách địa phương) là 22.873.011 trđ³, gồm:

2.1. Chi cân đối ngân sách

Tổng số chi trong cân đối NSDP năm 2017 là 22.770.319 trđ, tăng 24% so với dự toán TW giao, tăng 30% so với dự toán HĐND tỉnh quyết định và bằng 108% so với thực hiện năm 2016. Trong đó: Chi đầu tư phát triển: 6.414.170 trđ, chiếm tỷ trọng 23,71% tổng chi cân đối NSDP, đạt 82% so với dự toán TW giao, tăng 20% so với dự toán HĐND tỉnh quyết định, bằng 127% thực hiện năm 2016; chi thường xuyên 11.382.567 trđ, chiếm tỷ trọng 39,20% tổng chi cân đối NSDP, đạt 100% so với dự toán TW giao và HĐND tỉnh quyết định, tăng 12% so với số thực hiện năm 2016.

- Một số lĩnh vực chi trong chi thường xuyên đều đạt, vượt dự toán HĐND tỉnh quyết định. Có 7/15 khoản chi cao hơn dự toán HĐND tỉnh giao, trong đó một số khoản có tỷ lệ tăng khá cao⁴. Nguyên nhân chủ yếu: chi sự nghiệp An ninh - Quốc phòng, tăng 37% so với số thực hiện năm 2016, địa phương tăng mức phụ cấp và hỗ trợ thêm một số chính sách cho lực lượng công an xã, lực lượng dân phòng, bảo vệ dân phố và lực lượng dân quân tại xã; chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể tăng 24% so với dự toán là do trong năm địa phương tăng số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp và tăng mức trợ cấp đối với các trường các đoàn thể ở ấp.

- Một số khoản chi không đạt dự toán HĐND tỉnh giao⁵: Chi kinh phí sự nghiệp giáo dục, Chi sự nghiệp kinh tế⁶; chi khác ngân sách, giảm 8% so với số thực hiện năm 2016 và tăng 70% so với dự toán giao do trong năm 2017 tỉnh thực hiện hoàn thuế và hỗ trợ các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Hoàn các khoản thuế 114.674 trđ, hỗ trợ các đơn vị Trung ương

²Khu vực DNNN Trung ương: dự toán 3.243.400 triệu đồng, thực hiện 2.436.243 triệu đồng, đạt 75,12% dự toán, tăng 10,97% so với thực hiện 2016; Khu vực DN có vốn ĐTNN: dự toán 14.037.000 triệu đồng, thực hiện 11.882.443 triệu đồng, đạt 84,65% dự toán, tăng 6,98% so với thực hiện 2016; Thuế CTN & dịch vụ NQD: dự toán 4.357.400 triệu đồng thực hiện 3.847.219 triệu đồng đạt 88,29% dự toán, tăng 14,41% so với thực hiện 2016

³ Tăng 25% so với dự toán TW giao, tăng 30% so với dự toán HĐND tỉnh quyết định và bằng 77% so với thực hiện năm 2016

⁴ Như: Chi quốc phòng-an ninh tăng 7%; Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin tăng 1%; Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội tăng 16%; Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể tăng 24%; Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình tăng 21%...

⁵ Cụ thể: Chi sự nghiệp KHCN đạt 96%; Chi sự nghiệp y tế, đạt 80%; Chi sự nghiệp môi trường, đạt 68%; Chi sự nghiệp kinh tế đạt 96%; Chi sự nghiệp thể dục thể thao, đạt 93%; Chi sự nghiệp dân số kế hoạch hóa gia đình, đạt 11%.

⁶ Do khoản kinh phí thực hiện Đề án Ngoại ngữ, cấp đầu năm 2.880 triệu đồng, bổ sung tháng 7/2017 là 40.000 triệu đồng, hủy tại KBNN 34.404 triệu đồng, tỷ lệ 80,2% so với kinh phí được sử dụng trong năm; do khi xây dựng dự toán chưa sát dẫn đến cuối năm phải hủy; chi sự nghiệp khoa học công nghệ chi các đề tài, dự án thực hiện trong nhiều năm, tiến độ thực hiện chậm so với kế hoạch nên chưa quyết toán; chi sự nghiệp môi trường một số khoản chi sự nghiệp chưa đủ điều kiện thanh toán nên thực hiện tạm ứng và chuyển sang năm 2016 tiếp tục thực hiện

đóng trên địa bàn tỉnh như Viện kiểm sát, Tòa án, Cục Thuế, Cục Hải Quan, Kho bạc Nhà nước và các đơn vị quân sự trừ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh khoảng 60.777 trđ.

2.2. Các khoản chi bằng nguồn thu được để lại quản lý qua NSNN

Thực hiện chi trong năm là 102.692 trđ, đạt 128% dự toán HĐND quyết định, bằng 34% so với số thực hiện năm 2016.

III. VỀ TÍNH ĐÚNG ĐẮN, TRUNG THỰC BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH

Đến thời điểm kiểm toán tỉnh Đồng Nai chưa lập Báo cáo quyết toán NSNN năm 2017 chính thức; số liệu quyết toán do Sở Tài chính cung cấp đến ngày 19/4/2018 (đã được thực hiện đối chiếu với KBNN) như sau:

- Tổng thu NSNN trên địa bàn: 44.436.870 trđ.
- Tổng thu NSDP: 35.550.395 trđ.
- Tổng chi NSDP: 31.317.878 trđ.
- Kết dư NSDP: 4.232.517 trđ (NS tỉnh 2.697.764 trđ; NS huyện 1.322.569 trđ; NS xã 212.184 trđ).

B. CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGÂN SÁCH, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

I. QUẢN LÝ, CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH

1. Thu ngân sách

1.1. Quản lý thu thuế nội địa tại cơ quan Thuế

1.1.1. Công tác quản lý đăng ký mã số thuế (MST), quản lý thông tin người nộp thuế (NNT) và kê khai thuế.

- Công tác quản lý đăng ký số thuế, thông tin người nộp thuế cơ bản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 và số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên còn tồn tại như: Số hộ kinh doanh được cấp mã số thuế mới trong năm thấp hơn số hộ được cấp giấy phép kinh doanh lần đầu là 1.557 đối tượng⁷.

- Công tác quản lý kê khai thuế của người nộp thuế

+ Nhìn chung cơ quan Thuế quản lý thu thuế theo phương pháp kê khai theo quy định, tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán có 175 doanh nghiệp (Cục Thuế 64 doanh nghiệp, Chi cục Thuế Trảng Bom 111 doanh nghiệp) nộp BCTC chưa phù hợp quy định của BTC ban hành Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016.

+ Năm 2017, toàn ngành thuế lập bộ môn bài 47.594 đối tượng (trong đó: 16.016 doanh nghiệp và 31.578 hộ kinh doanh), số thuế ghi thu 45.185 trđ; giảm 8.709 đối tượng so với năm 2016 (56.303 đối tượng), giảm tương ứng 15% đối tượng. Đến ngày 31/12/2017 ngành thuế tỉnh Đồng Nai quản lý 1.753.899 NNT đã được cấp MST, trong đó có 1.681.088 NNT đang hoạt động⁸.

⁷ gồm Chi cục Thuế: thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, huyện Thống Nhất. Chi cục Thuế thị xã Long Khánh số hộ kinh doanh được cấp mã số thuế mới trong năm là 445 đối tượng, số liệu tại Phòng Tài chính - Kế hoạch đã cấp mới (lần đầu) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 824 hộ. Chênh lệch là 379 hộ; Chi cục Thuế Biên Hòa theo danh sách cấp phép kinh doanh được cấp mới của Phòng Tài chính - Kế hoạch cung cấp 4.699 hộ nhưng Chi cục Thuế chỉ thực hiện cấp mới MST và lập bộ cho 4.103 hộ, chênh lệch 596 hộ. Tuy nhiên, theo giải trình của Chi cục Thuế Biên Hòa từ tháng 01/2017 do Phòng Tài chính - Kế hoạch không còn phối hợp theo đúng quy chế (Quyết định số 3053/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 về Quy chế phối hợp giữa lĩnh vực đăng ký thuế và lĩnh vực đăng ký kinh doanh; Quyết định số 189/UBND ngày 22/01/2015 về bổ sung Quy chế phối hợp giữa lĩnh vực đăng ký thuế và lĩnh vực đăng ký kinh doanh) nên một số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp ra không được hộ kê khai thủ tục cấp MST; do vậy có sự chênh lệch giữa số hộ được cấp mới Giấy phép và cấp MST. Chi cục Thuế huyện Thống Nhất có 895 hộ kinh doanh và doanh nghiệp được cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhưng cơ quan Thuế lập bộ và quản lý mã số thuế 236 doanh nghiệp và 373 hộ kinh doanh (tổng: 609); còn lại 286 hộ đã đăng ký kinh doanh nhưng chưa được Chi cục Thuế rà soát đưa vào quản lý thuế.

⁸ Gồm: các đối tượng không phải lập bộ môn bài là 1.633.494 đối tượng, số đối tượng phải lập bộ môn bài là 47.594 đối tượng (1.681.088 - 1.633.494 = 47.594 đối tượng). Nguyên nhân giảm thuế chủ yếu do giảm về số hộ lập bộ, do ảnh hưởng của Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ quy định về mức đóng lệ phí môn bài mới, áp dụng từ ngày 01/01/2017, theo đó quy định 7 trường hợp được miễn phí môn bài, trong đó có cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình SXKD có doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống, văn phòng đại diện, đồng thời quy định các chi nhánh cùng tỉnh sẽ được kê khai tại Công ty mẹ.

+ Năm 2017, toàn ngành thuế số lượt tờ khai phải nộp 159.573 tờ khai, số lượt tờ khai đã nộp 151.823 tờ khai, đạt 95,14%. Kết quả kiểm toán cho thấy đơn vị thực hiện quản lý nộp tờ khai theo Quyết định số 879/QĐ-TCT ngày 15/5/2015 của Tổng cục Thuế, tuy nhiên tại Cục Thuế và 04 Chi cục Thuế còn có một số đơn vị kê khai thuế sai như: Sử dụng lỗ từ hoạt động SXKD để bù trừ lãi từ hoạt động chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê. Xác định chưa đúng thu nhập tính thuế TNDN; Kê khai thuế GTGT khấu trừ đối với hóa đơn GTGT từ 20 trở lên khi thanh toán không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt,...

- Năm 2017, Cục Thuế đã xây dựng chương trình Kế hoạch chống thất thu số 6657/KH-CT ngày 14/8/2017, kết quả tăng số thu thuế qua kiểm tra số tiền 77.000 trđ. Cụ thể:

+ Công tác kiểm tra: Qua kiểm tra chọn mẫu một số hồ sơ về cơ bản cơ quan thuế đã thực hiện theo quy trình kiểm tra về thuế được quy định tại Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục Thuế; năm 2017, Cục Thuế tổ chức 37 cuộc kiểm tra⁹, trong đó đã tiến hành 36 cuộc kiểm tra và ban hành 35 kết luận kiểm tra, có 2 cuộc chuyển kỳ sau. Qua kiểm tra cơ quan Thuế đã phát hiện sai phạm tại 13 đơn vị; kiến nghị xử lý sai sót vi phạm về trách nhiệm hành chính kiểm điểm rút kinh nghiệm 20 cá nhân; số tiền, tài sản kiến nghị thu hồi, xử lý trong quá trình kiểm tra nội bộ: 36,385 triệu đồng. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2017 Cục Thuế chưa hoàn thành kế hoạch kiểm tra đã được duyệt; công tác kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế: Năm 2017 Cục Thuế lập kế hoạch kiểm tra số lượng doanh nghiệp là 2.518 doanh nghiệp chiếm 17% trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động (14.813 doanh nghiệp), trong đó: Văn phòng Cục Thuế 340 doanh nghiệp¹⁰ và các Chi cục Thuế 2.179 doanh nghiệp; chọn mẫu hồ sơ kiểm tra thuế tại Trụ sở NNT cơ bản tuân thủ đầy đủ theo quy định tại quy trình kiểm tra (Ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-TCT ngày 29/5/2008 và Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế). Tuy nhiên ngành thuế chưa xây dựng kế hoạch kiểm tra các loại hồ sơ khai thuế của các đối tượng khác như phí, lệ phí, thuế TNCN.

+ Công tác thanh tra: Năm 2017 số doanh nghiệp ra quyết định thanh tra lũy kế 12 tháng là 181 doanh nghiệp đạt 106% so với kế hoạch năm. Số doanh nghiệp đã được xử lý sau thanh tra là 197 doanh nghiệp đạt 115% so với kế hoạch năm, tổng số thuế truy thu và tiền phạt là 698.399 trđ; công tác thanh tra chống chuyển giá: Trong năm 2017 ra quyết định xử lý và kết luận là 26/34 doanh nghiệp¹¹.

Qua kiểm tra chọn mẫu một số hồ sơ thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế, về cơ bản các Đoàn thanh tra đã tuân thủ đầy đủ theo quy trình thanh tra¹². Tuy nhiên, tại hồ sơ thanh tra tại Công ty TNHH Bao bì nước giải khát CROW Đồng Nai ban hành kết luận thanh tra chậm so với quy định.

1.1.2. Kiểm toán khoản thu liên quan đến đất: Tiền sử dụng đất và tiền thuê đất; công tác miễn, giảm tiền sử dụng đất, thuê đất.

a. Quản lý thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: Năm 2017 số tiền thuê đất là 1.745.303 trđ. Qua kiểm tra chọn mẫu hồ sơ thuê đất tại Cục Thuế và Chi cục Thuế cho thấy ngành đã thực hiện việc lập bộ tiền thuê đất căn cứ vào diện tích đất thuê và đơn giá tiền thuê đất theo từng hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện quản lý thu tiền thuê đất đang còn những tồn tại sau:

⁹ Trong đó Cục thuế kiểm tra 8 cuộc; các Chi cục Thuế trực thuộc kiểm tra 29 cuộc), không tiến hành kiểm tra nội bộ tại văn phòng Cục Thuế do thành tra Bộ Tài chính đã thực hiện

¹⁰ Tại Cục Thuế: Kế hoạch kiểm tra năm 2017 được duyệt là 340 doanh nghiệp (trong đó kế hoạch ban đầu duyệt 229 doanh nghiệp, bổ sung 111 đơn vị), chưa bao gồm 31 cuộc kiểm tra đã ban hành quyết định năm 2016 nhưng chưa thực hiện chuyển sang thực hiện năm 2017

¹¹ Trong đó có 5 quyết định thanh tra từ năm 2016 chuyển sang năm 2017 và còn 8 quyết định chuyển sang năm 2018 thực hiện, đạt 96% so với kế hoạch. Tổng số doanh nghiệp có vi phạm là 25/26 doanh nghiệp và tổng số truy thu và tiền phạt là 366.197 trđ. Đến 31/12/2017 các doanh nghiệp đã chấp hành nộp vào NSNN số tiền 366.197 trđ

¹² Quy định tại Quyết định số 1404/QĐ-TCT ngày 28/07/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế. Việc xử phạt các hành vi vi phạm đều đúng theo các quy định của Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 và Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về xử lý vi phạm pháp luật về thuế

- Tại Cục Thuế: Tại thời điểm kiểm toán, đơn giá tiền thuê đất của Công ty TNHH MTV Tổng Cao su Đồng Nai, Công ty TNHH Vopak Việt Nam, Công ty Cổ phần Mía đường La Ngà chưa điều chỉnh đơn giá do thời hạn ổn định đơn giá tiền thuê đất đã quá hạn. Cục Thuế tỉnh Đồng Nai đã gửi công văn cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai để xác định lại đơn giá thuê đất nhưng đến thời điểm kiểm toán vẫn chưa có đơn giá thuê đất. Tại hồ sơ thuê đất của Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai chưa thực hiện tính theo đơn giá mới của UBND tỉnh ban hành. Hiện tại, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai đang tính đơn giá tiền thuê đất theo đơn giá cũ từ năm 2001-2006, năm 2017, KTNN tính lại số tiền thuê đất phải nộp trong năm 2017 theo đơn giá mới của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành, số tiền thuê đất phải nộp tăng thêm 578 trđ.

- Tại Chi cục Thuế Long Khánh: Đơn giá tiền thuê đất của Công ty TNHH Thủ Mây, DNTN Như Vân và Công ty CP Bảo Thắng chưa điều chỉnh đơn giá do thời hạn ổn định đơn giá tiền thuê đất đã hết. Chi cục Thuế đã gửi công văn cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai để xác định lại đơn giá thuê đất nhưng đến thời điểm kiểm toán vẫn chưa có đơn giá thuê đất. Hồ sơ thuê đất tại Công ty TNHH Đông Tân, theo phụ lục hợp đồng thuê đất 43/PL.HĐTD-01 ngày 15/07/2014 thì thời hạn thuê đất đến hết ngày 31/12/2015. Đến thời điểm kiểm toán Chi cục Thuế chưa cung cấp hợp đồng thuê đất cho các năm tiếp theo. Hồ sơ thuê đất tại DNTN Chế biến gỗ Long Khánh, đơn giá thuê đất được điều chỉnh tại phụ lục hợp đồng số 591/PLHĐTD-2 ngày 15/01/2013 thì đơn giá thuê đất từ ngày 09/01/2013 đến hết ngày 09/01/2018 là 264,5 đồng/m²/năm. Khi đối chiếu đơn giá thuê đất của DNTN Chế biến gỗ Long Khánh với đơn giá thuê đất DNTN Nguyễn Hoàng Gia tại Hợp đồng số 591/HĐTD.trn ngày 27/4/2003, thời gian tính tiền thuê đất từ 09/01/2003 và thời gian thuê đất đến hết ngày 26/12/2052 (Đơn giá thuê đất là 4.500 đồng/m²/năm) trên cùng mảnh đất, vị trí thì đơn giá thuê đất của DNTN Chế biến gỗ Long Khánh là quá thấp và đến thời điểm hiện tại thì đơn giá tiền thuê đất cũng chưa thực hiện điều chỉnh.

b. Quản lý thu tiền sử dụng đất: Tổng số tiền phát sinh phải nộp trong năm là 2.396.610 trđ, số đã nộp là 2.395.880 trđ, số tiền còn phải nộp đến ngày 31/12/2017 là 974.216 trđ. Qua kiểm toán chọn mẫu hồ sơ tính tiền sử dụng đất, nhận thấy ngành thuế đã thực hiện việc lập bộ tiền sử dụng đất căn cứ vào diện tích đất và đơn giá tiền sử dụng đất theo Quy định. Tuy nhiên tại Chi cục Thuế Biên Hòa sự phối hợp giữa Chi cục Thuế, Kho bạc nhà nước thành phố, Văn phòng đăng ký Đất đai Đồng Nai - Chi nhánh Biên Hòa chưa được thực hiện thường xuyên và đầy đủ¹³.

c. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Trong năm số thuế thu được là 62.04 trđ, ngành Thuế đã phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện triển khai các công việc theo chỉ đạo của UBND tỉnh; thực hiện lập tờ khai, phát hành thông báo đến các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính.

d. Kiểm toán công tác miễn, giảm tiền sử dụng đất, thuế đất.

Năm 2017, có 96 trường hợp miễn, giảm tiền thuê đất với tổng số tiền miễn giảm tiền thuê đất là 737.998 trđ. Kết quả kiểm toán chọn mẫu 08 bộ hồ sơ tại Cục Thuế miễn, giảm tiền sử dụng đất, thuê đất nhận thấy Cục Thuế đã thực hiện miễn giảm tiền thuê đất theo quy định¹⁴

1.1.3. Kiểm toán khoản thu thuế trước bạ, phí, lệ phí.

¹³ Chi cục Thuế, Kho bạc Nhà nước TP chỉ đối chiếu được số đã nộp, không chi tiết được đối tượng nộp, dẫn đến theo dõi nợ tiền sử dụng đất hiện tại không theo dõi được số dư nợ tiền, thời gian nợ của từng hộ gia đình, cá nhân dễ dễ xảy ra tình trạng nhầm lẫn, sai sót thông tin tình hình về nợ tiền sử dụng đất. Nguyên nhân Chi cục Thuế báo cáo hộ gia đình, cá nhân phát sinh phải nộp tiền sử dụng đất, nợ tiền sử dụng đất số lượng quá nhiều nên không theo dõi được chi tiết từng đối tượng; Khi nộp tiền sử dụng đất có một số chứng từ Kho bạc Nhà nước chỉ ghi tên, không ghi rõ số tờ, số thửa, nên không thể theo dõi tình hình nộp chi tiết cho từng đối tượng nộp; Văn phòng đăng ký Đất đai Đồng Nai - Chi nhánh Biên Hòa không phối hợp trong công tác ghi nợ tiền sử dụng đất dẫn đến khó thực hiện trong theo dõi nợ tiền sử dụng đất

¹⁴ tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư 77/2014/TT-BTC ngày 16/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và công văn số 7810/BTC-QLCS ngày 12/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về miễn, giảm tiền thuê đất.

Cục Thuế tỉnh Đồng Nai theo dõi quản lý 623 đơn vị có thu phí, lệ phí (chủ yếu là các đơn vị hành chính, sự nghiệp). Số tiền đã nộp thuế trước bạ, phí, lệ phí là 1.292.073 trđ. Qua kiểm toán chọn mẫu cho thấy về cơ bản đơn vị thực hiện theo quy định của Luật Quản lý Thuế và các quy định hiện hành, tuy nhiên tại Chi cục Thuế Long Khánh trước bạ xe máy: Hồ sơ Ông Nguyễn Văn Nghĩa, CCT xác định giá trị tài sản tính thuế trước bạ 52 trđ là chưa đúng theo giá trị tính thuế 52,7 trđ theo QĐ số 2018/2017/QĐ-BTC ngày 09/10/2017.

1.1.4 Kiểm toán khoản thu thuế thu nhập cá nhân: Năm 2017, số thu về thuế TNCN là 4.208.469 trđ đạt 115,9% dự toán. Qua kiểm toán chọn mẫu tờ khai quyết toán thuế TNCN cho thấy các đơn vị thực hiện nộp Tờ khai quyết toán thuế TNCN qua mạng theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài Chính. Tuy nhiên, còn tồn tại một số lao động làm việc trên 3 tháng tại các đơn vị do Cục Thuế quản lý, chưa có mã số thuế TNCN nhưng Cục Thuế chưa có các biện pháp tích cực để các đơn vị thực hiện đăng ký mã số thuế, kê khai nộp thuế TNCN cho các lao động sử dụng dài hạn, gây khó khăn trong việc giám sát kê khai nộp thuế TNCN, các Chi cục Thuế chưa xây dựng kế hoạch kiểm tra các loại hồ sơ khai thuế của các đối tượng nộp thuế TNCN.

1.1.5. Kiểm toán Công tác quản lý nợ thuế.

a. Kiểm toán công tác quản lý nợ

Tổng số nợ thuế đến ngày 31/12/2017 là 1.564.220 trđ¹⁵, tăng 6% so với thời điểm năm 2016, tương ứng số tiền 86.865 trđ. Nợ năm 2016 sang 2017, Cục Thuế đã thu được 453.647 trđ nợ có khả năng thu (bằng biện pháp quản lý nợ 271.324 trđ, bằng biện pháp cưỡng chế nợ thuế 182.323 trđ), trong đó 49.346 trđ nợ tiền phạt, tiền chậm nộp; 1.620 trđ nợ khó thu.

- Tại Chi cục Thuế Biên Hòa phát sinh miễn chậm nộp cho Công ty Cổ phần Dệt sợi Phương Nam (3 trđ) do hoả hoạn, cháy nổ; gia hạn thuế đối với Trung tâm phát triển cụm công nghiệp và dịch vụ công ích Biên Hoà (659 trđ) do chưa thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn NSNN.

- Tại Cục Thuế, các Chi cục Thuế phân loại nợ khó thu 311 NNT không đúng theo quy định (trừ tiền nộp chậm) số tiền 1.512 trđ, lý do NNT vẫn kê khai nộp thuế các sắc thuế bình thường; Phân loại nợ chưa chính xác (2.329 NNT thuộc diện nợ khó thu nhưng phát sinh tiền nộp chậm, tiền phạt vào nợ có khả năng).

Theo báo cáo của Cục Thuế, nợ tiền sử dụng đất đến 31/12/2017 còn phải nộp 974.216 trđ (trong đó: nợ tiền sử dụng đất của tổ chức 542.287 trđ, nợ tiền sử dụng đất của cá nhân 431.929 trđ). Cục Thuế chưa tổng hợp số nợ tiền sử dụng đất này vào báo cáo nợ thuế gửi Tổng cục Thuế. Số tiền sử dụng đất được ghi nợ 641.679 trđ, tiền sử dụng đất của cá nhân được ghi nợ trong thời hạn 5 năm, chưa đến thời gian nộp được ghi nợ nhưng đã quá hạn 43.771 trđ. Qua kiểm tra 20 bộ hồ sơ nợ thuế cho thấy về cơ bản Cục Thuế thực hiện theo quy trình quản lý nợ thuế ban hành theo Quyết định số 1401/QĐ-TCT ngày 28/07/2015.

Tổng số tiền nợ có khả năng thu tại thời điểm 31/12/2017 (không bao gồm nợ từ tiền sử dụng đất) so với tổng thu NSNN là 2,7% (831.631 trđ/30.743.413 trđ) không vượt quá chỉ tiêu giao 5%; Nợ có khả năng thu của năm 2016 sang 2017, Cục Thuế đã thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế thu được 402.680 trđ, đạt 65% so với nợ có khả năng thu năm 2016 chuyển sang 2017 (402.680 trđ/614.489 trđ); không đạt chỉ tiêu giao thu trên 97%; Nợ tiền chậm nộp của năm 2016 sang 2017, Cục Thuế đã thực hiện thu 49.346 trđ, đạt 18% nợ tiền chậm nộp năm 2016 chuyển sang 2017 (270.853 trđ); không đạt chỉ tiêu giao thu ít nhất 20%.

Kiểm toán xác định nợ thuế đến ngày 31/12/2017 toàn ngành Thuế Đồng Nai là 2.538.437 trđ; bằng 7,66% tổng thu do cơ quan Thuế quản lý (2.538.437 trđ/33.137.901 trđ); Cục Thuế có nợ có khả năng thu tại thời điểm 31/12/2017 so với tổng thu NSNN là 4,35% (1.441.249 trđ/

¹⁵ Trong đó: Nợ có khả năng thu 831.631 triệu đồng; Nợ chờ xử lý 2.856 triệu đồng; Nợ khó thu 729.733 triệu đồng

33.137.901 trđ) đạt chỉ tiêu giao 5% theo Công văn số 353/TCT-QLN ngày 25/01/2017 của Tổng cục Thuế. Ngoài ra ngành Thuế Đồng Nai chưa cập nhật để theo dõi được các khoản nợ về đất trên phần mềm TMS là chưa phù hợp với quy định.

b. Kiểm toán công tác cưỡng chế nợ

Trong năm 2017, ngành Thuế đã ban hành 2.574 quyết định cưỡng chế, thu hồi nợ. Cục Thuế có 2.298 NNT phải thực hiện đôn đốc, cưỡng chế nợ thuế với tổng số tiền nợ thuế 696.700 trđ; trong đó có 1.325 NNT có nợ quá hạn cần cưỡng chế nợ thuế, với số tiền thuế nợ 575.700 trđ. Cục Thuế Đồng Nai đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế đối với 1.045 NNT (đạt 78,86%), số tiền thu được là 41.000 trđ. Qua kiểm toán cho thấy, Cục Thuế thực hiện quy trình cưỡng chế nợ ban hành kèm theo Quyết định số 751/QĐ-TCT ngày 20/04/2015 của Tổng cục Thuế. Tuy nhiên còn một số tồn tại về chậm thực hiện các biện pháp cưỡng chế như: Cục Thuế chậm thực hiện cưỡng chế nợ đối với các đối tượng đã hết hạn thời gian cưỡng chế; cưỡng chế đối với NNT đạt tỷ lệ thấp đối với các Công văn số 827/TCT-QLN đạt 78,86%; Công văn số 2411/TCT-QLN đạt 44,4%; Công văn số 3654/TCT-QLN đạt 40,65% của Tổng cục Thuế.

1.1.6. Chấp hành nghĩa vụ nộp NSNN tại các doanh nghiệp được chọn mẫu đối chiếu:

Qua kiểm toán tại Cục Thuế và 4 Chi cục Thuế chọn mẫu đối chiếu tại một số doanh nghiệp cho thấy, cơ bản các doanh nghiệp đã chấp hành chế độ kê khai, nộp thuế theo quy định. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại như: Chưa thực hiện kê khai, quyết toán thuế TNDN riêng đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản theo quy định; chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế đối với hàng hóa đã xuất kho tiêu thụ kịp thời; chưa phát hành hóa đơn, ghi nhận doanh thu tính thuế GTGT, thuế TNDN đầy đủ, kịp thời đối với các công trình XD CB đã nghiệm thu, thanh toán khối lượng năm 2017; loại trừ chi phí khi tính thuế TNDN đối với hóa đơn trên 20 trđ không thanh toán qua ngân hàng theo quy định, hạch toán chưa đầy đủ khoản thu nhập từ chiết khấu, khuyến mại... Kết quả kiểm toán tại cơ quan thuế truy thu 31.835 trđ và giảm lỗ 3.967 trđ. Ngoài ra một số đơn vị không hợp tác trong quá trình Đoàn kiểm toán đối chiếu nghĩa vụ với NSNN tại cơ quan Thuế. (Chi tiết Phụ lục số 08, 8a, 8b, 8c /BCKT- NSDP).

1.2. Quản lý thu thuế hoạt động XNK tại cơ quan Hải quan

1.2.1. Công tác tổ chức điều hành thực hiện dự toán thu, tiến độ thu thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

Năm 2017, Cục Hải quan Đồng Nai đã tiến hành làm thủ tục hải quan cho 3.918 doanh nghiệp, tăng 10% so với năm 2016. Tổng số tờ khai phát sinh 1,17 triệu tờ khai tăng 11% so với năm 2016, chiếm 10% tổng số tờ khai toàn ngành.

Năm 2017, tổng số hồ sơ kê khai thuế xuất nhập khẩu phải kiểm tra 415.756 hồ sơ (luồng vàng 368.915 hồ sơ, luồng đỏ 46.841 hồ sơ). Kết quả phát hiện qua kiểm tra: Tỷ lệ tổng số vụ vi phạm được phát hiện đối với các tờ khai thuộc diện kiểm tra tại luồng vàng trên tổng số các tờ khai thuộc diện kiểm tra tại luồng vàng 88/368.915 tờ khai (chiếm 0,023%). Tỷ lệ tổng số vụ vi phạm được phát hiện trên tổng số các tờ khai thuộc diện kiểm tra tại luồng đỏ 123/46.841 (chiếm 0,263%). Số liệu xử phạt vi phạm về thuế năm 2017 trong toàn Cục xử phạt theo thẩm quyền (tại các Chi cục) 224 vụ, tổng số tiền xử phạt 17.263 trđ.

Chọn mẫu 109 bộ hồ sơ kê khai hải quan, về cơ bản các Chi cục Hải quan đã thực hiện đúng theo quy định. Tuy nhiên còn một số trường hợp thực hiện chưa đúng quy định, cụ thể:

- Đơn vị nhập khẩu mặt hàng chất diệt nấm dùng trong sản xuất sơn, mực in; dùng trong sản xuất công nghiệp dệt, mỹ phẩm; dùng trong sản xuất nhang muỗi (không dùng làm nguyên liệu sản xuất các loại thuốc phòng trừ sâu bệnh), kê khai nộp thuế GTGT với thuế suất 5% là không phù hợp theo quy định tại Thông tư số 83/2014/TT-BTC ngày 26/06/2014 của Bộ Tài chính. Các trường hợp này thuộc diện chịu thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%; Công Ty TNHH FUMAKILLA Việt Nam; Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina

- Đơn vị nhập khẩu: C/O form E, mặt hàng thép không hợp kim dạng hình chữ H (BRAND-H BEAM), cán nóng, hàng mới 100%; Nước xuất khẩu: Trung Quốc, hóa đơn phát hành tại bên thứ ba Hồng Kong. Đơn vị kê khai thuế suất NK UĐDB 5% và GTGT 10%). Qua kiểm tra kiểm toán xác định C/O form E do Công ty cung cấp không hợp lệ, theo quy định Khoản 8, Phụ lục 4 ban hành kèm Thông tư số 36/2010/TT-BCT ngày 15/11/2010 của Bộ Công thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định ASEAN - Trung Quốc. Công ty TNHH J-SPIRAL STEEL PIPE

- Đơn vị nhập khẩu, C/O form AI, nhập khẩu mặt hàng dầu thầu dầu đã tinh chế REFINED CASTOR OIL PPG - Dùng sản xuất nhựa trong ngành xây dựng; Nước xuất khẩu: Ấn Độ; hóa đơn phát hành tại bên thứ ba: Panama. Đơn vị kê khai thuế suất NK UĐDB 7,5% và GTGT 10%). Qua kiểm tra C/O cho thấy, tên và nước nơi công ty phát hành hóa đơn (Panama) không được ghi trong ô số 7. Do đó, kiểm toán xác định C/O form AI không hợp lệ, theo quy định tại Phụ lục 6, ban hành kèm theo Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15/4/2010 của Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ. Công ty TNHH Vật liệu KHKT Triển Vũ Việt Nam

- Đơn vị nhập khẩu mặt hàng nắp nhựa (HS 39235000), thuế suất NK 10% không kê khai theo mã mặt hàng chai nhựa (HS 39233090), thuế suất NK 15% vì là 1 bộ sản phẩm dạng đồng bộ tháo rời của 1 chai sản phẩm mỹ phẩm; Theo nguyên tắc 2a của 6 nguyên tắc tổng quát giải thích việc phân loại hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 103/2015/TT-BTC ngày 01/7/2015 của Bộ Tài chính); mã hàng hóa mặt hàng nắp nhựa (HS 39235000), thuế suất NK 15%. Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina.

KTNN kiến nghị số thuế phải nộp tăng thêm 4.496 trđ (Phụ lục số 08/BCKT-NSDP)

1.2.2. Công tác miễn, giảm, hoàn thuế

Năm 2017, các Chi cục Hải quan đã hoàn thuế chuyên thu cho 1.672 lượt doanh nghiệp với tổng số tiền hoàn thuế là: 1.651.047trđ. Qua kiểm tra chọn mẫu 39 sơ hoàn thuế cho thấy Cục Hải quan không thông báo hoàn thuế nhập khẩu, hoàn thuế xuất khẩu, hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt, hoàn thuế khác cho cơ quan Thuế là không tuân thủ Quyết định số 1081/QĐ-BTC ngày 6/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định tại Điểm 2, Điều 5, Quyết định số 1780/QĐ-TCHQ ngày 17/06/2016 của Tổng Cục Hải quan. Cục Hải quan hoàn thuế quá 6 ngày đối với những hồ sơ hoàn trước kiểm tra sau không đúng theo quy định tại Khoản 7, Điều 129, Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính.

1.2.3. Kiểm tra sau thông quan

Năm 2017, đã ra Quyết định kiểm tra sau thông quan 79 cuộc kiểm tra; đã hoàn thành việc kiểm tra, ra Kết luận kiểm tra 78 cuộc; tổng số thuế chênh lệch tăng thêm qua kiểm tra là 86.746 trđ, số tiền xử phạt 10.458 trđ. Qua kiểm toán chọn mẫu 29 bộ hồ sơ kiểm tra sau thông quan cho thấy công tác kiểm tra sau thông quan đã thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, còn tồn tại như các Đoàn kiểm tra chưa tiến hành kiểm tra chi phí nguyên vật liệu, phụ liệu xuất sử dụng trong sản xuất, gia công hàng xuất khẩu, chỉ tiến hành đối chiếu số liệu tồn kho theo sổ sách của Công ty với số liệu tồn kho do doanh nghiệp tự khai quyết toán với cơ quan Hải quan tại thời điểm ngày 31/12/2016.

1.2.4. Công tác quản lý nợ đọng thuế, xóa nợ thuế

Tổng số thuế còn phải nộp NSNN đến ngày 31/12/2017 là 12.607 trđ; nợ quá hạn trong 90 ngày 118 trđ (doanh nghiệp đã nộp thuế trong tháng 01/2018), nợ quá 90 ngày 12.488 trđ (nợ cưỡng chế phát sinh mới trong năm 2017 là 7.290 trđ, nợ cưỡng chế (nợ khó thu) của người nộp thuế “bỏ trốn”, “mất tích, không kinh doanh tại địa chỉ đăng ký, ngừng và tạm dừng hoạt động

kinh doanh là: 5.198 trđ). Tổng nợ quá hạn chiếm 0,08% tổng số thu NSNN năm 2017, đạt mức cho phép theo quy định (kế hoạch của Cục không quá 0,5%).

2. Chi ngân sách

2.1. Chi đầu tư phát triển

2.1.1. Công tác lập, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư, tình hình giải ngân vốn đầu tư

Năm 2017, tỉnh được TW giao kế hoạch vốn (KHV) chi đầu tư XD CB là 6.578.250 trđ, HĐND tỉnh phê chuẩn Nghị quyết về dự toán chi đầu tư XD CB là 5.786.250 trđ, giảm 792.000 trđ so với số TW giao. Quá trình thực hiện được điều chỉnh điều hòa vốn giữa các dự án 05 lần với tổng KHV sau điều chỉnh 7.210.040 trđ¹⁶.

Tổng số vốn giải ngân theo kế hoạch vốn năm 2017 (đối với các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch) là 3.434.564 trđ/3.939.115 trđ, đạt 87,2% so với kế hoạch vốn, trong đó vốn XD CB: 3.089.567 trđ/3.191.066 trđ, đạt 96,81%; vốn khác: 344.998 trđ/748.049 trđ, đạt 46,12% so với kế hoạch.

Công tác lập, phân bổ dự toán chi đầu tư XD CB theo trình tự, thủ tục quy định, phù hợp với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư năm 2017. Công tác điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư trong năm đảm bảo đúng thẩm quyền, nội dung điều chỉnh theo quy định tại Điều 75, Luật Đầu tư công. Công tác điều chỉnh, điều hòa kế hoạch vốn trong năm cơ bản đảm bảo quy định theo Luật Đầu tư công¹⁷. Tuy nhiên, còn một số tồn tại như sau:

+ Vẫn còn một số dự án việc bố trí vốn quá thời gian quy định (03 dự án nhóm B quá 5 năm, 03 dự án nhóm C quá 3 năm);

+ Tỷ lệ giải ngân theo kế hoạch vốn năm 2017 một số nội dung còn thấp: phần vốn khác (do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch) giải ngân 344.998 trđ/748.049 trđ, chỉ đạt 46,12% so với kế hoạch¹⁸.

2.1.2. Việc chấp hành pháp luật trong quá trình quản lý đầu tư XD CB

Địa phương đã cơ bản chấp hành các quy định của pháp luật hiện hành theo từng thời kỳ trong quá trình thực hiện, quản lý đầu tư XD CB; triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong hoạt động đầu tư XD CB; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các chủ đầu tư dự án, kịp thời hướng dẫn, điều chỉnh những tồn tại, bất cập đảm bảo tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trong đầu tư XD CB. Bên cạnh những mặt đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

a. Công tác thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư

¹⁶ Vốn ngân sách tập trung là 3.699.461 triệu đồng (cấp huyện trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch là 1.512.529 triệu đồng, do UBND tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch là 2.186.932 triệu đồng); Vốn xổ số kiến thiết là 1.280.984 triệu đồng (Hỗ trợ UBND các huyện và thị xã Long Khánh 315.000 triệu đồng; phân bổ cho các dự án chuyển tiếp do UBND tỉnh trực tiếp giao chỉ là 965.984 triệu đồng); Vốn khai thác quỹ đất là 800 triệu đồng; Vốn chương trình mục tiêu do ngân sách trung ương hỗ trợ là 38.150 triệu đồng; Vốn vay để đầu tư hạ tầng nông thôn mới và các dự án cấp bách kéo dài sang năm 2017: 183.845 triệu đồng; Vốn Bội chi năm 2017: 792.000 triệu đồng. Nguồn tăng thu ngân sách địa phương để thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2016: là 400.000 triệu đồng.

¹⁷ Việc bố trí kế hoạch vốn tuân theo nguyên tắc ưu tiên: Ưu tiên bố trí vốn hoàn trả các khoản vốn đã vay, tạm ứng trong các năm trước, vốn kế hoạch là 639.871 triệu đồng, chiếm 20,52%; Ưu tiên thanh toán cho các dự án sau quyết toán, vốn kế hoạch là 30.148 tỷ đồng, chiếm 0,945%; Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp 89 danh mục 1.443.281 triệu đồng, chiếm 45,23%; Vốn bố trí cho các dự án khởi công mới 69 danh mục 892.257 triệu đồng, chiếm 27,96%; Vốn bố trí cho các dự án chuẩn bị đầu tư, dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình, bồi thường giải phóng mặt bằng: 38 danh mục 185.509 triệu đồng chiếm 5,81%. Trong đó: vốn xổ số kiến thiết thuộc ngân sách cấp tỉnh quản lý bố trí cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và y tế, chiếm 82,97%; vốn chương trình mục tiêu do ngân sách trung ương hỗ trợ 38,15 tỷ đồng bố trí theo đúng quy định theo Quyết định số 1989/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

¹⁸ Nguyên nhân giải ngân chưa đạt kế hoạch: Nguồn tăng thu ngân sách địa phương để thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2016: giải ngân trong năm 2017 là 91,513 tỷ đồng/400 tỷ đồng, đạt 22,88% so với kế hoạch: Do nguồn vốn này mới bổ sung vào kỳ điều chỉnh giữa năm 2017 nên năm 2017 chưa có hồ sơ để đảm bảo giải ngân hết nguồn. UBND tỉnh đã tiến hành giao các đơn vị thực hiện lập, thẩm định chủ trương đầu tư dự án thiết bị ngành y tế để đảm bảo mục tiêu của nguồn vốn này và triển khai khi đảm bảo điều kiện hồ sơ theo quy định. Đồng thời, để tăng tỷ lệ giải ngân, UBND tỉnh kiến nghị sử dụng 91,513 tỷ đồng từ nguồn vốn này để giải ngân đối với các gói thầu thiết bị y tế thuộc các dự án được UBND tỉnh giao chỉ tiêu từ nguồn vốn xổ số kiến thiết năm 2017; phần còn lại thực hiện bố trí dự phòng

- Việc xác định quy mô, giải pháp thiết kế chưa thực sự phù hợp với tình hình thực tế dẫn đến trong quá trình thực hiện phải điều chỉnh dự án, kéo dài thời gian đầu tư và làm tăng chi phí đầu tư xây dựng công trình¹⁹; Xác định tổng mức đầu tư dự án chưa sát thực tế làm tăng tổng mức đầu tư so với nhu cầu vốn thực tế (Dự án Xây dựng mới tuyến đường nối dài Hương lộ 10 đoạn từ ranh giới 2 huyện Cẩm Mỹ và huyện Long Thành đến vị trí giao với đường tỉnh lộ 769 xác định chi phí dự phòng do trượt giá tăng 31.836.682.473 đồng so với quy định).

- Công tác lập kế hoạch và quản lý vốn đầu tư còn tồn tại một số hạn chế:

+ Thực hiện ghi vốn kế hoạch quá thời gian qui định (quá 05 năm đối với công trình nhóm B) tại dự án Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre²⁰;

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình phê duyệt dự án Trung tâm chiếu xạ tỉnh Đồng Nai xác định nguồn vốn đầu tư dự án (70% ngân sách tỉnh + 30% vốn vay) chưa xem xét hỗ trợ mức cao nhất từ ngân sách nhà nước đối với cơ sở sản xuất ứng dụng bức xạ trong nông nghiệp theo Quyết định số 775/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 02/6/2010²¹, xác định nguồn vốn vay nhưng chưa làm rõ phương án vay và thỏa thuận vay vốn. Tại thời điểm kiểm toán, Sở Khoa học và Công nghệ chưa thực hiện cam kết theo Biên bản thỏa thuận với Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai ngày 21/6/2016, không đủ điều kiện vay vốn theo Công văn số 177/NHNoĐN-KHDN ngày 28/2/2018 của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Đồng Nai dẫn đến dự án có khả năng thiếu nguồn vốn để đầu tư theo tiến độ được duyệt do nguồn vốn ngân sách tỉnh bố trí đến năm 2018 theo kế hoạch là 106.000 trđ²²; thẩm định, trình phê duyệt dự án Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Đồng Nai trong đó 30% vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ theo Quyết định số 1784/QĐ-TTg ngày 24/9/2010 của Thủ tướng chính phủ nhưng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời chưa có nguồn bổ sung hỗ trợ cho dự án trong năm 2015 tại văn bản số 7697/BKHĐT- KTDPLT ngày 24/10/2014. Tại thời điểm kiểm toán năm 2018, dự án vẫn chưa được ngân sách trung ương hỗ trợ 25.057 trđ theo quy định, dự án có khả năng thiếu nguồn vốn đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

b. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán

Công tác lập, thẩm định thiết kế, dự toán cơ bản đảm bảo trình tự và nội dung theo quy định hiện hành. Hồ sơ do Công ty tư vấn có đủ tư cách pháp nhân và năng lực thực hiện. Tuy nhiên, công tác thiết kế còn nhiều điểm chưa phù hợp dẫn đến phải thay đổi thiết kế, công tác tính toán khối lượng lập dự toán còn nhiều sai sót khối lượng dẫn đến khối lượng dẫn đến quá trình thực hiện khối lượng thay đổi, phát sinh tăng giảm với giá trị lớn, phải phê duyệt bổ sung dự toán do hiệu chỉnh khối lượng giữa bản vẽ thi công và dự toán, thay đổi giá gói thầu và kéo dài thời

¹⁹ Các dự án do Ban QLDA thành phố Biên Hòa làm chủ, dự án Trường tiểu học Nguyễn Thị Sáu; Dự án Trường tiểu học Phan Bội Châu: Khảo sát lập dự án đầu tư xác định cao độ các hạng mục không phù hợp với cao độ công trình hiện hữu dẫn tới trong quá trình thi công phải điều chỉnh nâng cao độ san nền làm phát sinh tăng khối lượng san nền; Dự án Đường Tây Kim – Thanh Bình chưa đưa ra giải pháp để xác định chính xác khối lượng đào đất, đào đất và phương án tận dụng đất đào để đắp; Dự án Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre chậm triển khai thực hiện dự án (từ năm 2008 đến năm 2017 mới khởi công) làm tăng tổng mức đầu tư lên 2,24 lần (từ 58.414 triệu đồng lên 131.018 triệu đồng); Dự án tuyến thoát nước giải cây xanh huyện Nhơn Trạch điều chỉnh thời gian thực hiện dự án nhóm B từ 3 năm thành 11 năm, tổng mức đầu tư tăng từ 237.000 trđ lên 310.000 trđ; Dự án Đầu tư xây dựng Khoa khám bệnh, cấp cứu và khu hành chính Bệnh viện đa khoa Thống Nhất được phê duyệt thay đổi nhiều lần, thời gian thực hiện kéo dài từ 2011-2018, làm tăng tổng mức đầu tư hơn 72% (tổng mức đầu tư ban đầu 79.334 trđ, điều chỉnh 136.738 trđ); Dự án Hồ chứa nước Gia Măng, huyện Xuân Lộc thời gian thực hiện từ năm 2008 đến năm 2019, tổng mức đầu tư điều chỉnh từ 113.244 trđ lên 324.205 trđ; Dự án Nhánh 1 - Tuyến đường Cộ Cây Xoài tăng tổng mức đầu tư từ 62,8 tỷ đồng lên 117 tỷ đồng, tăng thời gian thực hiện từ 4 năm lên thành 9 năm; Dự án Trung tâm Giáo dục Thường xuyên, tỉnh Đồng Nai từ 03 năm lên 07 năm, vượt thời gian quy định 02 năm;

²⁰ Nguyên nhân do công tác bồi thường GPMB phức tạp, nguồn vốn để thực hiện dự án chưa đảm bảo thời gian để thực hiện chi trả bồi thường cho cá nhân và tổ chức có tài sản giải tỏa. Khi có Quyết định bồi thường, hỗ trợ được duyệt, chủ đầu tư (Ban QLDA chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) mới đề nghị UBND tỉnh bổ sung nguồn vốn để chi trả nên việc thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị chậm.

²¹ Quyết định số 775/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 02/6/2010 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển, ứng dụng bức xạ trong nông nghiệp đến năm 2020 quy định “Xem xét hỗ trợ từ ngân sách nhà nước mức cao nhất chi phí đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập và các tổ chức khác để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị cho phòng thí nghiệm và cơ sở sản xuất ứng dụng bức xạ trong nông nghiệp theo các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

²² Dự án Trung tâm chiếu xạ tỉnh Đồng Nai với Tổng mức đầu tư 189.885 triệu đồng, thời gian thực hiện từ năm 2016-2020 trong đó nguồn vốn ngân sách tỉnh chiếm 70% (132.920 triệu đồng) và vốn vay chiếm 30% (56.966 triệu đồng) theo thỏa thuận vay vốn Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn 56.000 triệu đồng ngày 21/6/2016.

gian lựa chọn nhà thầu; Các đơn vị thẩm tra và thẩm định, cơ quan phê duyệt BVTK-DT chưa làm hết chức năng và trách nhiệm để kịp thời phát hiện hết các thiếu sót của hồ sơ thiết kế, dự toán. Cụ thể như sau:

+ Lập thiết kế bản vẽ thi công không bám sát kết quả khảo sát địa hình dẫn đến xác định sai cao độ không chế san lấp, tính sai khối lượng san lấp (Dự án Công viên văn hóa Hùng Vương-GĐ1); xác định cao độ thiết kế các hạng mục không phù hợp với cao độ công trình hiện hữu dẫn đến tính sai khối lượng san nền (Dự án Trường tiểu học Phan Bội Châu); chưa xác định chính xác khối lượng đào đá, đào đất và phương án tận dụng đất đào để đắp, chưa đánh giá trữ lượng đất đắp dẫn đến phải thay đổi phương án thiết kế, tăng chi phí đầu tư xây dựng công trình (Dự án Đường Tây Kim-Thanh Bình; Dự án Khu dân cư-Tái định cư 5,3 ha tại thị trấn Trảng Bom; Dự án Đầu tư xây dựng Khoa khám bệnh, cấp cứu và khu hành chính Bệnh viện đa khoa Thống Nhất; Dự án Hồ chứa nước Gia Măng, huyện Xuân Lộc); bản vẽ thiết kế không thể hiện chi tiết công tác sơn kẻ vạch đường theo tiêu chuẩn 22 TCN 237 - 01 dẫn đến dự toán tính sai khối lượng (Dự án Đường Ruộng Tre-Thọ An); thiếu kích thước chi tiết tại một số hạng mục, kích thước một số chi tiết chưa đồng nhất giữa bản vẽ kiến trúc và bản vẽ chi tiết (Dự án Đèn thờ liệt sỹ Long Khánh); thiết kế thiết kế diện tích một số phòng ban làm việc chưa phù hợp với quyết định số 260/2006 về định mức diện tích trụ sở làm việc (Dự án đầu tư Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Đồng Nai)²³.

+ Công tác lập dự toán xây dựng công trình tồn tại nhiều sai sót như tính sai khối lượng so với hồ sơ thiết kế, áp dụng sai định mức²⁴, sử dụng đơn giá tạm tính (GTT, TT) cho nhiều công tác có giá trị lớn hoặc vật liệu có giá trị lớn nhưng Chủ đầu tư chưa tổ chức thẩm định hoặc vận dụng định mức công trình tương tự đã thực hiện để có cơ sở để xác định giá²⁵.

Kết quả kiểm toán các dự án chi tiết và tổng hợp, một số dự án, dự toán công trình chưa kịp thời xác định đơn giá nhân công trong lập, thẩm tra dự toán tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/03/2015 và Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng dẫn đến làm tăng chi phí công trình. Kiểm toán chi tiết các dự án theo kế hoạch kiểm toán được phê duyệt, có 13 dự án chưa được điều chỉnh kịp thời chi phí nhân công theo quy định. Chênh lệch giữa giá trị dự toán gói thầu của các dự án do KTNN xác định lại và dự toán gói thầu được duyệt là 21.661,98 trđ; chênh lệch giữa giá trị dự toán gói thầu của các dự án do KTNN xác định lại và giá trúng thầu là 14.469,27 trđ.

c. Công tác lựa chọn nhà thầu

Trong năm 2017, tại tỉnh Đồng Nai đã thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với 1.475 gói thầu: Tổng giá trị gói thầu: 3.718.000 trđ; Tổng giá trị trúng thầu: 3.664.000 trđ; Tổng số tiết kiệm thông qua đấu thầu: 54.000 trđ. UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho 152 dự án, trong đó gồm 55 dự án nhóm B và 97 dự án nhóm C.

Qua chọn mẫu các hồ sơ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong năm 2017 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, về cơ bản công tác thẩm định đã tuân thủ các quy định về trình tự, thời gian,

²³ Thiết kế phòng Chi cục trưởng 61,3 m² (theo quy định 15m² vượt 46,3m² gấp 3 lần so với định mức tối đa), thiết kế phòng Phó Chi cục trưởng 28,2m² (theo quy định 12 m² vượt 16m² gấp 2 lần so với định mức tối đa), Trưởng phòng 25,7m² (theo quy định 12 m² vượt 13,7m² gấp 2 lần so với định mức tối đa)

²⁴ Gói thầu số 04 (Tiểu dự án Trạm xử lý nước thải số 1, thành phố Biên Hòa, giai đoạn 1, công suất 9.500 m³/ngày.đêm) được lập và phê duyệt năm 2013, 2014 nhưng chưa cập nhật, áp dụng kịp thời các định mức xây dựng và lắp đặt điều chỉnh, bổ sung ban hành theo các Quyết định số 1172/QĐ-BXD và 1173/QĐ-BXD ngày 26/12/2012 của Bộ Xây dựng, làm tăng giá trị dự toán của gói thầu số 04 là 263 triệu (giá trị trúng thầu đã giảm 1.269,47 triệu đồng, thấp hơn giá trị dự toán sau khi đã điều chỉnh, tính theo quyết định số 1172/QĐ-BXD và 1173/QĐ-BXD ngày 26/12/2012 của Bộ Xây dựng); Trường THPT Cẩm Mỹ sử dụng mã hiệu định mức “Trát tường ngoài nhà”, “Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà 1 nước lót, 2 nước phủ đã bà bằng sơn Joton” cho toàn bộ công trình; Gói thầu xây lắp số 01 dự án Nhánh 1 - Tuyến đường Cộ Cây Xoài áp dụng sai đơn giá vật liệu, áp sai mã hiệu định mức, tính sai khối lượng, xác định tỷ lệ đất đào cấp III tận dụng lại để đắp 70% chưa đầy đủ cơ sở...

²⁵ Dự án Tuyến thoát nước, dải cây xanh huyện Nhơn Trạch (công tác trét, công tác đục hoặc lắp đặt); Dự án Đầu tư xây dựng Khoa khám bệnh, cấp cứu và khu hành chính Bệnh viện đa khoa Thống Nhất (CCLĐ hệ khung dầm làm bục sân khấu, gắn ghế ngồi, trang trí hoàn thiện sân khấu, khán phòng; Làm quầy hướng dẫn (đơn giá hoàn thiện); Làm quầy kế toán tài vụ (đơn giá hoàn thiện); Làm quầy bán thuốc (đơn giá hoàn thiện);...); Dự án Công viên văn hóa Hùng Vương xác định theo đơn giá tạm tính đối với 5.663.928.848 đồng chi phí vật liệu;

biểu mẫu và nội dung theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Tuy nhiên, tại gói thầu số 05 (thiết bị + lắp đặt) dự án Trung tâm chiếu xạ tỉnh Đồng Nai phân chia gói thầu sử dụng nguồn vốn vay nhưng bao gồm thiết bị “Nguồn Co-60 (500K Ci)” giá trị 38.808 trđ không thuộc đối tượng cho vay của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thông qua công tác lựa chọn nhà thầu, cơ bản đã lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực để thực hiện các nội dung công việc của dự án và tiết kiệm qua đấu thầu với giá tỷ lệ lớn²⁶. Tuy nhiên: Còn tồn tại một số gói thầu có tỷ lệ tiết kiệm qua đấu thầu rất thấp²⁷; trong quá trình đấu thầu đơn vị tư vấn và Chủ đầu tư chưa kịp thời cập nhật, điều chỉnh giá trị gói thầu theo đơn giá nhân công được ban hành kèm theo quy định tại Thông tư số 01/2015/TT-BXD, 05/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng như đã nêu trên; một số hồ sơ dự toán, hồ sơ dự thầu còn nhiều đơn giá chưa có trong thông báo giá, chưa có cơ sở xác định giá nhưng chưa được đơn vị Tư vấn đầu thầu làm rõ trong quá trình xét thầu; hầu hết các gói thầu được thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói nhưng trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, các bên liên quan chưa rà soát chính xác lại bảng khối lượng công việc theo thiết kế được duyệt, dẫn đến một số khối lượng công việc chưa chính xác so với thiết kế nhưng chưa được bên mời thầu làm rõ để báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc điều chỉnh khối lượng công việc để bảo đảm phù hợp với thiết kế theo quy định tại Khoản 1, Điều 62 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13.

d. Hợp đồng, tiến độ thi công

Hợp đồng kinh tế giữa các Ban QLDA với các nhà thầu đảm bảo tính pháp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đa số các dự án được kiểm toán bị chậm tiến độ so với hợp đồng đã ký ban đầu và phải gia hạn tiến độ thi công chủ yếu do điều chỉnh bổ sung nhiều hạng mục kết cấu và kiến trúc công trình và vướng mắc trong bồi thường giải phóng mặt bằng.

Tuy nhiên, tại gói thầu số 14 thuộc dự án Nút giao ngã tư Tân Phong: Chủ đầu tư chưa tiến hành ký kết PLHD điều chỉnh giảm giá trị hợp đồng cho những khối lượng công việc không phải thực hiện do điều chỉnh thiết kế (thay đổi chiều dài ép cọc) làm căn cứ quản lý khối lượng, nghiệm thu thanh quyết toán (Chủ đầu tư căn cứ vào bảng nghiệm thu khối lượng công việc thi công thực tế để giảm trừ trực tiếp thông qua các đợt thanh toán).

e. Về quản lý chất lượng công trình, nghiệm thu, hoàn công, thanh toán

Nhìn chung, công tác quản lý chất lượng, nghiệm thu, hoàn công, thanh toán của các dự án đã được thực hiện đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên:

- Quá trình nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành, các Ban QLDA, Tư vấn giám sát và nhà thầu thi công đã rà soát và tính toán lại khối lượng thanh toán, nhưng chưa phát hiện, loại trừ hết những sai sót do thiết kế tính toán sai và các sai sót trong quá trình đấu thầu dẫn đến nghiệm thu, thanh toán sai. Tại dự án Đường Tây Kim-Thanh Bình, hồ sơ khảo sát, thiết kế, lập

²⁶ Dự án Sửa chữa trụ sở làm việc phòng giáo dục - tư pháp - tiếp dân; Dự án Trường Mầm non Xuân Thiện; Dự án Trung tâm văn hóa xã Gia Kiệm; Dự án Đường Tây Kim - Thanh Bình; Dự án Sửa chữa trụ sở làm việc phòng giáo dục - tư pháp - tiếp dân; Dự án Đường 30 tháng 4 nối dài (Đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa); Dự án Trường Tiểu học Trần Phú (phần hiệu 2); Dự án Trường Tiểu học liên xã Đông Hòa - Trung Hòa; Dự án Trường Tiểu học Kim Đồng; Dự án Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt; Dự án Sửa chữa hội trường, nhà khách và nhà ăn UBND thị xã Long Khánh; Dự án Trường mẫu giáo Xuân Tân; Dự án trường Mầm non tuổi thơ xã Bình Lộc; Dự án Trường tiểu học Lê Lợi; 12 dự án chọn mẫu kiểm tra tại Ban QLDA thành phố Biên Hòa (04 dự án kiểm toán chi tiết và 08 dự án kiểm toán tổng hợp); Gói thầu xây lắp số 8 - dự án Đầu tư xây dựng Cầu qua xã Đắc Lua; Gói thầu xây lắp số 14 - Dự án Nâng cấp mở rộng đường tỉnh 765 đoạn từ Km1+526 đến Km5+500; Gói thầu xây lắp số 05 - Dự án Tuyến chống ùn tắc giao thông trên Quốc lộ 1 khu vực phường Tân Hòa, huyện Trảng Bom và thành phố Biên Hòa; Dự án Đầu tư xây dựng Khoa khám bệnh, cấp cứu và khu hành chính Bệnh viện đa khoa Thống Nhất

²⁷ Dự án Đầu tư xây dựng Khoa khám bệnh, cấp cứu và khu hành chính Bệnh viện đa khoa Thống Nhất giảm thầu 0.3%; gói thầu gói thầu số 05 (Xây lắp+Thiết bị) dự án Trường THPT Xuân Thanh, thị xã Long Khánh giảm thầu 1.26%; gói thầu gói thầu số 05 (Xây lắp + Thiết bị) dự án Trường THPT Xuân Thanh, thị xã Long Khánh giảm thầu 0.3%; Gói thầu số 11 (Xây lắp đường giao thông+thoát nước đoạn Km6+760 đến Km10+000) giảm thầu 0,504%; Gói thầu số 1, Tiểu dự án Trạm xử lý nước thải số 1, thành phố Biên Hòa, giai đoạn 1, công suất 9.500 m3/ngày.đêm) giảm thầu 0.51%; Dự án Nâng cấp mở rộng đường tỉnh 765 đoạn từ Km1+526 đến Km5+500, huyện Xuân Lộc, Gói thầu số 14 giảm thầu 0,05%.

dự toán chưa xác định chính xác khối lượng đào đá, đào đất và phương án tận dụng đất đào để đắp làm tăng chi phí đầu tư, Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn giám sát chưa khắc phục trong quá trình nghiệm thu làm cơ sở thanh toán gói thầu xây lắp.

- Công tác lập, thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại một số dự án còn chậm so với thời hạn quy định tại Điều 22 Thông tư số 09/2016/TT-BTC²⁸. Thanh toán sai nguồn vốn 200 trđ của chi phí tư vấn tại dự án Sửa chữa trụ sở thành ủy Biên Hòa²⁹.

2.1.3. Công tác thanh toán, tạm ứng và thu hồi tạm ứng

Tính đến 31/01/2018 tổng số vốn đã giải ngân qua kho bạc tỉnh kiểm soát là 3.098.150 trđ; tỷ lệ giải ngân đạt 97,45% kế hoạch giao (3.098.150/3.179.082 trđ). Qua kiểm tra chọn mẫu tình hình thanh toán của một số dự án cho thấy công tác kiểm soát thanh toán vốn được Kho bạc Nhà nước thực hiện kịp thời, đúng thời gian quy định.

Tổng số dư tạm ứng vốn ĐTXD ngân sách tỉnh tại KBNN chưa thu hồi đến ngày 31/01/2018 là 1.168.056 trđ³⁰, nguyên nhân chính chậm thanh toán tạm ứng là do công tác đền bù giải phóng mặt bằng còn nhiều vướng mắc; thay đổi, điều chỉnh thiết kế; Một số dự án có tổng mức đầu tư lớn, trong quá trình thi công phải thay đổi, điều chỉnh thiết kế ... dẫn đến tiến độ, khối lượng thi công chậm so kế hoạch; Số dư tạm ứng đến 31/01/2018 so với năm trước tăng cao do một số gói thầu của các dự án lớn trong năm 2017 tạm ứng vốn lớn. KBNN Đồng Nai hàng năm chủ động tham mưu cho UBND tỉnh có công văn yêu cầu các chủ đầu tư thu hồi tạm ứng đồng thời có công văn đôn đốc các chủ đầu tư thu hồi tạm ứng vốn đầu tư XD CB.

2.1.4. Công tác quyết toán vốn đầu tư XD CB

a. Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản theo niên độ ngân sách

Báo cáo tổng hợp quyết toán các nguồn vốn đầu tư XD CB niên độ ngân sách do KBNN tỉnh lập có đối chiếu số liệu tổng hợp với Sở Tài chính. Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư XD CB do các kho bạc huyện, thị xã, thành phố kiểm soát theo quy định.

b. Tình hình quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành

Trong năm 2017, Sở Tài chính đã kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh và ban hành văn bản về việc triển khai thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành, góp phần đẩy nhanh tiến độ công tác quyết toán vốn đầu tư trên địa bàn toàn tỉnh. Cụ thể Sở Tài chính đã thực hiện tổng hợp tình hình quyết toán dự án hoàn thành và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2017 báo cáo UBND tỉnh Đồng Nai; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh Đồng Nai, báo cáo Bộ Tài chính tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư công tỉnh Đồng Nai đến 31/01/2018 tại văn bản số 1642/STC-ĐT ngày 28/3/2018; Sở Tài chính đã đề nghị các đơn vị liên quan báo cáo tình hình xử lý tồn đọng các dự án hoàn thành chưa quyết toán, chưa phê duyệt quyết toán và tổng hợp kết quả tại Báo cáo số 7015/STC-ĐT ngày 11/12/2017 gửi UBND tỉnh Đồng Nai, đồng thời kiến nghị UBND tỉnh giải pháp xử lý theo quy định.

²⁸ Dự án Đường trung tâm Hưng Lộc chậm hơn 12 tháng, Tờ trình đề nghị thẩm tra số 1156/TT-BQLDA ngày 13/12/2016, Quyết định phê duyệt quyết toán số 315/QĐ-UBND ngày 02/02/2018; Dự án Trường tiểu học Phan Bội Châu chậm hơn 8 tháng, Tờ trình số 157/TT-BQLDA ngày 03/3/2016, Quyết định phê duyệt quyết toán số 5867/QĐ-UBND ngày 30/12/2016; Dự án đường Ruộng Tre - Thọ An đã hoàn thành bản giao đưa vào sử dụng từ năm 2013 nhưng đến nay vẫn chưa quyết toán; Dự án Tiểu dự án xây dựng trạm xử lý nước thải số 1, thành phố Biên Hòa, giai đoạn 1 công suất 9.500m³ ngày/đêm; Gói thầu số 8 - dự án đầu tư xây dựng Cầu qua xã Đắc Lúa đã quyết toán A-B, tính đến thời điểm kiểm toán, thời gian lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành chậm gần 2 tháng theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016; Dự án Xây dựng Trường THPT Xuân Thanh, thị xã Long Khánh đã nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 16/9/2016, tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Chủ đầu tư chưa lập và nộp hồ sơ quyết toán trình phê duyệt quyết toán, chậm 12 tháng; Dự án Xây dựng Trường THPT Cẩm Mỹ đã đưa vào sử dụng nhưng đến thời điểm kiểm toán Chủ đầu tư và các bên liên quan chưa nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, chưa lập quyết toán A-B để hoàn thiện thủ tục nộp hồ sơ quyết toán trình phê duyệt quyết toán theo quy định.

²⁹ Theo quyết định 1704/QĐ-UBND ngày 06/6/2013 thì nguồn vốn tỉnh chỉ bố trí cho chi phí xây lắp

³⁰ Số dư tạm ứng từ những năm 2004 đến cuối năm 2016 chuyển sang 2017 là: 394.154 triệu đồng. Số tạm ứng các dự án thuộc kế hoạch năm 2016 chuyển sang 2017 là 287.408 triệu đồng. Đến ngày 31/01/2018, kết thúc niên độ kế hoạch 2017 có 41 dự án có tạm ứng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với số tiền 99.184 triệu đồng đã quá hạn chưa thu hồi, gồm nợ quá hạn 3 tháng là 56.746 triệu đồng và quá hạn 1 năm là 42.438 triệu đồng; trong đó số quá hạn đã chuyển về tài khoản tiền gửi chủ đầu tư tại KBNN là 6.658 triệu đồng

Tính đến 31/12/2017, Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai tiếp nhận 56 dự án/công trình/hạng mục công trình (sau đây gọi tắt là “dự án”) đã hoàn thành, trong đó có 50 dự án hoàn thành đã được Phòng Đầu tư Sở Tài chính thẩm tra, trình phê duyệt quyết toán (gồm 02 dự án nhóm B và 48 dự án nhóm C). Công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước. Qua công tác thẩm tra quyết toán, đã cắt giảm 1.557 trđ đạt 0,11% giá trị đề nghị quyết toán. Tuy nhiên 25 dự án thẩm tra không đúng hạn trên tổng số 50 dự án hoàn thành đã được Sở Tài chính thẩm tra, trình phê duyệt quyết toán, chiếm tỷ lệ 50%; Có 42 dự án hoàn thành nhưng Chủ đầu tư chậm lập báo cáo quyết toán để trình thẩm tra phê duyệt quyết toán (có 14 dự án chậm trên 12 tháng; 03 dự án chậm trên 24 tháng). Qua chọn mẫu 20 dự án để đánh giá công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, Tại một số dự án, chi phí quyết toán các gói thầu xây lắp do chủ đầu tư đề nghị quyết toán chưa phù hợp do dự toán công trình được lập trong khoảng thời gian có hiệu lực của Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/03/2015 của Bộ Xây Dựng nhưng chưa áp dụng đúng theo hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo Thông tư này. Trong quá trình thẩm tra trình tự thủ đầu tư, Sở Tài chính chưa phát hiện các sai sót trong việc chấp hành các quy định trong việc lập dự toán (chưa điều chỉnh đơn giá nhân công theo quy định tại Thông tư số 01/2015/TT-BXD và Thông tư 05/2016/TT-BXD của các dự án đã nêu trên) để kiến nghị chủ đầu, tham mưu cấp có thẩm quyền có hướng xử lý phù hợp nhằm đảm bảo mục tiêu công tác quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 5/3/2016 của Bộ Tài chính.

2.1.5. Nợ đọng vốn đầu tư XD CB

Theo báo cáo của tỉnh (Công văn số 1933/UBND-CNN ngày 01/03/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2017), trong năm 2017, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Tuy nhiên, qua kết quả kiểm toán tại các huyện còn tồn tại nợ đọng như sau: Huyện Thống Nhất nợ vốn đầu tư XD CB tại 05 dự án được kiểm toán chi tiết là 2.464 trđ (nguồn vốn ngân sách huyện), Thành phố Biên Hòa nợ khối lượng xây dựng cơ bản đến 31/12/2017 và chưa được bố trí đủ kế hoạch vốn năm 2017 cho các dự án là 12.053 trđ (gồm 427 trđ nguồn vốn ngân sách tỉnh, 11.626 trđ nguồn vốn ngân sách thành phố). Nguyên nhân theo báo cáo của các Chủ đầu tư là do chưa thanh toán hết giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng được ký kết³¹.

2.1.6. Kết quả kiểm toán chi tiết các dự án đầu tư XD CB (Phụ lục số 07/BCKT-NSDP)

Kết quả kiểm toán chi phí đầu tư XD CB của 18 dự án và 04 ban QLDA huyện như sau: Tổng giá trị kiểm toán là 2.256.547,11 triệu đồng, giá trị kiểm toán xác nhận 2.216.270,09 triệu đồng, giá trị kiến nghị thu hồi, giám thanh toán, giảm giá trị hợp đồng, giảm giá gói thầu được duyệt là 40.277,02 triệu đồng

2.2. Chi thường xuyên

2.2.1. Chấp hành chế độ, chính sách của các cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách tỉnh, huyện, xã

a. Qua kiểm toán chi tiết và đối chiếu tại một số đơn vị dự toán thuộc ngân sách tỉnh³¹ còn tồn tại một số nội dung sau:

- Chưa thực hiện hiện nghiệm chỉnh Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai một số nội dung sau: Xây dựng dự toán cho các đơn vị trực thuộc sở, ban ngành tỉnh chưa cân đối nguồn thu sự nghiệp để xác định số giảm chi cho ngân sách Nhà

³¹ Kiểm toán chi tiết 05 đơn vị: Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Giao thông vận tải; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai.

Các đơn vị đối chiếu: Quỹ Phát triển đất; Quỹ đầu tư phát triển; Trung tâm phát triển quỹ đất Đồng Nai; Văn phòng đăng ký đất đai Đồng Nai.

nước; một số đơn vị dự toán cấp I trực thuộc tỉnh phân bổ dự toán chưa cân đối với nguồn thu sự nghiệp thực hiện qua các năm (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải); giao dự toán chỉ con người vượt quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện, chỉ thường xuyên giao vượt định mức biên chế theo số được duyệt số tiền 1.075.278.464 đồng³².

- Một số đơn vị sự nghiệp có thu chưa thực hiện nghĩa vụ với NSNN theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TNDN và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 04/02/2015 của Chính phủ; chưa nộp NSNN các khoản kinh phí thừa.

- Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường Nông thôn chưa thực hiện trích khấu hao TSCĐ theo quy định³³ vào theo đúng quy định tại Thông tư số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT của Liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Khu Quản lý đường bộ kê khai thiếu 211 trđ thuế TNDN theo quy định; NSNN cấp dự kinh phí từ nguồn thu lệ phí cho Văn phòng Sở Giao thông vận tải số tiền 2.391 trđ, Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Đồng Nai số tiền 393 trđ.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Một số đơn vị trực thuộc kê khai thiếu 38,3 trđ thuế TNDN phải nộp từ hoạt động kinh doanh dịch vụ, thu khác dịch vụ theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính; giám dự toán và thu hồi nộp NSNN 348 trđ.

- Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai: Kê khai thiếu 100 trđ thuế TNDN, thuế GTGT phải nộp từ hoạt động kinh doanh dịch vụ, thu khác dịch vụ theo quy định. Đơn vị chia nhỏ giá trị gói thầu mua ti vi giám sát để thực hiện hình thức chỉ định thầu mà không chào hàng cạnh tranh là không phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 19, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính, không kê khai thuế GTGT từ nguồn thu thanh lý tài sản là chưa đúng quy định; chưa hạch toán kịp thời khoản doanh thu bán vé chương trình ca nhạc; không ký hợp đồng cho thuê đất/tài sản đối với hai Trung tâm để hạch toán khấu hao là không hợp lý. Các Hợp đồng tài trợ mà đơn vị tài trợ được hưởng cung ứng dịch vụ quảng cáo có giá trị tương ứng 150% - 220% về bản chất là giảm giá trong hoạt động thương mại. Theo quy định về hoạt động xúc tiến thương mại tại Điều 6 Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 4/4/2006 của Chính phủ: Mức khuyến mãi giảm giá tối đa là 50% giá trị hàng hóa, dịch vụ. Việc đưa ra các quyền lợi cho nhà tài trợ như thỏa thuận trong hợp đồng có thể dẫn tới hoạt động cạnh tranh không lành mạnh.

Ngoài ra qua đối chiếu tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện, có một số tình hình sau:

- Về công tác tổ chức đấu giá đất: Năm 2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã tổ chức bán đấu giá khu đất với tổng diện tích thương phẩm 39.755 m², giá trị trúng đấu giá là 166.586.779.000 đồng, tăng so với giá khởi điểm 43.287.063.400 đồng, tương ứng tỷ lệ 35,11% so với số phải nộp ngân sách 264.539.529.133 đồng (đã nộp trong năm 159.801.435.678 đồng). Việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, quyền thuê đất của Trung tâm Phát triển quỹ đất được thực hiện thông qua hợp đồng ủy quyền với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản cơ bản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ và Thông tư số 23/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ Tư pháp. Tuy nhiên, còn một số tồn tại sau:

+ Không niêm yết công khai thông báo bán đấu giá tại các thửa đất theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và Thông tư số 23/2010/TT-BTP có thể làm hạn chế khả năng lựa chọn được giá trúng tốt nhất.

+ Giá khởi điểm tại thời điểm tổ chức đấu giá thấp hơn giá thị trường (62 lô đất), thấp hơn bảng giá đất UBND Tỉnh ban hành là không phù hợp với quy định tại Điều 3 Thông tư số

³² Tại Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo 345.278.464 đồng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 730.000.000 đồng.

³³ Tại Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn) theo Quyết định số 69/2013/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt đơn giá nước sinh hoạt theo 4.950 đồng/m³ không bao gồm khấu hao TSCĐ là không phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 16 Thông tư 54/2013/TT-BTC.

48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- Công tác tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng được Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, theo hướng dẫn của các Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và hướng dẫn của các Bộ Ngành được UBND tỉnh Đồng Nai quy định cụ thể theo thẩm quyền để tổ chức thực hiện. Các dự án chọn mẫu được UBND tỉnh Đồng Nai Quyết định thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng, được Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh tổ chức khảo sát hiện trạng sử dụng, cắm mốc ranh, kiểm đếm tài sản trên đất,... lập và niêm yết công khai phương án bồi thường để trình thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường để tổ chức bồi thường theo quy định.

b. Tại các huyện, thành phố được kiểm toán chi tiết

- Một số đơn vị sự nghiệp có thu chưa thực hiện nghĩa vụ với NSNN theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TNDN, KTNN

- Tại thành phố Biên Hòa: Giao dự toán ngân sách chi sự nghiệp giáo dục vượt quá nhu cầu (chi con người) tại các trường còn dư số tiền 8.200 trđ là chưa phù hợp tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 9/12/2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai.

- Tại huyện Thống Nhất: Chưa nộp NSNN kinh phí hết nhiệm vụ chi số tiền 879 trđ; cho vay và chi sai chế độ là 1.241 trđ; giảm dự toán năm sau 1.047 trđ; sử dụng nguồn cải cách tiền lương bổ sung dự toán chi đảm bảo xã hội khi chưa có ý kiến của UBND tỉnh, không bố trí dự toán chi ĐTPT để hoàn trả đầy đủ các khoản vay đến hạn trong năm 2017 quy định tại Điều 11 Thông tư số 91/2016/TT-BTC ngày 24/6/2016.

- Tại huyện Trảng Bom: Phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị còn chưa phù hợp với quy định hiện hành; chưa nộp NSNN kinh phí hết nhiệm vụ chi số tiền 658 trđ; chi sai chế độ là 974 trđ; giảm dự toán năm sau 1.345 trđ

- Tại thị xã Long Khánh: Xây dựng dự toán ngân sách chưa bao quát hết các nguồn thu, nhiệm vụ chi trong năm; chưa bố trí dự phòng Ngân sách theo Luật NSNN quy định; lập kế hoạch, phân bổ vốn, quản lý và sử dụng một số nguồn vốn có mục tiêu chưa phù hợp gây lãng phí nguồn lực. Ngoài ra, công tác quản lý đất đai năm 2017 trên địa bàn thị xã Long Khánh, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai Chi nhánh Long Khánh bán đấu giá 35 lô đất Khu tái định cư tại xã Bảo Vinh, thị xã Long Khánh theo giá thẩm định, phê duyệt năm 2013. Với mức giá trên, nếu so sánh với bảng giá đất năm 2017 của UBND tỉnh thì thấp hơn 789.331.200 đồng. Tuy nhiên, trước đó UBND thị xã Long Khánh có Công văn số 1179/UBND-NN ngày 11/5/2017 về việc dùng tổ chức đấu giá vì giá đất thực tế trên thị trường hiện tại cao hơn giá khởi điểm được duyệt, nhưng Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Khánh và Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai (thuộc Sở Tư pháp) vẫn tổ chức đấu giá.

2.2.2. Sử dụng dự phòng ngân sách

Dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2017 là 198.477 trđ; số đã chi sử dụng là 58.667 trđ; số còn lại là 139.810 trđ. Qua kiểm toán cho thấy việc sử dụng nguồn dự phòng của tỉnh cơ bản tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định sử dụng, thực hiện quyết toán theo quy định. Tuy nhiên, năm 2017 UBND tỉnh không bổ sung nguồn dự phòng dự toán chi thường xuyên chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện đến ngày 30/6/2017; tại huyện chưa bố trí dự phòng Ngân sách theo mức quy định tại Điểm 1 Điều 10 Luật NSNN (huyện Thống Nhất, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, huyện Trảng Bom).

2.2.3. Sử dụng nguồn tăng thu

Tăng thu ngân sách năm trước chuyển sang năm 2017 (tăng thu tiền sử dụng đất) là 10.149 trđ. UBND tỉnh chưa lập phương án sử dụng số tăng thu báo cáo Thường trực HĐND quyết định và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất. UBND tỉnh đã hòa chung với nguồn kết dư năm 2016 để phân bổ, không chi tiết các nhiệm vụ chi bố trí từ các nguồn cụ thể, do đó KTNN không có cơ sở đánh giá chính xác việc lập phương án phân bổ, sử dụng nguồn tăng thu của UBND tỉnh; không đánh giá được các nội dung đã chi từ nguồn tăng thu so với phương án chi đã được Thường trực HĐND tỉnh thống nhất và việc tuân thủ sử dụng nguồn kinh phí. Nguồn tăng thu UBND tỉnh chưa được ưu tiên bố trí để thực hiện chi trả nợ gốc và lãi trong năm theo quy định tại Khoản 2, Điều 59 Luật NSNN.

2.2.3. Cấp phát bằng lệnh chi tiền (đã gồm Chi hỗ trợ doanh nghiệp)

Năm 2017, Sở Tài chính thực hiện phát hành 304 Lệnh chi tiền, số kinh phí đã cấp là 1.877.183 trđ. Qua kiểm tra chọn mẫu một số khoản chi có tình hình như sau: Cấp phát cho một số đơn vị chưa đủ điều kiện, thu hồi nộp NSNN kinh phí thừa số tiền 9.325 trđ; thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định của Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai số tiền 640.590.000 đồng.

2.2.4. Chi bổ sung kinh phí cho ngân sách cấp dưới

Tỉnh bổ sung kinh phí cho ngân sách cấp huyện là 6.422.647 trđ (Bổ sung cân đối: 4.465.055 trđ; bổ sung có mục tiêu: 1.957.592 trđ). Qua kiểm toán chi tiết tại thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, huyện Thống Nhất và Trảng Bom còn một số tồn tại như:

- Kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi chưa hoàn trả cấp trên, còn thừa ở kết dư là 697,4 trđ (thị xã Long Khánh, huyện Thống nhất).

- Kinh phí thuộc nội dung chuyển nguồn sang năm sau thực hiện nhưng huyện không chi chuyển nguồn 879.082.155 đồng, các khoản phải nộp nhưng chưa nộp NSNN 5.851.878.210 đồng tại huyện Thống Nhất.

- Huyện Trảng Bom sử dụng nguồn bổ sung có mục tiêu từ nguồn xổ số kiến thiết bố trí cho các nội dung đầu tư phát triển không phù hợp theo quy định tại Điểm 8 Điều 1 Thông tư số 326/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, số tiền 284 trđ.

2.2.5. Quản lý, sử dụng kết dư ngân sách năm trước

Kết dư ngân sách năm 2016 là 1.575.503 trđ³⁴. Trong năm 2017, UBND tỉnh không sử dụng nguồn kết dư để chi trả nợ gốc và lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước; không trích 50% vào Quỹ dự trữ tài chính; số dư nguồn kết dư năm 2016 còn lại 251.143 trđ tiếp tục chuyển sang năm 2018 thực hiện. Việc sử dụng nguồn kết dư NS tỉnh không đúng quy định tại Khoản 1, Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước.

2.3. Chi chuyển nguồn

Thu chuyển nguồn trong năm là 4.530.336 trđ. Trong đó: Khối tỉnh 2.981.124 trđ; khối huyện 1.332.670 trđ; khối xã 216.508 trđ. Chi chuyển nguồn sang năm sau là 4.207.973 trđ³⁵ (giảm 7% so với năm 2016). Tỷ lệ chi chuyển nguồn năm 2017 là 13% (giảm so với tỷ lệ chi chuyển nguồn năm 2016 là 15,2%). Qua kiểm toán cho thấy các nội dung chi chuyển nguồn năm 2017 chủ yếu là chi đầu tư XD CB, nguồn cải cách tiền lương, các nhiệm vụ được cấp dự toán vào quý 4/2017 chưa triển khai thực hiện kịp, hoặc chưa đủ chứng từ thanh toán trong thời gian chính lý quyết toán, đề nghị chuyển sang năm 2018 phù hợp với quy định của Luật NSNN.

2.4. Quản lý, sử dụng nguồn cải cách tiền lương (CCTL)

Qua kiểm toán cho thấy địa phương cơ bản đã xây dựng nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2017 theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính

³⁴ cấp tỉnh 704.298 triệu đồng, cấp huyện 697.341 triệu đồng, cấp xã 173.864 triệu đồng).

³⁵ Gồm, chi chuyển nguồn khối tỉnh 2.282.698 triệu đồng; khối huyện 1.681.231 triệu đồng; khối xã 244.044 triệu đồng.

phủ và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 76/2017/NĐ-CP ngày 30/6/2017 của Chính phủ. Thông tư số 67/2017/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính. Nguồn kinh phí thực hiện CCTL năm 2017 là 1.752.025 trđ, chưa bao gồm 50% nguồn tăng thu năm 2016 là 577.824 trđ. Tuy nhiên, nguồn tăng thu năm 2016 đã được Chính phủ cho phép UBND tỉnh Đồng Nai thực hiện chỉ một số nhiệm vụ cấp bách, quan trọng tại Công văn số 2312/VPCP-KTTH ngày 14/3/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

2.5. Một số nội dung kiểm toán tổng hợp khác

2.5.1. Việc thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính và biên chế của các đơn vị sự nghiệp.

Ngày 08/6/2017 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1889/QĐ-UBND về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập³⁶. Thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP và số 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 15/5/2016 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

Công tác quản lý và sử dụng biên chế được giao: Biên chế hành chính tỉnh Đồng Nai được Bộ Nội vụ giao 3.405 chỉ tiêu biên chế tại Quyết định số 3925/QĐ-BNV ngày 25/10/2016. HĐND giao 3.804 chỉ tiêu biên chế (bao gồm 3.492 chỉ tiêu biên chế và 312 chỉ tiêu hợp đồng), cao hơn chỉ tiêu biên chế của Bộ Nội vụ giao là 399 biên chế. Biên chế làm việc trong các đơn vị sự nghiệp tại Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 là 49.324 chỉ tiêu (bao gồm chỉ tiêu viên chức 44.520 chỉ tiêu, hợp đồng 4.804 chỉ tiêu); Biên chế làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù là 369 chỉ tiêu (gồm 355 biên chế, 14 hợp đồng). Số biên chế UBND phân bổ cho các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp bằng với số biên chế HĐND giao.

2.5.2. Ban hành qui định về thu, phí, lệ phí trên địa bàn thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh

Năm 2017, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 97/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 bãi bỏ một số loại phí, lệ phí hết hiệu lực để thay thế bằng các loại phí, lệ phí mới. Đến cuối năm 2017, địa phương đã ban hành 14 loại phí, chuyển sang cơ chế giá đối với 04 loại phí, 7 loại lệ phí.

2.5.3. Việc triển khai thực hiện tỷ lệ điều tiết mới.

Qua kiểm toán cho thấy căn cứ vào nguồn thu và nhiệm vụ chi năm 2017 việc phân cấp nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trên cơ sở đó Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 4456/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 89/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2017, giai đoạn 2017 - 2020 để triển khai thực hiện tỷ lệ điều tiết mới được kịp thời.

2.5.5. Việc tuân thủ quy định tại Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2017.

Thực hiện Công văn số 4494/BTC-HCSN ngày 04/4/2017 của Bộ Tài chính về việc thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ. Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai đã tham mưu cho UBND báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên ngân sách năm 2017. Theo đó báo cáo chi tiết các khoản kinh phí mua sắm, sửa chữa đã bố trí trong dự toán ngân sách đầu năm 2017 nhưng đến ngày 30/6/2017 chưa được phê duyệt dự toán, chưa được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu,

³⁶ Theo đó có 27 đơn vị được giao tự bảo đảm chi thường xuyên, 35 đơn vị sự nghiệp được giao tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và 102 đơn vị sự nghiệp được ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

phải thực hiện hủy bỏ dự toán đưa về dự phòng ngân sách, số tiền là 23.294 trđ³⁷. Qua kiểm toán chi tiết các đơn vị dự toán cấp I³⁸ cho thấy một số đã báo cáo Sở Tài chính việc cắt giảm dự toán đối với những nhiệm vụ chi thường xuyên đã có trong dự toán của các bộ, cơ quan và địa phương nhưng đến ngày 30/6/2017 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ số tiền 8.042.087.992 đồng nhưng Sở Tài chính chưa tham mưu UBND tỉnh thu hồi bổ sung dự phòng ngân sách, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên để chi đầu tư chưa chấp hành nghiêm Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 19/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Kế toán và quyết toán ngân sách

3.1. Công tác kế toán quyết toán thu ngân sách nhà nước

Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2017 được Sở Tài chính lập và đối chiếu xác nhận với Kho bạc nhà nước ngày 19/4/2018.

Qua kiểm tra tổng hợp quyết toán thu ngân sách do Sở Tài chính lập cho thấy về cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, số liệu khớp đúng với số KBNN tỉnh Đồng Nai hạch toán số thu ngân sách, đảm bảo về thời gian, niên độ, mục lục ngân sách; các khoản thu trong cân đối và ngoài cân đối được phản ánh theo quy định. Tuy nhiên, Sở Tài chính đề nghị Kho bạc hạch toán 100% thu kết dư năm 2016 vào thu NSNN năm 2017 theo đề nghị tại Công văn số 7304/STC-NSNN ngày 21/12/2017 của Sở Tài chính, trong đó không thực hiện trích lập quỹ Dự trữ tài chính từ nguồn 50% kết dư ngân sách tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước.

3.2. Công tác kế toán quyết toán chi ngân sách nhà nước

3.2.1. Kiểm toán công tác xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán đối với các đơn vị dự toán và cấp ngân sách huyện

a. Kiểm toán công tác xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán đối với cấp ngân sách huyện: Sở Tài chính đã thẩm định quyết toán ngân sách cho thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và 09 huyện thuộc tỉnh Đồng Nai nhưng chưa ban hành Thông báo thẩm định quyết toán. Sở Tài chính chưa tham mưu UBND tỉnh chưa trình HĐND tỉnh quy định cụ thể thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và quy định cụ thể thời hạn UBND các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách đến các cơ quan quy định tại Điều 69 Luật Ngân sách nhà nước.

b. Kiểm tra công tác xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán đối với các đơn vị dự toán: Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Công văn số 2775/UBND-KT ngày 23/3/2018 về việc quy định thời gian gửi báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm, theo đó, yêu cầu các đơn vị dự toán cấp I và đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm gửi báo cáo quyết toán ngân sách về Sở Tài chính trước ngày 30/4 hàng năm. Tính đến thời điểm kiểm toán, khối tỉnh có 36/53 sở, ban ngành đã lập báo cáo quyết toán toàn ngành gửi Sở Tài chính. Sở Tài chính đã thẩm tra một số đơn vị nhưng chưa ra Thông báo quyết toán năm.

3.2.2. Công tác kế toán, quyết toán chi thường xuyên

- Tại thời điểm kiểm toán, địa phương chưa khóa sổ, lập Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2017 nên KTTN chỉ đánh giá trên Báo cáo số liệu chi NSDP năm 2017 do Sở Tài chính và KBNN cung cấp đến ngày 19/4/2018.

³⁷ Gồm: Hủy dự toán kinh phí chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo dạy nghề 15 triệu đồng; hủy dự toán kinh phí sự nghiệp văn hóa 4.945,5 triệu đồng; hủy dự toán sự nghiệp phát thanh 990 triệu đồng; hủy dự toán kinh phí sự nghiệp kinh tế 3.470 triệu đồng; hủy dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường 5.548 triệu đồng; hủy dự toán kinh phí chi quản lý HCNN Đảng-Đoàn thể 2.097,9 triệu đồng; hủy dự toán kinh phí sự nghiệp khác 6.228 triệu đồng.

³⁸ Gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải) nhưng chưa thu: (i) Đối với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn dự toán đã được giao đầu năm nhưng chưa hết ngày 30/6/2017 chưa phân bổ, số tiền là 4.460 triệu đồng, các khoản kinh phí mua sắm, sửa chữa đã bố trí trong dự toán ngân sách giao đầu năm nhưng đến ngày 30/6/2017 chưa phê duyệt dự toán, số tiền là 3.090 triệu đồng. Sở Tài chính cho phép đơn vị sử dụng nhiệm vụ chi khác (ii) Sở Giáo dục và Đào tạo còn tồn tại 03 dự án được bố trí dự toán từ đầu năm nhưng đến ngày 30/6/2017 chưa được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, chưa hủy dự toán theo quy định mà được các đơn vị tiếp tục trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thực hiện thanh quyết toán số tiền là 8.042.087.992 đồng. (iii) Sở Giao thông vận tải chưa báo cáo.

- Qua đối chiếu số liệu quyết toán thu, chi NSNN trên báo cáo của Sở Tài chính và KBNN cho thấy: Đơn vị đã thực hiện xử lý ngân sách cuối năm, thực hiện chỉnh lý số liệu trong thời gian chỉnh lý quyết toán về cơ bản theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 12/12/2016 của Bộ Tài chính, số liệu khớp đúng giữa báo cáo của cơ quan tài chính và KBNN.

II. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

1. Quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính; Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

1.1. *Quỹ dự trữ tài chính:* Số dư đến ngày 31/12/2017 là 82.010 trđ, không vượt quá 25% dự toán chi ngân sách, tuy nhiên tỉnh không thực hiện bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính từ nguồn kết dư là không đúng theo quy định tại Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước.

1.2. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp:

Số dư quỹ đến ngày 31/12/2017 do Sở Tài chính quản lý là 74.391.803.705 trđ, tại thời điểm kiểm toán địa phương chưa thực hiện nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định. Tuy nhiên, UBND tỉnh Đồng Nai đã có Công văn số 2421/UBND-KT ngày 15/3/2018 gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị cho phép tỉnh sử dụng số dư của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước (Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai là 208.548.000.718 đồng) để thực hiện các dự án đầu tư của tỉnh nhưng chưa có trả lời.

1.3. Quản lý và sử dụng các quỹ ngoài ngân sách:

Hiện nay địa phương quản lý và sử dụng 12 Quỹ tài chính, kinh phí lũy kế đến ngày 31/12/2016 là 1.292.336 trđ, trong năm chi hỗ trợ là 298.074 trđ, số lũy kế đến ngày 31/12/2017 là 1.590.410 trđ. Kết quả kiểm toán còn tồn tại như sau:

- Quỹ Hỗ trợ nông dân: Sở Tài chính báo cáo Quỹ không cung cấp Báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan đến hoạt động của Quỹ nên KTNN không có cơ sở xác định khả năng tài chính độc lập và các điều kiện được cấp bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 11 Điều 8 Luật NSNN và Điều 12 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

- Quỹ Đầu tư phát triển Đồng Nai:

+ UBND tỉnh không xây dựng phương án cấp vốn điều lệ và lộ trình tăng vốn điều lệ cho quỹ theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ.

+ Quỹ chưa xây dựng các tiêu chuẩn để đánh giá các điều kiện cho vay theo Điều 6 của Quy chế cho vay (như khả năng điều hành hoạt động, năng lực tài chính, các tiêu chí đánh giá tính khả thi và khả năng trả nợ...)

- Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai: Không thực hiện thu phí ứng vốn quá hạn và tại Điều 21 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ. Chưa xây dựng quy trình về việc gia hạn nợ, chưa xây dựng quy trình thẩm định và đánh giá khả năng trả nợ... công tác phê duyệt của Hội đồng quản lý chỉ căn cứ trên văn bản, tờ trình của đối tượng cho vay.

- Đối với Quỹ Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai: Ngân sách cấp vốn hoạt động 10.000 trđ. Quỹ đã thực hiện đầu tư tài chính (gửi tiết kiệm ngân hàng) kinh phí hoạt động từ nguồn thu lãi tiết kiệm. Các năm 2014, 2015 hoạt động không đủ bù đắp chi phí. Qua đó cho thấy, quỹ hoạt động không hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra và hoạt động của quỹ không đáp ứng kịp thời chiến lược và quy hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2011-2020.

- Về công tác quyết toán các quỹ tài chính nhà nước: Sở Tài chính chưa thu thập hết các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán quỹ tài chính ngoài ngân sách của một số quỹ (Quỹ Bảo trì đường bộ, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Đồng Nai) để phục vụ công tác quyết toán theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính.

- UBND tỉnh chưa thực hiện kiểm tra, rà soát và chưa thực hiện cơ cấu lại các quỹ tài chính nhà nước theo Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN và Công văn số

1861/VPCP-KTTH ngày 01/3/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

2. Các tài khoản tạm thu, tạm giữ, tiền gửi do Sở Tài chính quản lý

Hiện nay Sở Tài chính đang quản lý 05 tài khoản³⁹, số dư đến ngày 31/12/2017 là 304.702.567.363 đồng. Qua kiểm toán cho thấy, Sở quản lý sử dụng các khoản tạm thu, tạm giữ, tiền gửi theo quy định. Tuy nhiên tài khoản tiền gửi có mục đích khác là tài khoản tạm giữ ngân sách tỉnh mở riêng cho khoản thu về từ cổ phần hóa Tổng công ty Phát triển khu công nghiệp Đồng Nai (Sonadezi) số tiền là 83.033.631.764 đồng, trong đó: Lợi nhuận sau thuế của Công ty CP Cấp nước Đồng Nai chưa nộp NSNN là 8.641.828.689 đồng và số dư Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp 74.391.803.075 đồng chưa nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định.

3. Vay và sử dụng tiền vay, cho tạm ứng ngân sách tỉnh và quản lý sử dụng nguồn tạm ứng, ứng trước ngân sách TW

3.1. Nợ chính quyền địa phương

Số dư nợ tính đến ngày 31/12/2017 là 1.242.045 triệu đồng⁴⁰. Kết quả kiểm toán còn tồn tại nội dung sau: UBND tỉnh không xây dựng hạn mức vay hàng năm trình HĐND tỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định⁴¹. Do tỉnh không xây dựng kế hoạch vay và trả nợ vay nên KTTN không đánh giá được tính hợp lý, đúng đắn, xác thực của cơ sở lập kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương; không đánh giá được khả năng hoàn vốn của dự án.

3.2. Việc quản lý các khoản tạm ứng ngoài dự toán của NSDP

Qua kiểm tra cho thấy các khoản tạm ứng được Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh quyết định, được giám sát trong quá trình sử dụng và đôn đốc thu hồi theo quy định. Tuy nhiên còn một số tồn tại ảnh hưởng một phần đến công tác điều hành cân đối ngân sách trong khi hàng năm ngân sách tỉnh phải đi vay và trả lãi:

- Tạm ứng ngoài nhiệm vụ chi Ngân sách từ nhiều năm chưa thanh toán số tiền 6.376.410.000 đồng⁴²

- Chưa kịp thời thu hồi các khoản tạm ứng từ các năm số tiền 129.084.091.445 đồng⁴³; công tác thu hồi tạm ứng của một số địa phương còn chậm, còn tạm ứng một số nội dung nằm ngoài nhiệm vụ chi của ngân sách.

4. Công tác quản lý tài sản công

4.1. Đánh giá việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ

Qua thực hiện rà soát và tổng hợp kết quả kiểm toán, cho thấy việc sắp xếp, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước tại địa phương còn một số tồn tại sau:

- Công tác tham mưu, quản lý và xây dựng một số phương án chưa tốt, trong phương án sắp xếp có 5 trường hợp đề xuất bán, chuyển nhượng; tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay (sau 7 năm), chưa có lô đất nào được thực hiện bán hay chuyển nhượng. Chưa cập nhật biến động tài

³⁹ Tài khoản Quỹ phòng chống tội phạm, số dư cuối kỳ 5.069.021.066 đồng; Tài khoản Quỹ phòng chống lụt bão số dư cuối kỳ 5.069.021.066 đồng; Tài khoản tiền gửi có mục đích khác, số dư cuối kỳ 83.033.631.764 đồng; Quỹ dự trữ tài chính, Số dư cuối kỳ 82.010.268.069 đồng; Quỹ Cải cách tiền lương, số dư cuối kỳ 217.539.278.201 đồng

⁴⁰ Gồm: Vay NH Phát triển: 157.000 trđ; Vay NH Đầu tư phát triển: 316.155 trđ; Vay NH TMCP Công thương: 780.228 trđ. Số vay trong năm 2017: 679.483 trđ (NH Đầu tư phát triển: 139.114 trđ; NH TMCP Công thương: 540.369 trđ. Số trả nợ trong năm 2017: 690.821 trđ (NH Phát triển: 57.000 trđ; NH TMCP Công thương: 633.821 trđ). Số dư nợ cuối năm 2017: 1.242.045 trđ (NH Phát triển: 100.000 trđ; NH Đầu tư phát triển: 455.269 trđ; NH TMCP Công thương: 686.776 trđ). Mức dư nợ vay đạt tỷ lệ 23,5% đảm bảo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật NSNN.

⁴¹ Tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ; không xây dựng kế hoạch vay, trả nợ chi tiết hàng năm trình HĐND tỉnh phê duyệt theo Điều 19 Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ

⁴² Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Trung tâm Thoát nước tỉnh Đồng Nai 1.376.410.000 đồng; Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai ủy thác vốn ngân sách tỉnh để Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai vay vốn trồng cây cao su theo công văn 9408/UBND-KT ngày 30/12/2011 số tiền 5.000.000.000 đồng;

⁴³ Trung tâm Thoát nước tỉnh Đồng Nai 4.205.000.000 đồng; Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Biên Hòa 115.191.732.000 đồng; Trung tâm Phát triển quỹ đất 9.687.359.445 đồng;

sản vào Hệ thống cơ sở dữ liệu về tài sản quốc gia để thực hiện quản lý theo quy định đối với trụ sở làm việc của UBND thành phố Biên Hòa. Diện tích đất bị lấn chiếm chưa có biện pháp thu hồi tại Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải, có 12 hộ dân đang sử dụng đất trái phép trong khuôn viên Trường với diện tích 2.965 m².

4.2. Việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập

Kết quả kiểm toán còn một số tồn tại như sau:

- Sở Tài chính chưa thực hiện quản lý xe ô tô đầy đủ trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản (số lượng xe thực tế tại địa phương là 629 chiếc, số lượng xe quản lý trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản 597 chiếc).

- Một số đơn vị có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ dưới 0,7 được trang bị xe ô tô phục vụ chung là không đúng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 Quyết định 32/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/08/2015; địa phương đã bố trí xe cho các Hội đặc thù không thuộc tiêu chuẩn được trang bị xe (6 xe ô tô), còn tình trạng dư thừa 42 xe phục vụ chung⁴⁴.

5. Tình hình quản lý tài chính, tài sản nhà nước và chấp hành chế độ chính sách tại các doanh nghiệp nhà nước

Qua kiểm toán tại 02 doanh nghiệp có vốn nhà nước chiếm tỷ lệ 100%, cho thấy vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

(1) Công ty TNHH MTV Khai Thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai: Đơn vị trích khấu hao vào chi phí đối với những TSCĐ như: Các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước (như hồ, đập, kênh, mương); cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình; Giao cho đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi để tổ chức sản xuất kinh doanh cung ứng dịch vụ công ích; theo quy định tại Điều 1, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Đối với những tài sản chỉ theo dõi không trích khấu hao vào chi phí. KTNN tăng số thuế và các khoản phải nộp NSNN 816,93 trđ.

(2) Tại Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai: Đơn vị hạch toán chi phí có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động nêu tại Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC vượt quá 1 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm 2017 tính thuế, KTNN xác định tăng thuế và các khoản phải nộp NSNN là 170,25 trđ.

C. TÍNH KINH TẾ, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGÂN SÁCH, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Năm 2017 là năm đầu tiên thực hiện Luật Ngân sách nhà nước, năm thứ nhất thời kỳ ổn định ngân sách, nhưng các cơ quan, sở, ban, ngành thuộc tỉnh đã có nhiều cố gắng tham mưu cho HĐND và UBND tỉnh trong công tác quản lý, điều hành ngân sách; khai thác và quản lý các nguồn thu thực hiện dự toán được giao; đáp ứng kịp thời các nhu cầu chi trong năm của địa phương, góp phần vào việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và nâng cao đời sống cho nhân dân địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn những nội dung chưa thực hiện tốt làm hạn chế tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý. Cụ thể các nội dung như:

- Xây dựng dự toán thu ngân sách chưa đảm bảo mức tăng thu bình quân tối thiểu 13-15% so với đánh giá ƯTH năm 2016; dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu chưa đảm bảo mức tăng bình quân tối thiểu 6-7% so với đánh giá ƯTH năm 2016;

- Phân bổ dự toán đối với các đơn vị sự nghiệp công lập chưa cân đối nguồn thu sự nghiệp để xác định số giảm chi cho ngân sách Nhà nước; Chưa thu hồi bổ sung dự phòng ngân sách tỉnh

⁴⁴ 37 xe của các Sở ban, ngành, huyện và 5 xe khối đảng, (Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh 1 xe; Ban Dân vận tỉnh ủy 1 xe, Quỹ bảo vệ môi trường 1 xe

các khoản chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa thực hiện triển khai đến ngày 30/6/2017 theo quy định tại Công văn số 4494/BTC-HCSN ngày 4/4/2017 của Bộ Tài chính.

- Một số đơn vị lập dự toán chưa sát thực tế, chưa chủ động rà soát cắt giảm các khoản chi thường xuyên dẫn đến cuối năm phải hủy dự toán nhiều.

- Tỉnh vẫn chưa quan tâm đúng mức, đề tập trung xử lý kịp thời và dứt điểm các khoản tạm ứng kéo dài nhiều năm, có số dư lớn làm ảnh hưởng đến số tồn quỹ ngân sách và việc điều hành ngân sách hàng năm của địa phương. Vì vậy chưa đảm bảo tính kinh tế, tác động đến tính ổn định bền vững trong quản lý, điều hành ngân sách và làm giảm hiệu quả sử dụng ngân sách của địa phương.

- Các sở, phòng, ban, đơn vị sự nghiệp trong quản lý tài chính còn có những thiếu sót như: Sử dụng kinh phí không đúng quy định, không thực hiện đầy đủ các khoản nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, trích lập thiếu nguồn CCTL,...

PHẦN THỨ HAI KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Công tác quản lý và điều hành ngân sách của tỉnh cơ bản thực hiện theo quy định của Luật NSNN; các chương trình hành động của tỉnh đã bám sát theo các nội dung các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về quản lý điều hành ngân sách; các cơ quan tổng hợp đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý thu, chi, huy động các nguồn thu vào ngân sách, bố trí các nội dung chi theo đúng định mức; các đơn vị sử dụng ngân sách đã ý thức trong việc chấp hành chế độ chi tiêu tài chính... Tuy nhiên, qua kiểm toán cho thấy còn một số tồn tại như sau:

- Trong quản lý đầu tư XD CB còn một số tồn tại như: Một số công trình/dự án còn có tình trạng bố trí vốn quá thời hạn, tính vượt chi phí dự án theo quy định; công tác chuẩn bị đầu tư không tốt dẫn đến việc công trình phải điều chỉnh dự án, kéo dài thời gian đầu tư và làm tăng chi phí đầu tư xây dựng công trình; công tác nghiệm thu, thanh toán, quyết toán một số dự án vượt khối lượng thực tế.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời chỉ đạo việc tổ chức, xác định đơn giá nhân công theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng. Tuy nhiên, Sở Xây dựng đã triển khai nhưng theo số liệu điều tra, khảo sát mức lương thực tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cao hơn mức lương quy định tại Thông tư 01/2015/TT-BXD nên việc xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo Thông tư này chưa được kịp thời. Kết quả kiểm toán chi tiết có 13 dự án chi phí nhân công tăng so với quy định làm cho giá trị dự toán gói thầu tăng.

- Khi phân bổ dự toán cho các đơn vị sự nghiệp công lập UBND tỉnh chưa cân đối nguồn thu sự nghiệp để xác định số giảm chi cho ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 33/2016/MQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai; trích lập thiếu nguồn CCTL; triển khai một số nội dung nhiệm vụ chi không kịp thời, phải hủy bỏ kinh phí cuối năm;

- Chưa theo dõi đầy đủ về diện tích nhà và đất đai trụ sở của các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh; một số đơn vị sử dụng ô tô vượt tiêu chuẩn, định mức theo chức danh và mua sắm xe ô tô phục vụ chung; hiện nay trên địa bàn tỉnh còn dư 42 xe chưa thực hiện điều chuyển và bán thanh lý theo quy định gây lãng phí NSNN;

- Năm 2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Khánh (thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) đã tổ chức bán đấu giá 35 lô đất Khu tái định cư tại xã Bảo Vinh, thị xã Long Khánh với mức giá được phê duyệt theo giá năm 2013 thấp hơn bảng giá đất năm 2017 của UBND tỉnh quy định. Tuy nhiên, trước đó UBND thị xã Long Khánh có Công văn số 1179/UBND-NN ngày 11/5/2017 về việc dừng tổ chức đấu giá vì giá đất thực tế trên thị trường hiện tại cao hơn giá khởi điểm được duyệt, nhưng Trung tâm Phát

triển quỹ đất Chi nhánh Long Khánh và Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai (thuộc Sở Tư pháp) vẫn tổ chức đấu giá.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Đề nghị UBND tỉnh thực hiện và chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau đây:

1.1. Điều chỉnh số liệu về thu chi ngân sách

Chỉ đạo cơ quan Tài chính, Kho bạc nhà nước và các đơn vị được kiểm toán điều chỉnh số liệu về thu, chi ngân sách theo kết luận và kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

1.2. Xử lý tài chính tổng số tiền: 128.463.241.321 đồng, gồm:

- Nộp NSNN các khoản do KTNN xác định tăng thêm: 38.187.295.265 đồng;
- Điều chỉnh giảm lỗ tại các DN: 3.967.165.593 đồng;
- Thu hồi, nộp NSNN các khoản chi sai chế độ (gồm XD CB): 2.777.259.085 đồng;
- Thu hồi kinh phí thừa nộp trả NSNN: 16.511.175.589 đồng;
- Giảm trừ dự toán, thanh toán NSNN (gồm XD CB): 24.762.183.861 đồng;
- Giảm giá trúng thầu, giảm giá trị hợp đồng: 4.755.465.434 đồng;
- Giảm giá gói thầu được duyệt: 21.872.271.193 đồng;
- Chuyển quyết toán năm sau: 887.314.951 đồng;
- Các khoản phải trả, phải nộp khác: 8.891.232.140 đồng;
- Các khoản phải nộp nhưng chưa nộp NSNN: 5.851.878.210 đồng.

(Chi tiết tại các phụ lục số 08, 08a, 08b, 09, 09a/BCKT-NSDP)

1.3. Các khoản khác: Tổng số tiền 417.921.761.675 đồng (Chi tiết tại Phụ lục số 10/BCKT-NSDP).

Trong đó, Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp 282.939.803.793 đồng (gồm: Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp trên tài khoản tạm thu, tạm giữ của Sở Tài chính số tiền 74.391.803.075 đồng; Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai số tiền 208.548.000.718 đồng), đề nghị UBND tỉnh xử lý dứt điểm sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

1.4. Chấn chỉnh công tác quản lý tài chính công, tài sản công

1.4.1. Đề nghị UBND tỉnh khắc phục hạn chế, sai sót trong quản lý, điều hành, sử dụng tài chính công, tài sản công.

- Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm về công tác lập, giao dự toán và tồn tại trong chỉ tiêu ngân sách địa phương chưa theo quy định của Luật NSNN;

- Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc phân bổ dự toán đối với các đơn vị sự nghiệp công lập không cân đối nguồn thu sự nghiệp để xác định dự toán giảm chi cho ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm và chấm dứt chi hỗ trợ cho các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn không phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước;

- Xây dựng lộ trình tăng vốn điều lệ, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điểm 4, Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ Phát triển đất phù hợp các văn bản hướng dẫn hiện hành về mức phí ứng vốn;

- Phê duyệt điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư Dự án Xây dựng mới tuyến đường nối dài Hương lộ 10 đoạn từ ranh giới 2 huyện Cẩm Mỹ và huyện Long Thành đến vị trí giao với đường tỉnh lộ 769 do giám dự phòng phí theo kết quả kiểm toán;

- Chỉ đạo ngành thuế và các ban ngành có liên quan rà soát, kiểm tra đối chiếu giữa việc cấp giấy phép đăng ký kinh doanh và cấp mã số thuế. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với các hộ không tiến hành hoạt động kinh doanh trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Điều 78 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;

- Chỉ đạo phối hợp giữa các cơ quan: Thuế, Kho bạc, Sở Tài nguyên và Môi Trường trong việc quản lý, thông tin về nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai. Chỉ đạo cục thuế và các ngành liên quan có giải pháp thu các khoản nợ đọng về thuế, trong đó có khoản nợ quá hạn về tiền sử dụng đất của các cá nhân được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện rà soát và xử lý theo quy định tại Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/03/2015 của Bộ Xây dựng đối với các dự án giai đoạn 2015 – 2016;

- Phê duyệt điều chỉnh chỉnh cơ cấu nguồn vốn và Kế hoạch đầu thầu dự án Trung tâm chiếu xạ tỉnh Đồng Nai phù hợp với quy định tại Quyết định 775/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo Bộ kế hoạch Đầu tư về nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ xây Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 1784/QĐ-TTg ngày 24/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ; phê duyệt điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn của dự án trong trường hợp không được ngân sách Trung ương hỗ trợ;

- Chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại số biên chế giao cho khối hành chính tỉnh vượt so với biên chế Bộ Nội vụ giao và báo cáo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh theo quy định, chấm dứt tình trạng giao vượt chỉ tiêu biên chế như hiện nay .

1.4.2. Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai chỉ đạo

1.4.2.1. Sở Tài chính

- Thực hiện và đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị được kiểm toán thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và tổng hợp lập báo cáo gửi KTNN theo quy định;

- Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác lập, phân bổ dự toán theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn về công tác lập, phân bổ dự toán hàng năm của Bộ Tài chính;

- Chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc chưa bổ sung dự phòng ngân sách đối với dự toán chi thường xuyên đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện sau ngày 30/6/2017 để tăng dự phòng ngân sách theo quy định; thực hiện quyết toán đối với các khoản chi bằng lệnh chi tiền; chấm dứt tạm ứng ngân sách cho các nội dung không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh

- Kiểm tra, rà soát và thực hiện cơ cấu lại các quỹ tài chính nhà nước không hoạt động theo đúng mục đích khi thành lập quỹ hoặc hoạt động không hiệu quả;

- Tổ chức rà soát, xử lý dứt điểm các khoản tạm ứng từ ngân sách tỉnh kéo dài nhiều năm số tiền 129.084.091.445 đồng; thực hiện tạm ứng cho đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách và Công văn số 2421/BTC-NSNN ngày 26/02/2014 của Bộ Tài chính;

- Rà soát và sắp xếp các đơn vị có chức danh lãnh đạo, các Hội đặc thù... đủ tiêu chuẩn trang bị xe ô tô theo đúng quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng hạn mức vay, xây dựng kế hoạch vay, trả nợ chi tiết hàng năm trình HĐND tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ;

- Tham mưu UBND tỉnh lập phương án sử dụng số tăng thu báo cáo Thường trực HĐND quyết định và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất; ưu tiên bố trí nguồn tăng thu để thực hiện chi trả nợ gốc và lãi trong năm theo quy định;

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND quy định cụ thể về thời gian phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, huyện và quy định cụ thể thời hạn UBND các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách đến các cơ quan theo quy định của Luật NSNN.

- Rà soát, kiểm tra việc thực hiện phương án sắp xếp nhà, đất tại các đơn vị; tham mưu UBND tỉnh giải quyết dứt điểm các trường hợp có tình trạng lấn chiếm; quản lý và cập nhật dữ liệu đầy đủ, kịp thời vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; đồng thời thực hiện việc quản lý tài sản công (đất đai, trụ sở làm việc, nhà cửa vật kiến trúc,...) đối với các đơn vị hành chính, sự nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội theo quy định của Luật số 15/2017/QH14 về quản lý tài sản công; tham mưu cho UBND tỉnh xử lý điều chuyển, bán thanh lý các xe dư thừa thu hồi tiền về cho ngân sách; chỉ đạo các đơn vị sử dụng xe công đúng mục đích theo quy định Quyết định 32/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp thuộc khối huyện theo Nghị quyết 33/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai ngày 09/12/2016 về Ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2017, giai đoạn 2017-2020.

- Thực hiện thẩm tra, trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành kịp thời theo quy định; đôn đốc các chủ đầu tư kịp thời quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện quy định không giao dự án đầu tư mới cho Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án có dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên; không bố trí kế hoạch vốn để thanh toán số vốn còn thiếu cho các dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 12 tháng trở lên; không cho phép nhà thầu đang có hợp đồng vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán tham gia đấu thầu dự án mới.

- Tham mưu cho UBND tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật NSNN và từ nguồn tăng thu ngân sách theo quy định tại Khoản 2 Điều 59 Luật NSNN.

1.4.2.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Rút kinh nghiệm trong việc bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản bố trí vốn quá thời gian quy định, trong công tác giám sát đánh giá đầu tư, theo dõi tình hình nợ đọng XDCB; thẩm định, trình phê duyệt dự án Trung tâm chiếu xạ tỉnh Đồng Nai và dự án Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Đồng Nai; thẩm định, trình phê duyệt Kế hoạch đấu thầu dự án Trung tâm chiếu xạ tỉnh Đồng Nai.

1.4.2.3. Cục Thuế

- Chấn chỉnh công tác kiểm tra thuế tại cơ quan Thuế và Trụ sở NNT giảm rủi ro trong việc tạm nộp 1% đối với doanh nghiệp kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp đã thi công, nghiệm thu, thanh toán khối lượng nhưng chưa phát hành hóa đơn GTGT;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kê khai thuế thu nhập cá nhân, đây là khoản thu chiếm tỷ trọng lớn trong số thu tại các Chi cục Thuế nhưng trong năm 2017 đã không tổ chức các cuộc kiểm tra độc lập, và các Đoàn kiểm tra không kiểm tra nội dung liên quan đến thuế TNCN;

- Điều chỉnh tăng báo cáo nợ thuế năm 2017 về tiền sử dụng đất số tiền là 974.216 trđ; Điều chỉnh các nội dung nợ thuế được phân loại không đúng qui định giữa có khả năng thu và nợ khó thu theo kết quả kiểm toán tại các Chi cục Thuế (Phụ lục chi tiết kèm theo).

- Quyết toán lại số tiền thuê đất phải nộp của Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2016 với phần chênh lệch đơn giá thuê đất cũ so với đơn giá thuê đất mới của UBND tỉnh ban hành đơn giá tiền thuê đất của Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam. Đồng thời rà soát và ra Thông báo nộp tiền thuê đất qua các năm đối với các doanh nghiệp thuê đất để huy động kịp thời vào NSNN.

- Đôn đốc các đơn vị thực hiện kiến nghị về các khoản chênh lệch tăng thu, giảm khấu trừ do KTTN xác định tăng thêm.

- Thực hiện thanh tra việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN đối với các đơn vị không hợp tác trong quá trình Đoàn kiểm toán đối chiếu nghĩa vụ với NSNN tại cơ quan Thuế (chi tiết tại Phụ

lục số 08d/BCKT-NSDP).

1.4.2.4. Kho bạc Nhà nước tỉnh

Chấn chỉnh công tác xử lý ngân sách cuối năm, công tác chỉnh lý số liệu trong thời gian chỉnh lý quyết toán (Chi chuyển nguồn) đúng quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 và Công văn số 17304/BTC-KBNN ngày 21/12/2017 của Bộ Tài chính.

1.4.2.5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chấm dứt tình trạng lập và giao dự toán chưa sát với thực tế dẫn đến trong năm phải điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị nhiều lần (19 lần) và cuối năm tỷ lệ dự toán hủy cao;

- Rà soát, phân loại, xác định lại loại hình đơn vị sự nghiệp công lập do Sở quản lý để đảm bảo công tác giao dự toán cân đối giữa nguồn thu của đơn vị và ngân sách cấp; giao dự toán ngay từ đầu năm cho các đơn vị khi đã được Sở Tài chính quyết định phù hợp với quy định về chấp hành ngân sách nhà nước tại Điều 50 Luật NSNN; Điều 3 Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai;

- Chấm dứt tình trạng điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị, thời gian điều chỉnh sau ngày 15 tháng 11 năm hiện hành là không đúng quy định tại Khoản 3 Điều 53 Luật NSNN;

- Tham mưu trình UBND tỉnh xây dựng phương án giá nước sinh hoạt tại Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn bao gồm chi phí khấu hao TSCĐ theo quy định tại Thông tư số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT của Liên Bộ, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.4.2.7. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Lập dự toán hàng năm đảm bảo sát với nhiệm vụ và nhu cầu chi trong năm đảm bảo đúng định mức, chế độ quy định của nhà nước và sử dụng ngân sách nhà nước; rà soát, phân loại, xác định lại loại hình đơn vị sự nghiệp của các trường công lập do Sở quản lý để đảm bảo công tác giao dự toán cân đối giữa nguồn thu theo quy định tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai;

- Giao dự toán ngay từ đầu năm cho các đơn vị khi đã được Sở Tài chính quyết định phù hợp với quy định về chấp hành ngân sách nhà nước tại Điều 50 Luật NSNN.

1.4.2.8. Sở Giao thông vận tải

- Lập dự toán hàng năm đảm bảo sát với nhiệm vụ và nhu cầu chi trong năm đảm bảo đúng định mức, chế độ quy định của nhà nước.

- Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm khi giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và có cân đối với nguồn thu sự nghiệp thực hiện qua các năm để xác định số giảm chi cho ngân sách Nhà nước.

1.4.2.9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Lập dự toán hàng năm đảm bảo sát với nhiệm vụ và nhu cầu chi trong năm đảm bảo đúng định mức, chế độ quy định của nhà nước;

- Quyết toán kinh phí theo đúng nguồn, theo dõi nguồn cải cách tiền lương tại các đơn vị để quản lý và sử dụng theo quy định.

1.4.2.10. Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai

- Rút kinh nghiệm trong công tác mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính tránh tình trạng thực hiện chưa đúng như hiện nay.

- Chấn chỉnh việc thực hiện khuyến mãi giảm giá dịch vụ đảm bảo tuân thủ quy định Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

1.4.2.11. Sở Tài nguyên và Môi trường

Cung cấp thông tin kịp thời về vị trí khu đất của Công ty TNHH MTV Tổng Cao su Đồng

Nai, Công ty TNHH Vopak Việt Nam, Công ty Cổ phần Mía đường La Ngà (Cục Thuế quản lý) Công ty TNHH Thủ Mây, DNTN Như Vân và Công ty CP Bảo Thắng (Chi cục Thuế thị xã Long Khánh quản lý) để ngành Thuế tỉnh Đồng Nai có cơ sở xác định điều chỉnh đơn giá thuê đất theo chu kỳ ổn định giá 5 năm. Đồng thời tiến hành rà soát lại tất cả các trường hợp tương tự trên địa bàn tỉnh để Cục Thuế có cơ sở pháp lý để điều chỉnh đơn giá thuê đất chu kỳ ổn định giá 5 năm theo quy định.

1.4.2.12. Sở Xây dựng

Rút kinh nghiệm trong việc chậm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện theo Thông tư 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng.

1.4.2.13. Các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án

Rút kinh nghiệm trong công tác tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, lựa chọn nhà thầu, quản lý thực hiện hợp đồng, quản lý chất lượng, tiến độ công trình; công tác nghiệm thu, thanh toán, quyết toán dự án hoàn thành; không để xảy ra các sai sót, tồn tại như KTNN đã nêu trong Báo cáo; nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục đối với các dự án đã hoàn thành trình phê duyệt quyết toán dự án theo quy định.

1.4.2.14. Các huyện, thị xã, thành phố được kiểm toán chi tiết

Thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đã nêu cụ thể tại Biên bản kiểm toán tại các huyện, thị xã, thành phố và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh Đồng Nai.

1.5. UBND tỉnh chỉ đạo xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân

Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển Quỹ đất, Trung tâm Phát triển Quỹ đất Chi nhánh Long Khánh và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức đấu giá 35 lô đất của dự án Khu tái định cư Bảo Vinh tại thị xã Long Khánh theo mức giá khởi điểm phê duyệt năm 2013 thấp hơn bảng giá đất UBND Tỉnh ban hành gây thất thoát NSNN.

2. Đối với Tổng Cục Hải quan

- Chỉ đạo Cục Hải quan Đồng Nai chấn chỉnh trong công tác kiểm tra hồ sơ kê khai thuế xuất nhập khẩu và kiểm điểm trách nhiệm cá nhân liên quan đến các hồ sơ đã kiểm hóa nhưng còn sai sót thuế suất thuế GTGT, về giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O);

- Chỉ đạo Cục Hải quan Đồng Nai tuân thủ Quyết định số 1081/QĐ-BTC ngày 6/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành “Quy chế về việc phối hợp công tác giữa hệ thống Thuế, Hải quan và Kho bạc Nhà nước trong quản lý thu thuế và các khoản thu ngân sách Nhà nước”: Thông báo hoàn thuế nhập khẩu, hoàn thuế xuất khẩu, hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt, hoàn thuế khác cho cơ quan Thuế đối với các đơn vị đã kiểm tra quyết toán thuế;

- Chỉ đạo Cục Hải quan Đồng Nai chấn chỉnh trong công tác kiểm tra sau thông quan.

3. Đối với HĐND tỉnh Đồng Nai

Đề nghị HĐND tỉnh Đồng Nai căn cứ kết quả kiểm toán nêu trên là một trong những căn cứ thông qua Nghị quyết phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách năm 2017 của tỉnh, đồng thời chỉ đạo và giám sát việc tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

Đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai thông báo kết luận, kiến nghị kiểm toán cho đơn vị được kiểm toán (chi tiết theo phụ lục kèm theo báo cáo này) và các đơn vị có liên quan; chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về Kiểm toán nhà nước khu vực XIII, địa chỉ số 209 đường Lê Hồng Phong - Phường 8 - TP. Vũng Tàu - tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trước ngày 31/3/2019. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: Những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện;

kiến nghị chưa thực hiện (với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do).

Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về nộp ngân sách nhà nước, giảm thanh toán,... đề nghị ghi rõ trên chứng từ: Nội dung và số tiền thực hiện theo kiến nghị của KTNN năm 2017 theo Công văn số 186 /KV XIII-TH ngày 25/7/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII gửi Kho bạc Nhà nước Đồng Nai về kiến nghị tăng thu giảm chi NSNN qua kiểm toán tại tỉnh Đồng Nai.

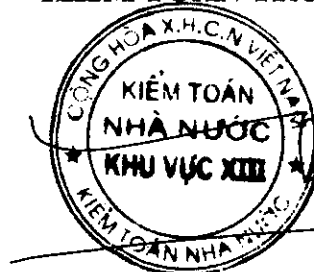
Báo cáo kiểm toán gồm 30 trang, từ trang 01 đến trang 30 và các Phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 08a, 8b, 8c, 8d, 09, 09a, 10/BCKT-NSDP là bộ phận không tách rời của Báo cáo kiểm toán này./. *Tu*

**KT. TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TOÁN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**



Hoàng Quốc Dũng
Số hiệu thẻ KTVNN: B0350

KIỂM TOÁN TRƯỞNG



Hoàng Bổng

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

A. KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

I. KIỂM TOÁN TỔNG HỢP

1. Sở Tài chính
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư
3. Kho bạc Nhà nước tỉnh
4. Cục Thuế
5. Cục Hải quan

II. KIỂM TOÁN CHI TIẾT

1. Các huyện, thị xã, thành phố

- 1.1. Thành phố Biên Hòa
- 1.2. Thị xã Long Khánh
- 1.3. Huyện Thống Nhất
- 1.4. Huyện Trảng Bom

2 Các đơn vị dự toán cấp tỉnh

2.1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Trường Trung học Phổ thông Trảng Biên

Trường Trung học Phổ thông chuyên Lương Thế Vinh

2.3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn
- Chi cục Thú y

2.4. Sở Giao thông vận tải

- Khu quản lý đường thủy, đường bộ Đồng Nai
- Trường Giao thông vận tải Đồng Nai

2.5. Đài Phát thanh và truyền hình Đồng Nai

3. Các Ban Quản lý dự án (chủ đầu tư)

3.1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai

- Dự án Nâng cấp ĐT 765 đoạn Km1+526 đến Km5+500
- Dự án Đường ĐT 765 đoạn từ Km5+500 đến Km10+000
- Dự án Đầu tư xây dựng cầu Đắc Lua
- Dự án Tuyến đường chống ùn tắc giao thông trên Quốc lộ I, khu vực phường Tân Hòa.
- Dự án Nút giao thông Tân Phong

- Tiểu dự án xây dựng trạm xử lý nước thải số 1, thành phố Biên Hòa, giai đoạn 1 công suất 9.500m³ ngày/đêm
- Dự án Xây dựng mới tuyến đường nối dài Hương lộ 10 đoạn từ ranh giới 2 huyện Cẩm Mỹ và huyện Long Thành đến vị trí giao với đường tỉnh lộ 769 (đoạn còn lại từ Km13+552 đến KM22+936)
- Dự án tuyến thoát nước dải cây xanh huyện Nhơn Trạch
- Dự án Cải tạo, xây dựng mới trường THPT Long Thành
- Dự án Trường THPT Xuân Thanh, Long Khánh
- Dự án Trường THPT Cẩm Mỹ
- 3.2 Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai
 - Dự án Hồ chứa nước Gia Măng huyện Xuân Lộc
- 3.3 Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh
 - Dự án Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh
- 3.4 Chi cục Văn thư lưu trữ - Sở Nội vụ
 - Dự án Xây kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh
- 3.5 Sở Khoa học và Công nghệ
 - Dự án Trung tâm Chiếu xạ Sở Khoa học và Công nghệ
- 3.6 Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất
 - Dự án xây dựng khoa khám bệnh, cấp cứu và khu hành chính Bệnh viện đa khoa Thống Nhất
- 3.7 Ban quản lý dự án huyện Vĩnh Cửu
 - Nhà thi đấu kết hợp với biểu diễn triển lãm huyện Vĩnh Cửu
 - Đường nhánh 1, tuyến cộ Cây Xoài
- 3.8 Ban quản lý dự án thành phố Biên Hòa
 - Dự án Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Thành ủy Biên Hòa
 - Dự án Trường Tiểu học Trảng Dài KP2
 - Dự án Trường Trung học cơ sở Trảng Dài 2
 - Dự án Trường Trung học cơ sở Hòa Bình
 - Dự án Trường tiểu học Nguyễn Thị Sáu
 - Dự án Trường Trung học cơ sở Tân Hạnh
 - Dự án Trường tiểu học Phước Tân
- 3.9 Ban quản lý dự án huyện Trảng Bom
 - Dự án Đường Ngô Quyền
 - Dự án Sửa chữa, nâng cấp Trường Tiểu học Trần Phú
 - Dự án Trường mẫu giáo Anh Đào
 - Dự án Cụm tượng đài và nhà lưu niệm truyền thống tại KDT Căn cứ tỉnh ủy Biên Hòa (Di tích U1 huyện Trảng Bom)
 - Dự án đường 30 tháng 4 nối dài (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường An Dương Vương)

- Dự án Khu dân cư - Tái định cư 5,3 ha tại thị trấn Trảng Bom
- Dự án Công viên văn hóa Hùng Vương, khu phố 3 thị trấn Trảng Bom

3.10 Ban quản lý dự án huyện Thống Nhất

- Dự án Trường tiểu học Hưng Lộc
- Dự án Trường tiểu học Phan Bội Châu
- Dự án Đường trung tâm Hưng Lộc
- Dự án Đường Tây Kim - Thanh Bình
- Dự án Trung tâm trung tâm thể thao huyện Thống Nhất

3.11 Ban quản lý dự án thị xã Long Khánh

- Dự án Xây dựng trường Trung học cơ sở Ngô Quyền
- Dự án Trường tiểu học Lê Lợi xã Suối Tre
- Dự án Đường Ruộng Tre - Thọ An, thị xã Long Khánh
- Dự án Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre
- Dự án Đèn thờ Liệt sỹ thị xã Long Khánh

4. Các Doanh nghiệp nhà nước

- 4.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết và dịch vụ tổng hợp Đồng Nai
- 4.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi Đồng Nai

III CÁC ĐƠN VỊ ĐỐI CHIẾU

Tại Cục Thuế tỉnh Đồng Nai

- 1 Công Ty TNHH Hồng Tuyên
- 2 Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Sonacons
- 3 Công ty TNHH Đăng Long
- 4 Công ty CP Diệu Thương
- 5 Công Ty CP Cơ Giới và Xây Lắp số 9
- 6 Công ty CP Kiến trúc và nội thất NANO - CN Đồng Nai
- 7 Công ty TNHH Bá Lộc
- 8 Công ty TNHH Happy Cook
- 9 Công ty TNHH Thực Nghiệp Đạt Kiến
- 10 Công ty TNHH MTV Đầu tư XD KCN Nhơn Trạch 6A
- 11 Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch
- 12 Công Ty CP Khu Công Nghiệp Hố Nai
- 13 Công ty TNHH Xây Dựng Song Hui
- 14 Công ty TNHH Hạ tầng Giao thông Hải Hậu
- 15 Công ty CP Xây dựng Đồng Nai
- 16 Công Ty TNHH Công Trình Cơ Tượng Long Việt Nam
- 17 Công ty CP Gạch men V.T.C
- 18 Công Ty CP Miền Đông
- 19 Công Ty CP Địa Ốc Sacom
- 20 Công Ty CP Đầu Tư LDG
- 21 Công ty CP Xây dựng TM Đại Lộc Phát
- 22 Công ty CP Nguyên Cường
- 23 Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thịnh Hoàng Phát
- 24 Công ty CP Đầu tư An Thịnh Đồng Nai

- 25 Công ty TNHH MTV Hằng Huyền
- 26 Công Ty TNHH C.K Liên Phát
- 27 Công ty TNHH XD Ho Team
- 28 Công ty TNHH XD Nam Hưng
- 29 Công Ty CP Ô Tô Quốc Tuấn
- 30 Công Ty CP Hóa An
- 31 Công ty CP Đầu tư và XD Kiến Trúc Mới
- 32 Công ty TNHH E.C
- 33 Công ty TNHH MTV Biên Hòa SCM
- 34 Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất
- 35 Công ty TNHH Xây Dựng Ngọc Pháp
- 36 Công ty CP XD Dân dụng số 1 Đồng Nai
- 37 Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO
- 38 Công ty CP Phúc Đạt M& Đ.C.C
- 39 Công Ty CP Tân Càng
- 40 Công ty TNHH Đức Tài Thịnh

Tại Chi cục Thuế TP. Biên Hòa

- 1 Công ty TNHH Tân Bửu Long;
- 2 Công ty TNHH MTV Xuân Đào
- 3 Công ty TNHH TM DV và XD Thành Phát
- 4 Công ty TNHH Hải Bình
- 5 Công ty TNHH Hoàng Anh Thi
- 6 Công ty TNHH vận tải Nam Quốc
- 7 Công ty TNHH Hoàng Tân Hòa
- 8 Công ty TNHH Khang Thịnh-Cây Dừa
- 9 Công ty TNHH MTV TM DV Cao Hiền Đệ
- 10 Công ty TNHH Sông Hương
- 11 Công ty TNHH Duy Uyên;
- 12 Công ty TNHH TM DV Thiên An Phú
- 13 Công ty TNHH Kim Trường Phúc
- 14 Công ty TNHH MTV dịch vụ bảo vệ Phương Trời;
- 15 Công ty TNHH Hải Phong

Tại Chi cục Thuế huyện Trảng Bom

- 1 Công ty TNHH Xây dựng Long Thành Phát
- 2 Công ty TNHH Đức Nghĩa Hưng
- 3 Công ty TNHH Tiền Phong 1
- 4 DNTN Thanh Quân
- 5 Công ty TNHH Kim Thu B.D.C
- 6 Công ty TNHH Phạm Ngọc Danh
- 7 Công ty TNHH Đại Hùng Phát
- 8 Công ty TNHH MTV Chúng Thành
- 9 Doanh Nghiệp Tư Nhân Xây Dựng Cao Trình
- 10 DNTN Long Thuận
- 11 Công ty TNHH Thương mại Hồng Ly
- 12 Công ty TNHH Gỗ Xuân Dũng
- 13 Công ty Cổ Phần Xây Dựng Thanh Tùng Bai Ley
- 14 Công ty TNHH DV TM Xây dựng Tiến Đại Phát
- 15 Công ty TNHH Thông Thuận Thành

Tại Chi cục Thuế huyện Long Khánh

- 1 Công ty TNHH MTV Phùng Phi Hải
- 2 Công ty TNHH TM &DV Lê Nguyễn Gia
- 3 DNTN Quang Phát
- 4 Công ty TNHH Tuyết Nhận
- 5 Công ty CP Kỹ thuật Đầu tư Xây lắp số 2
- 6 Công ty TNHH Khánh Phong
- 7 Công ty TNHH Sơn Song Bảo
- 8 Công ty TNHH Nguyễn Hùng
- 9 Công ty TNHH Xây dựng Châu Hùng Vỹ
- 10 Công ty TNHH Hồng Hà
- 11 Công ty TNHH Xây dựng - Giao thông Hiếu Bảo
- 12 Công ty TNHH MTV Quốc Thắng Toàn
- 13 Công ty TNHH MTV Phí Nhân Phát
- 14 Công ty TNHH MTV Nông Sản Bảo Ngọc
- 15 Công ty TNHH Long Khánh 69H

Tại Chi cục Thuế huyện Thống Nhất

- 1 Công Ty TNHH Lâm Hòa Hiệp
- 2 Công ty TNHH MTV Xây Dựng Đức Phúc
- 3 Công Ty TNHH Đào Phương Linh
- 4 Doanh Nghiệp Tư Nhân Tiến Hưng 1
- 5 Công Ty TNHH Quang Tiến Ngọc
- 6 DNTN Xuân Hùng
- 7 Công Ty TNHH MTV TM&DV XDVT Nguyễn Đức Hòa
- 8 Công ty TNHH Liên
- 9 Công ty TNHH TMDV Xuân Hùng Tiến
- 10 Công Ty TNHH MTV Tam Hoàng
- 11 Công Ty TNHH Mai Quang Minh
- 12 Công Ty TNHH TM XS Phú Khang
- 13 Công ty TNHH Kim Hồng Ân
- 14 Công ty TNHH MTV Phú Khánh Đan
- 15 Công Ty TNHH XNK Nông Sản Tân Đại Nông

CÁN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CỦA TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

PHẦN THU	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch	PHẦN CHI	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	I	2	3=2-I	B	4	5	6=5-4
Tổng số thu	35.550.395	35.550.395		Tổng số chi	31.317.878	31.317.878	
A. Tổng thu cân đối ngân sách	35.550.395	35.550.395		A. Tổng chi cân đối ngân sách	31.215.186	31.215.186	
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	8.373.627	8.373.627		1. Chi đầu tư phát triển	6.414.170	6.414.170	
2. Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ %	11.535.312	11.535.312		Trong đó:			
3. Thu tiền huy động đầu tư	679.483	679.483		- Chi đầu tư XD CB	2.074.276	2.074.276	
4. Thu từ quỹ dự trữ tài chính				- Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp			
5. Thu kết dư năm trước	1.575.504	1.575.504		- Chi đầu tư phát triển khác	111.093	111.093	
6. Thu chuyển nguồn thu năm trước sang	4.530.337	4.530.337		2. Chi trả nợ gốc, lãi tiền huy động đầu tư theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN	762.698	762.698	
7. Thu viện trợ	813	813		3. Chi thường xuyên	11.382.567	11.382.567	
8. Các khoản huy động, đóng góp	126.710	126.710					
9. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.281.079	8.281.079		4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	2.910	
Trong đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	5.275.514	5.275.514		5. Chi Chương trình mục tiêu vốn TW hỗ trợ	0	0	
- Bổ sung có mục tiêu	3.005.565	3.005.565		6. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	7.995.891	7.995.891	
10. Thu nộp ngân sách cấp trên	447.530	447.530		7. Chi chuyển nguồn sang năm sau	4.207.974	4.207.974	
Kết dư ngân sách năm quyết toán (= thu-chi)	4.232.517	4.232.517		8. Chi nộp ngân sách cấp trên	448.976	448.976	

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Dự toán đầu năm 2017		Thực hiện năm 2017			So sánh TH/DT (%)			Cơ cấu cầu (%)
			TW giao	HBND quyết định	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch	TW giao	HBND quyết định		
A	B	I	2	3	4	5	6=5-4	7=5/2	8=5/3	9	
*	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (Không kể thu chuyển giao giữa các cấp NS và tín phiếu, trái phiếu của NSTW)	56.876.918	48.329.000	48.329.000	53.165.479	53.165.429	0	78	78	100	
A	Tổng các khoản thu cân đối NSNN	48.275.045	48.329.000	48.329.000	44.436.870	44.436.820	0	78	78	100	
I	Thu ngân sách nhà nước	43.503.562	48.329.000	48.329.000	37.651.546	37.651.496	0	77,91	77,91	100	
1	Thu nội địa	29.101.228	33.549.000	33.549.000	33.731.027	33.731.027	0	100,54	100,54	100	
1.1	Thu từ kinh tế quốc doanh	5.061.831	6.254.000	6.254.000	5.408.856	5.408.856		86,49	86,49	16,04	
1.2	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	11.405.126	14.637.000	14.637.000	11.898.508	11.898.508		81,29	81,29	35,27	
1.3	Thu từ khu vực CTN - ngoài quốc doanh	3.519.137	3.757.400	3.757.400	3.873.548	3.873.548		103,09	103,09	11,48	
1.4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	774			689	689					
1.5	Thuế thu nhập cá nhân	3.631.049	4.200.000	4.200.000	4.207.658	4.207.658		100,18	100,18	12,47	
1.6	Lệ phí trước bạ	834.787	600.000	600.000	905.244	905.244		150,87	150,87	2,68	
1.7	Thu thuế bảo vệ môi trường	305.207	295.000	295.000	304.030	304.030		103,06	103,06	0,90	
1.8	Thu phí, lệ phí	424.519	340.000	340.000	511.542	511.542		150,45	150,45	1,52	
1.9	Thu tiền sử dụng đất	1.349.637	800.000	800.000	2.395.539	2.395.539		299,44	299,44	7,10	
1.10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	62.892	50.000	50.000	61.300	61.300		122,60	122,60	0,18	
1.11	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	630.550	400.000	400.000	1.744.957	1.744.957		436,24	436,24	5,17	
1.12	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	279			293	293					
1.12	Thu tiền bán nhà, tài sản khác thuộc SHNN	30.675			48.858	48.858				0,14	
1.13	Thu tại xã	15.838	12.000	12.000	20.809	20.809	0	173,41	173,41		
1.13.1	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích,... tại xã	1.406			1.367	1.367					
1.13.2	Thu sự nghiệp do xã quản lý				0	0					
1.13.3	Thu phạt, tịch thu (xã)	9.431			11.862	11.862					
1.13.4	Thu khác (xã)	5.001			7.581	7.581					
1.14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	141.181	170.000	170.000	95.773	95.773		56,34	56,34	—	
1.15	Thu khác ngân sách	372.092	758.600	758.600	626.185	626.185		82,54	82,54	—	
1.16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.315.653	1.275.000	1.275.000	1.627.241	1.627.241		127,63	127,63		

TT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2016	Dự toán đầu năm 2017		Thực hiện năm 2017			So sánh TH/DT (%)		Cơ cấu (%)
			TW giao	HDND quyết định	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch	TW giao	HDND quyết định	
	<i>Thu trong năm</i>	1.315.653	1.275.000	1.275.000	1.627.241	1.627.241				
1.2	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang									
1.3	Thu kết dư ngân sách năm trước									
2	Thu về dầu thô									
3	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	14.271.338	14.780.000	14.780.000	3.920.519	3.920.469		26,53	26,53	
4	Thu viện trợ	1.043			813	813				
5	Các khoản huy động, đóng góp	129.954			126.688	126.688				
5.1	<i>Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng</i>	74.477			85.555	85.555				
5.2	<i>Các khoản huy động đóng góp khác</i>	55.476			41.133	41.133				
6	Thu hồi vốn của nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính				91	91				
II	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	519.392	0	0	679.483	679.483	0	0	0	0
2.1	Vay trong nước	519.392			679.483	679.483				
III	Thu kết dư NSNN	1.205.135			1.575.504	1.575.504				
IV	Thu chuyển nguồn	3.046.956			4.530.337	4.530.337				
V	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	8.601.873	0	0	8.728.609	8.728.609	0	0	0	0
5.1	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.448.323	0	0	8.281.079	8.281.079				
5.2	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	153.550			447.530	447.530				
*	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	31.370.137	17.503.203	17.503.203	35.550.464	35.550.464		203,11	203,11	
A	Các khoản thu cân đối	18.419.199	17.503.203	17.503.203	35.550.464	35.550.464		203,11	203,11	
1	Số thu được hưởng theo phân cấp		17.426.353	17.426.353	19.908.939	19.908.939				
2	Thu huy động đóng góp	129.954			126.688	126.688				
2	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	153.550	0	0	447.530	447.530				
3	Thu kết dư	1.205.135	0	0	1.575.504	1.575.504				
4	Thu chuyển nguồn	3.046.956	0	0	4.530.337	4.530.337				
5	Thu viện trợ	1.043	0	0	813	813				
6	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0	0	0	91	91				
7	Thu vay đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng	519.392	0	0	679.483	679.483				
8	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.894.909	76.850	76.850	8.281.079	8.281.079		10.775,64	10.775,64	
8.1	<i>Bổ sung cân đối</i>	<i>5.214.511</i>			<i>5.275.514</i>	<i>5.275.514</i>				
8.2	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>2.680.398</i>	<i>76.850</i>	<i>76.850</i>	<i>3.005.565</i>	<i>3.005.565</i>				

TÌNH HÌNH NỢ THUẾ DO CƠ QUAN THUẾ QUẢN LÝ NĂM 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Nợ thuế đến 31/12/2016	Nợ thuế đến 31/12/2017	Trong đó								Tiền thuế đã hết thời gian gia hạn nộp thuế	Tiền thuế nợ đang xử lý	Tiền thuế nợ khó thu	So sánh năm nay/năm trước (%)
				Tiền thuế nợ từ 01- 30 ngày	Tiền thuế nợ từ 31- 60 ngày	Tiền thuế nợ từ 61- 90 ngày	Tiền thuế nợ từ 91- 120 ngày	Tiền thuế nợ từ 121 ngày trở lên	Tiền thuế đang khiếu nại	Tiền thuế nợ hết thời gian gia hạn nộp thuế					
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
I	Theo báo cáo của cơ quan thuế	1.452.713	1.564.220	62.531	44.830	95.799	29.563	598.900	8		2.856	729.733	108%		
I	Thuế, phí	890.490	945.084	54.777	26.843	60.456	23.408	316.966	6		2.207	460.422	106%		
1.1	Thuế Giá trị gia tăng	637.260	678.460	38.507	17.796	47.199	18.890	183.634	4		2.207	370.222	106%		
1.2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	101.518	98.849	2.834	2.692	1.809	2.871	38.966	-		-	49.677	97%		
1.3	Thu nhập sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-		
1.4	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	6.603	2.241	91	13	387	26	1.377	-		-	348	34%		
1.5	Thuế Thu nhập cá nhân	113.840	119.107	5.030	1.604	10.140	967	70.682	2		-	30.683	105%		
1.6	Thuế Tài nguyên	3.423	9.775	5.436	1.752	470	278	1.443	-		-	397	286%		
1.7	Thuế Môn bài	25.791	23.634	-	7	3	20	14.984	-		-	8.620	92%		
1.8	Phí, lệ phí	1.972	7.483	596	469	395	210	5.368	-		-	444	379%		
1.9	Thuế bảo vệ môi trường	26	2.968	2.225	219	53	103	370	-		-	-	11391%		
1.10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-		
1.11	Thu khác (không bao gồm các mục thu khác về đất)	56	2.566	58	2.291	-	43	143	-		-	31	4600%		
2	Đất	86.102	70.581	240	10	26.456	47	42.761	-		-	1.067	82%		
2.1	Tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển	3.200	2.130	237	-	9	47	1.282	-		-	555	67%		
2.2	Thu tiền sử dụng đất	984	984	-	-	-	-	984	-		-	-	100%		
2.3	Thuế nhà đất	253	104	-	-	-	-	19	-		-	86	41%		
2.4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	123	102	-	-	-	-	-	-		-	102	83%		
2.5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	81.542	67.260	3	10	26.447	-	40.476	-		-	324	82%		
2.6	Thu khác từ đất	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-		
3	Phạt, tiền chậm nộp	475.578	539.080	5.638	12.197	8.000	6.102	238.294	3		650	268.195	113%		
3.1	Tiền phạt	38.011	32.918	668	364	272	560	8.257	1		-	22.796	87%		
3.2	Tiền chậm nộp	437.567	506.161	4.970	11.833	7.728	5.542	230.037	1		650	245.399	116%		
4	Các khoản nợ khác ngành Thuế không quản lý	543	9.476	1.875	5.779	888	5	880	-		-	49	1744%		
II	Số nợ thuế KTTN phát hiện	-	974.216	-	-	-	-	-	-		-	-	-		
I	Tiền thuế và sử dụng đất tổ chức	-	542.287	-	-	-	-	-	-		-	-	-		
2	Tiền thuế và sử dụng đất cá nhân	-	431.929	-	-	-	-	-	-		-	-	-		
	Tổng cộng	1.452.713	2.538.436	62.531	44.830	95.799	29.563	598.900	8		2.856	729.733			

THỐNG KÊ TÌNH TRẠNG NNT PHÂN LOẠI
(Tính đến 31/12/2017)

Đơn vị tính: đồng

STT	Cơ quan thuế	Số lượng NNT	Tổng số tiền nợ thuế	Tiền nợ thuế có khả năng thu	Tiền nợ thuế khó thu
1	Chi cục Thuế TP Biên Hoà	99	886.903.948	245.100.936	641.803.012
2	Chi cục Thuế TX Long Khánh	2	9.900.000	4.200.000	5.700.000
3	Chi cục Thuế huyện Tân Phú	16	119.259.111	11.310.423	107.948.688
4	Chi cục Thuế huyện Định Quán	36	139.559.038	56.017.982	83.541.056
5	Chi cục Thuế huyện Vĩnh Cửu	4	6.862.399	906.800	5.955.599
6	Chi cục Thuế huyện Trảng Bom	44	146.334.003	28.965.649	117.368.354
7	Chi cục Thuế huyện Thống Nhất	5	8.921.280	2.281.080	6.640.200
8	Chi cục Thuế huyện Cẩm Mỹ	3	1.964.012	1.367.082	596.930
9	Chi cục Thuế huyện Xuân Lộc	13	14.616.355	7.276.541	7.339.814
10	Chi cục Thuế huyện Long Thành	54	149.104.225	55.386.309	93.717.916
11	Chi cục Thuế huyện Nhơn Trạch	55	473.548.121	31.987.865	441.560.256
	TỔNG CỘNG	331	1.956.972.492	444.800.667	1.512.171.825

TÌNH HÌNH NỢ THUẾ DO CƠ QUAN HẢI QUAN QUẢN LÝ NĂM 2017

Đơn vị tính: đồng

ST T	Chi tiêu	Nợ thuế đến 31/12/2016	Nợ thuế đến 31/12/2017	Trong đó				So sánh năm nay/năm trước (%)
				Nợ có khả năng thu	Nợ chờ xóa, xét miễn, giảm, gia hạn, nộp dần	Nợ chờ xử lý	Nợ khó thu	
A	B	I	2	3	6	7	8	9
I	Theo báo cáo của cơ quan hải quan	12.020.289.691	12.607.141.955	118.314.509			12.488.827.446	105%
I	Thuế chuyên thu	12.020.289.691	12.607.141.955	118.314.509			12.488.827.446	105%
II	Số nợ thuế KTTN phát hiện tăng thêm							
	Tổng cộng	12.020.289.691	12.607.141.955	118.314.509			12.488.827.446	105%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Dự toán năm 2017		Tổng cộng	Thực hiện năm 2017		So sánh (%) thực hiện năm 2017 với			Cơ cấu %
			TW giao	HĐND giao		Số kiểm toán	Chênh lệch	DT TW	DT HĐND	TH năm trước	
A	B	I	2	3		5	6	7=4/2	8=4/3	9=4/1	10
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V)	29.435.994	18.295.203	17.544.503	31.317.879	31.317.879		1	1	5	94
I	Chi cân đối ngân sách	21.153.071	18.295.203	17.464.503	22.770.319	22.770.319		124%	130%	108%	93,97
1	Chi đầu tư phát triển	5.658.407	6.578.250	5.786.250	6.414.170	6.414.170		98%	111%	113%	27
1.1.	Chi đầu tư XD CB	4.260.947	6.578.250	4.511.250	5.399.947	5.399.947		82%	120%	127%	26,72
	Tr. đó: + Chi GD-ĐT và dạy nghề	1.166.546	6.578.250		739.597	739.597		11%		63%	10,18
	+ Chi Khoa học và công nghệ	120.258			57.641	57.641				48%	
1.1.01	Chi đầu tư XD CB tập trung	2.411.443		3.673.100	2.074.276	2.074.276			56%	86%	10,18
	UBND giao chỉ tiêu cho các dự án	2.411.443		3.673.100	2.074.276	2.074.276			56%	86%	
1.1.02	Chi đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế	1.249			91.512	91.512				7327%	0,84
1.1.03	Chi từ nguồn vay Ngân hàng TMCP Công thương	207.337			289.402	289.402				140%	0,22
1.1.04	Chi từ nguồn vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển	253.072			164.082	164.082				65%	1,07
1.1.05	Chi từ nguồn vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam	35.781			3.323	3.323				9%	0,00
1.1.06	Chi hoàn ứng ngân sách tỉnh	94.229			260.200	260.200				276%	
1.1.07	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	655.046		800.000	1.241.336	1.241.336			155%	190%	
	- Chi đầu tư xây dựng cơ bản	221.477		240.000	685.067	685.067			285%	309%	
	- Quỹ phát triển nhà	0		80.000					0%		
	- Quỹ phát triển đất	94.000		480.000	214.562	214.562			45%	228%	
	- Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất	339.569			341.707	341.707				101%	
1.1.08	Ghi thu ghi chi tiền thuê mặt đất mặt nước	232.942			875.043	875.043				376%	
1.1.09	Chi đầu tư thực hiện XHH giao thông nông thôn	103.065			128.965	128.965				35%	
1.1.10	Chi đầu tư từ Chương trình mục tiêu	552									
	Trong đó: Chương trình 135	552									
1.1.11	Chi đầu tư từ nguồn vốn khác	215.643			227.571	227.571				106%	
-	Chi đầu tư để thực hiện NTM từ nguồn thuế tài nguyên nước	41.838			50.947	50.947				122%	
-	Nguồn phí hạ tầng, tài định cư	15.835			1.577	1.577				10%	

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Dự toán năm 2017		Tổng cộng	Thực hiện năm 2017		So sánh (%) thực hiện năm 2017 với			Cơ cấu %	
			TW giao	HĐND giao		Số kiểm toán	Chênh lệch	DT TW	DT HĐND	TH năm trước		
-	Hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh dự án đường 319, hương lộ 10	30.000									0%	
-	Kết dư năm trước	100.342			111.635	111.635					111%	
-	Chi từ nguồn tpep	3.610			18.000	18.000					499%	
-	Chi từ nguồn chuyển nguồn	21.164			16.175	16.175					76%	
-	Nguồn khác	2.854			29.237	29.237					1024%	
1.2	Chi hỗ trợ vốn cho các DNNN											
1.3	Chi đầu tư phát triển khác	203.439			8.401	8.401					4%	
-	Bổ sung vốn cho Ban quản lý dự án Dầu tư xây dựng tỉnh để chi cho dự án đường 319B đoạn qua khu công nghiệp Nhơn Trạch	0			8.401	8.401						
-	Hỗ trợ vốn Quỹ hỗ trợ nông dân	3.439									0%	
-	Cấp vốn điều lệ cho Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai và Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp	200.000									0%	
1.4	Chi từ nguồn XSKT	1.194.021		1.275.000	1.005.822	1.005.822				79%	84%	
2	Chi trả nợ gốc, lãi huy động đầu tư	1.024.375			762.698	762.698					74%	7,02
2.1	- Gốc				690.823	690.823						
2.2	- Lãi				71.875	71.875						
4	Chi thường xuyên	10.165.762	11.365.513	11.326.813	11.382.567	11.382.567		100%	100%	112%		39,19
3.1	Chi quốc phòng-an ninh	387.784		518.907	554.892	554.892			107%	143%		1,41
3.3	Chi sự nghiệp GD - ĐT và dạy nghề	3.816.948		4.479.892	4.174.467	4.174.467			93%	109%		8,55
3.4	Chi sự nghiệp y tế	786.497		870.934	698.291	698.291			80%	89%		6,03
3.5	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	99.416		100.851	96.761	96.761			96%	97%		0,80
3.6	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	170.981		151.303	152.439	152.439			101%	89%		0,75
3.7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	24.548		25.273	30.474	30.474			121%	124%		0,00
3.8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	73.680		104.656	97.724	97.724			93%	133%		0,67
3.9	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	897.666		993.095	1.152.667	1.152.667			116%	128%		5,37
3.10	Chi sự nghiệp kinh tế	1.024.335		1.547.072	1.478.907	1.478.907			96%	144%		6,24
3.14	Chi sự nghiệp môi trường	566.160		716.210	484.691	484.691			68%	86%		1,33
3.15	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	1.820.258		1.560.362	1.927.590	1.927.590			124%	106%		4,80
3.16	Chi trợ giá mặt hàng chính sách	28.350			25.221	25.221				89%		0,23
3.17	Chi thực hiện các CTMTQG (vốn SN)	8.373			111.672	111.672				1334%		1,03

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Dự toán năm 2017		Tổng cộng	Thực hiện năm 2017		So sánh (%) thực hiện năm 2017 với			Cơ cấu %
			TW giao	HĐND giao		Số kiểm toán	Chênh lệch	DT TW	DT HĐND	TH năm trước	
3.18	Chi từ nguồn BSCMT (kinh phí SN)										0,00
3.19	Chi sự nghiệp dân số kế hoạch hóa gia đình	22.010		18.837	2.128	2.128			11%	10%	
3.20	Chi khác ngân sách	438.755		239.421	394.644	394.644			165%	90%	1,97
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	2.910	2.910	2.910	2.910		100%	100%	100%	0,03
5	Chi chuyển nguồn	4.301.617		0	4.207.974	4.207.974				40%	21,01
6	Dự phòng ngân sách		348.530	348.530							0,00
II	Chi CTMT và một số nhiệm vụ Trung ương giao										0,00
III	Chi từ các khoản huy động, đóng góp	300.454		80.000	102.692	102.692					0,00
1	Chi đầu tư phát triển	99.898			96.055	96.055					0,00
1.1	Chi đầu tư XD CB bằng nguồn khác	0			7.420	7.420					
1.2	Chi đầu tư bằng nguồn huy động đóng góp	99.898			88.635	88.635					
2	Chi thường xuyên	200.556		80.000	6.637	6.637				3%	
2.1	Chi an ninh - Quốc phòng	17.783			1.630	1.630				9%	
2.2	Chi sự nghiệp kinh tế	17.081			1.378	1.378				8%	
2.3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	158.261		80.000	2	2				0%	
2.4	Chi sự nghiệp y tế										
2.5	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ										
2.6	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin										
2.7	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	2.792			2.125	2.125				76%	
2.8	Chi đảm bảo xã hội										
2.9	Chi khác	4.600			860	860				19%	
	Trong đó: Chi từ nguồn thu phạt ATGT										
2.10	Chi xây dựng chợ	38			642	642				1684%	
IV	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	7.828.920			7.995.891	7.995.891				102%	
1	Bổ sung cân đối	5.214.511			5.275.514	5.275.514				101%	
2	Bổ sung có mục tiêu	2.614.409			2.720.377	2.720.377				104%	
	Trong đó: + Bằng vốn trong nước	2.614.409			2.720.377	2.720.377				104%	
	+ Bằng vốn nước ngoài										
	(Bổ sung từ nguồn XSKT)	469.163								0%	
V	Chi nộp ngân sách cấp trên	153.550			448.977	448.977				292%	

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHỈ ĐẠU TƯ
TẠI TỈNH ĐỒNG NAI**

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên dự án	Ban QLDA	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Đã thanh toán đến thời điểm kiểm toán	Kiến nghị xử lý					Giảm khác
							Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác		Tổng cộng	Thu hồi	Giảm thành toán	Giảm giá trị hợp đồng	Giảm giá trị đầu	
A	B		1	2	3	4-3-2	5	6	7	8	9	9	10	11	12	13
TỔNG CỘNG (A+B+C)																
			2.305.300.699.932	2.256.547.104.475	2.216.370.087.796	(40.277.018.600)	(23.054.576.146)	(10.088.976.000)	(7.133.466.533)	1.633.216.088.743	40.277.018.680	1.032.899.155	5.384.359.486	4.755.465.434	21.872.371.193	6.332.032.411
A	NGÂN SÁCH TƯ HỖ TRỢ		120.394.527.221	120.394.527.221	119.495.974.504	(898.552.717)	(898.552.717)	-	-	31.633.108.000	898.552.717	-	-	-	898.552.717	-
I	Kiểm toán giá gói thầu được duyệt		120.394.527.221	120.394.527.221	119.495.974.504	(898.552.717)	(898.552.717)	-	-	31.633.108.000	898.552.717	-	-	-	898.552.717	-
1	Ban QLDA BTXD tỉnh ĐN		120.394.527.221	120.394.527.221	119.495.974.504	(898.552.717)	(898.552.717)	-	-	31.633.108.000	898.552.717	-	-	-	898.552.717	-
1.1	Dự án Xây dựng mới tuyến đường nối thị trấn Hương lộ 10 đoạn từ ranh giới 2 huyện Cẩm Mỹ và huyện Long Thành đến vị trí giao với đường tỉnh lộ 769 (đoạn còn lại từ Km13+552 đến Km22+936)		120.394.527.221	120.394.527.221	119.495.974.504	(898.552.717)	(898.552.717)	-	-	31.633.108.000	898.552.717	-	-	-	898.552.717	-
1.1.1	Gói thầu số 18: Xây lắp phần đường đoạn Km13+552,7 đến Km22+935,74		87.284.566.702	87.284.566.702	86.474.086.961	(810.479.741)	(810.479.741)	-	-	15.250.312.000	810.479.741	-	-	-	810.479.741	-
1.1.2	Gói thầu số 25: Xây dựng cầu Sudi Duc		10.559.366.973	10.559.366.973	10.542.823.102	(16.541.871)	(16.541.871)	-	-	5.054.752.000	16.541.871	-	-	-	16.541.871	-
1.1.3	Gói thầu số 30: Xây dựng cầu Sudi Sầu		9.789.224.208	9.789.224.208	9.761.210.859	(28.013.439)	(28.013.439)	-	-	3.627.588.000	28.013.439	-	-	-	28.013.439	-
1.1.4	Gói thầu số 35: Xây dựng cầu Sông Nhạn		12.761.360.248	12.761.360.248	12.717.851.582	(43.517.666)	(43.517.666)	-	-	7.700.456.000	43.517.666	-	-	-	43.517.666	-
B	NGÂN SÁCH TỈNH		1.676.138.501.057	1.632.646.335.860	1.598.839.460.536	(33.916.833.324)	(16.594.437.791)	(10.088.976.000)	(7.133.419.533)	1.166.005.173.498	33.816.833.324	540.791.427	4.094.329.634	4.785.465.434	18.094.032.418	6.332.032.411
I	Kiểm toán giá trị quyết toán được duyệt		57.381.458.007	50.864.372.000	50.739.736.331	(724.635.669)	(724.635.669)	-	-	57.381.458.007	724.635.669	124.635.669	-	-	-	-
1	Tổ KT số 6		57.381.458.007	50.864.372.000	50.739.736.331	(724.635.669)	(724.635.669)	-	-	57.381.458.007	724.635.669	124.635.669	-	-	-	-
1.1	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên, tỉnh Đồng Nai		38.499.785.007	31.982.699.000	31.881.215.000	(101.464.000)	(101.464.000)	-	-	38.499.785.007	101.464.000	101.464.000	-	-	-	-
1.1.1	Gói thầu xây lắp số 01		38.499.785.007	31.982.699.000	31.881.215.000	(101.464.000)	(101.464.000)	-	-	38.499.785.007	101.464.000	101.464.000	-	-	-	-
1.2	Nhà thi đấu thể thao biểu diễn - triển lãm huyện Vĩnh Cửu	Ban QLDA huyện Vĩnh Cửu	18.881.673.000	18.881.673.000	18.858.501.331	(23.171.669)	(23.171.669)	-	-	18.881.673.000	23.171.669	23.171.669	-	-	-	-
1.2.1	Gói thầu xây lắp số 01		18.881.673.000	18.881.673.000	18.858.501.331	(23.171.669)	(23.171.669)	-	-	18.881.673.000	23.171.669	23.171.669	-	-	-	-
II	Kiểm toán giá trị quyết toán A-B		358.450.068.874	337.419.018.874	333.384.464.240	(4.036.554.634)	(4.036.554.634)	-	-	331.381.293.800	4.036.554.634	405.940.000	3.630.614.634	-	-	-
1	Tp Biên Hòa		23.242.755.836	23.242.755.836	22.947.739.357	(295.016.479)	(295.016.479)	-	-	22.815.000.000	295.016.479	200.000.000	95.016.479	-	-	-
1.1	Dự án nâng cấp, cải tạo trục sở thành ủy Biên Hòa		23.242.755.836	23.242.755.836	22.947.739.357	(295.016.479)	(295.016.479)	-	-	22.815.000.000	295.016.479	200.000.000	95.016.479	-	-	-
1.1.1	Gói thầu số 3 (gói xây lắp)		23.042.755.836	23.042.755.836	22.947.739.357	(95.016.479)	(95.016.479)	-	-	22.815.000.000	95.016.479	200.000.000	95.016.479	-	-	-
1.1.2	Chi phí tư vấn lập dự án		95.000.000	95.000.000	95.000.000	-	-	-	-	95.000.000	95.000.000	95.000.000	-	-	-	-
1.1.3	Chi phí khảo sát		105.000.000	105.000.000	105.000.000	-	-	-	-	105.000.000	105.000.000	105.000.000	-	-	-	-
3	Tổ KT số 6		283.507.438.036	283.507.438.036	279.971.839.893	(3.535.598.143)	(3.535.598.143)	-	-	356.866.423.000	3.535.598.143	-	-	-	-	-
2.1	Dự án: Cải tạo, xây dựng mới trường THPT Long Thành	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng THPT Long Thành tỉnh Đồng Nai	60.363.823.038	60.363.823.038	59.772.426.106	(591.396.932)	(591.396.932)	-	-	57.679.060.000	591.396.932	591.396.932	-	-	-	-
2.1.1	Gói xây lắp (gói số 01)		60.363.823.038	60.363.823.038	59.772.426.106	(591.396.932)	(591.396.932)	-	-	57.679.060.000	591.396.932	591.396.932	-	-	-	-

TT	Tên dự án	Ban QLDA	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Đã thanh toán đến thời điểm kiểm toán	Kiến nghị xử lý					
							Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác		Tổng cộng	Thu hồi	Giảm thanh toán	Giảm giá trị hợp đồng	Giảm giá gói thầu	Giảm khác
A	B		1	2	3	4=3-2	5	6	7	8	9	9	10	11	12	13
2.2	Dự án: Tuyến đường quốc lộ mới qua xã Xuân huyện Núi Trách	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	178.534.341.000	178.534.341.000	178.643.873.183	(2.890.467.817)	(2.890.467.817)	-	-	155.193.929.000	2.890.467.817	-	2.890.467.817	-	-	-
2.2.1	Gói thầu xây lắp số 04		127.945.127.000	127.945.127.000	127.133.965.183	(811.161.817)	(811.161.817)	-	-	121.101.150.000	811.161.817	-	811.161.817	-	-	-
2.2.2	Gói thầu xây lắp số 05		50.589.214.000	50.589.214.000	48.509.908.000	(2.079.306.000)	(2.079.306.000)	-	-	34.092.779.000	2.079.306.000	-	2.079.306.000	-	-	-
2.3	Hỗ trợ vận chuyển hàng hóa qua sông, huyện Xuân Lộc	MTV khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai	2.214.240.000	2.214.240.000	2.214.240.000	-	-	-	-	1.598.400.000	-	-	-	-	-	-
2.3.1	Gói thầu số 01 - Đường thi công kết hợp QLK khu dân cư mới		2.214.240.000	2.214.240.000	2.214.240.000	-	-	-	-	1.598.400.000	-	-	-	-	-	-
2.4	Dự án Trung tâm Chiếu xạ Sơ Khảo học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	23.732.584.000	23.732.584.000	23.678.850.594	(53.733.406)	(53.733.406)	-	-	23.732.584.000	53.733.406	-	53.733.406	-	-	-
2.4.1	Gói thầu xây lắp số 04		23.732.584.000	23.732.584.000	23.678.850.594	(53.733.406)	(53.733.406)	-	-	23.732.584.000	53.733.406	-	53.733.406	-	-	-
2.5	Dự án Xây kho lưu trữ chuyên dùng tỉnh	Sở Nội vụ - Chi cục văn thư lưu trữ	18.662.450.000	18.662.450.000	18.662.450.000	-	-	-	-	18.662.450.000	-	-	-	-	-	-
2.5.1	Gói thầu xây lắp số 07		18.662.450.000	18.662.450.000	18.662.450.000	-	-	-	-	18.662.450.000	-	-	-	-	-	-
3	Tx Long Khánh		51.699.874.800	51.699.874.800	51.699.874.800	-	(205.940.000)	-	-	51.699.874.800	205.940.000	-	205.940.000	-	-	-
3.1	Đền thờ liệt sĩ Long Khánh		51.699.874.800	51.699.874.800	51.699.874.800	-	(205.940.000)	-	-	51.699.874.800	205.940.000	-	205.940.000	-	-	-
3.1.1	Gói thầu xây lắp số 03		51.699.874.800	51.699.874.800	51.699.874.800	-	(205.940.000)	-	-	51.699.874.800	205.940.000	-	205.940.000	-	-	-
III	Kiểm toán giá trị hợp đồng		438.733.110.486	438.734.625.486	433.809.974.394	(4.914.701.193)	(4.484.917.530)	-	(429.783.662)	363.044.611.000	4.914.701.193	-	149.020.000	4.755.465.434	-	-
1	Ban QLDA ĐTXD tỉnh BN		256.388.951.000	256.388.951.000	383.501.603.436	(3.887.347.564)	(3.887.347.564)	-	-	191.414.331.000	2.887.347.564	-	10.215.758	3.877.131.806	-	-
1.1	Dự án Núi giao ngã tư Tân Phong		178.715.515.000	178.715.515.000	177.038.901.000	(1.676.614.000)	(1.676.614.000)	-	-	117.903.517.000	1.676.614.000	-	-	1.676.614.000	-	-
1.1.1	Gói thầu xây lắp số 14		178.715.515.000	178.715.515.000	177.038.901.000	(1.676.614.000)	(1.676.614.000)	-	-	117.903.517.000	1.676.614.000	-	-	1.676.614.000	-	-
1.2	Tuyến dự án Trục xử lý nước thải số 1, thành phố Biên Hòa, giai đoạn 1, công suất 6.500 m3/ngày đêm		77.673.436.000	77.673.436.000	76.462.702.456	(1.210.733.564)	(1.210.733.564)	-	-	73.510.804.000	1.210.733.564	-	10.215.758	1.200.517.806	-	-
1.2.1	Gói thầu Xây lắp số 1		9.174.665.000	9.174.665.000	9.022.008.242	(152.656.758)	(152.656.758)	-	-	9.032.224.000	152.656.758	-	10.215.758	142.441.000	-	-
1.2.2	Gói thầu Xây lắp và thiết bị số 4		48.184.330.000	48.184.330.000	47.454.984.930	(729.345.070)	(729.345.070)	-	-	45.704.300.000	729.345.070	-	-	729.345.070	-	-
1.2.3	Gói thầu Xây lắp số 5		9.904.387.000	9.904.387.000	9.662.365.000	(242.332.000)	(242.332.000)	-	-	9.608.291.000	242.332.000	-	-	242.332.000	-	-
1.2.4	Gói thầu Xây lắp số 17		10.409.354.000	10.409.354.000	10.323.344.265	(86.009.735)	(86.009.735)	-	-	9.165.989.000	86.009.735	-	-	86.009.735	-	-
2	Tổ KT số 6		74.168.178.763	74.168.178.763	73.134.874.756	(1.033.304.009)	(1.033.304.009)	-	(429.783.662)	-	1.033.304.009	-	-	1.033.304.009	-	-
2.1	Dự án Trung tâm Chiếu xạ Sơ Khảo học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	41.530.628.763	41.530.628.763	41.038.441.177	(492.187.586)	(492.187.586)	-	-	-	492.187.586	-	-	472.187.586	-	-
2.1.1	Gói thầu xây lắp số 04 (phần còn lại)		41.530.628.763	41.530.628.763	41.038.441.177	(492.187.586)	(492.187.586)	-	-	-	492.187.586	-	-	472.187.586	-	-
2.2	Dự án Xây kho lưu trữ chuyên dùng tỉnh	Sở Nội vụ - Chi cục văn thư lưu trữ	32.637.550.000	32.637.550.000	32.076.433.577	(561.116.423)	(561.116.423)	-	-	-	561.116.423	-	-	561.116.423	-	-
2.2.3	Gói thầu xây lắp số 07 (phần còn lại)		32.637.550.000	32.637.550.000	32.076.433.577	(561.116.423)	(561.116.423)	-	-	-	561.116.423	-	-	561.116.423	-	-
3	Tx Long Khánh		108.175.980.723	108.167.493.723	107.173.446.104	(994.049.619)	(994.049.619)	-	-	71.639.290.000	994.049.619	-	-	149.020.000	845.029.619	-

TT	Tên dự án	Ban QLDA	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Đã thanh toán đến thời điểm kiểm toán	Kiến nghị xử lý			
							Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác		Thu hồi	Châm thành toán	Giảm giá trị hợp đồng	Giảm giá trị đầu
A	B		1	2	3	4-3-2	5	6	7	8	9	10	11	12
3.1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống nước Sudi Tra, thị xã Long Khánh		64.990.539.723	64.990.539.723	64.145.539.104	(845.029.619)	(845.029.619)	-	-	28.402.374.000	845.029.619	-	845.029.619	-
3.1.1	Giai đoạn Xây lắp số 1		51.359.391.723	51.359.391.723	50.747.001.858	(612.389.865)	(612.389.865)	-	-	21.567.959.000	612.389.865	-	612.389.865	-
3.1.2	Giai đoạn Xây lắp số 2		13.630.968.000	13.630.968.000	13.398.578.246	(232.439.754)	(232.439.754)	-	-	7.034.415.000	232.439.754	-	232.439.754	-
3.2	Đường Ruộng Trạ - Tháp An		43.185.471.000	43.176.936.000	43.027.916.000	(149.020.000)	(149.020.000)	-	-	43.027.916.000	149.020.000	-	149.020.000	-
3.2.1	Giai đoạn xây lắp số 01		43.185.471.000	43.176.936.000	43.027.916.000	(149.020.000)	(149.020.000)	-	-	43.027.916.000	149.020.000	-	149.020.000	-
II	Kiểm toán giá gói thầu được duyệt		831.573.943.800	805.638.277.500	780.897.335.671	(24.740.941.829)	(8.148.339.958)	(10.088.976.000)	(6.503.635.871)	514.197.806.691	24.740.941.829	314.895.000	-	18.094.073.118
1	Ban QLDA BTEXD tỉnh BN		392.055.515.941	392.055.515.941	390.181.439.790	(1.874.086.151)	(1.874.086.151)	(353.855.000)	-	163.705.019.691	1.874.086.151	-	-	1.874.086.151
1.1	Dự án Đầu tư xây dựng cầu qua xã Bắc Lạn		39.216.708.000	39.216.708.000	39.124.745.000	(91.963.000)	(91.963.000)	-	-	40.177.217.000	91.963.000	-	-	91.963.000
1.1.1	Giai đoạn xây lắp số 8		39.216.708.000	39.216.708.000	39.124.745.000	(91.963.000)	(91.963.000)	-	-	40.177.217.000	91.963.000	-	-	91.963.000
1.1a	Dự án Núi giao ngã tư Tân Phong		180.902.239.000	180.902.239.000	180.178.912.000	(723.327.000)	(723.327.000)	-	-	-	723.327.000	-	-	723.327.000
1.1.1	Giai đoạn xây lắp số 14		180.902.239.000	180.902.239.000	180.178.912.000	(723.327.000)	(723.327.000)	-	0	-	723.327.000	-	-	723.327.000
1.2	Dự án Đường ĐT 745 đoạn từ Km5+500 đến Km10+000		60.871.749.535	60.871.749.535	60.652.368.374	(219.481.161)	(219.481.161)	-	-	18.211.869.000	219.481.161	-	-	219.481.161
1.2.1	Giai đoạn số 7: Xây lắp đường giao thông và hệ thống thoát nước (đoạn Km1+576 đến Km3+500) đầu Km6+760		17.374.742.152	17.374.742.152	17.343.111.161	(31.630.991)	(31.630.991)	-	-	5.056.000.000	31.630.991	-	-	31.630.991
1.2.2	Giai đoạn số 11: Xây lắp đường giao thông và thoát nước (đoạn Km6+760 đến Km10+000)		43.497.007.373	43.497.007.373	43.314.157.213	(182.850.160)	(182.850.160)	-	-	13.155.869.000	182.850.160	-	-	182.850.160
1.3	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh 765 đoạn từ Km1+576 đến Km5+500, huyện Xuân Lộc		73.447.162.130	73.447.162.130	73.823.101.130	(624.061.000)	(624.061.000)	(353.855.000)	-	70.024.070.976	624.061.000	-	-	624.061.000
1.3.1	Giai đoạn số 07 (xây lắp): Đường giao thông và hệ thống thoát nước (đoạn Km1+576 đến Km3+500)		36.746.570.437	36.746.570.437	36.392.715.437	(353.855.000)	(353.855.000)	-	-	34.162.412.976	353.855.000	-	-	353.855.000
1.3.2	Giai đoạn số 14 (xây lắp): Đường giao thông và hệ thống thoát nước (đoạn Km3+500 đến Km1+576)		23.910.701.652	23.910.701.652	23.782.659.652	(128.042.000)	(128.042.000)	-	-	23.367.776.000	128.042.000	-	-	128.042.000
1.3.3	Giai đoạn số 33 (xây lắp): Vía hè và hệ thống thoát nước (đoạn Km9+000 đến Km1+576)		12.789.890.041	12.789.890.041	12.647.776.041	(142.164.000)	(142.164.000)	-	-	12.794.180.000	142.164.000	-	-	142.164.000
1.4	Tuyến đường sắt địa phương qua Quốc lộ 1 khu vực phường Tân Hòa, huyện Trảng Borm và thành phố Biên Hòa		37.617.652.286	37.617.652.286	37.397.403.286	(220.254.000)	(220.254.000)	-	-	35.391.962.715	220.254.000	-	-	220.254.000
1.4.1	Giai đoạn số 03 (xây lắp): Đường giao thông và thoát nước mùa mưa (bao gồm cả CP trực tiếp, lân trợ)		34.192.581.286	34.192.581.286	33.991.198.286	(201.383.000)	(201.383.000)	-	-	32.205.429.715	201.383.000	-	-	201.383.000
1.4.2	Giai đoạn số 20 (xây lắp): Cải tạo đường cấp Đường vào ruộng cau (đường y tế Đông Núi)		3.425.076.000	3.425.076.000	3.406.205.000	(18.871.000)	(18.871.000)	-	-	3.086.433.000	18.871.000	-	-	18.871.000
2	Huyện Trảng Borm		43.199.399.207	43.199.399.207	43.199.399.207	-	-	-	-	35.142.843.000	-	-	-	-
2.1	Dự án Cụm tượng đài và nhà lưu niệm truyền thống tại Khu di tích Căn cứ tỉnh ủy Biên Hòa (Di tích U1 huyện Trảng Borm)		43.199.399.207	43.199.399.207	43.199.399.207	-	-	-	-	35.142.843.000	-	-	-	-

T.T	Tên dự án	Ban QLDA	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Đã thanh toán đến thời điểm kiểm toán	Kiểm nghiệm sự lý					
							Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác		Tổng cộng	Thu hồi	Giảm thanh toán	Giảm giá trị hợp đồng	Giảm giá gói thầu	Giảm khác
A	B		1	2	3	4=3-2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
2.1.1	Xây lắp (Gói thầu số 3)		11.825.387.403	13.825.387.403	13.825.387.403	-	-	-	-	12.903.767.000	-	-	-	-	-	
2.1.2	Xây lắp (Gói thầu số 9: Cầu vượt đầu và phi điện)		29.374.211.804	29.374.211.804	29.374.211.804	-	-	-	-	22.239.076.000	-	-	-	-	-	
3	TỔ KT số 6		386.318.828.743	370.383.162.353	347.516.306.674	(12.866.855.678)	(6.628.098.807)	(9.735.121.000)	(6.503.635.871)	315.349.944.000	22.866.855.678	314.895.000	-	16.219.937.267	6.332.023.411	
3.1	Dự án: Trường THPT Xuân Thành, thị xã Long Khánh và Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	54.637.051.000	54.637.051.000	53.681.159.978	(955.891.022)	(955.891.022)	-	-	50.434.560.000	955.891.022	-	-	955.891.022	-	
3.1.1	Gói thầu số 03 - Xây lắp + Thiết bị		54.637.051.000	54.637.051.000	51.908.539.000	(728.492.000)	(728.492.000)	-	-	50.434.560.000	728.492.000	-	-	728.492.000	-	
3.1.2	Diện chính giám theo Theo Biên bản thành lập ngày 16/5/2017 giữa Đoàn Thanh tra và Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai				(227.399.022)	(227.399.022)	(227.399.022)	-	-		227.399.022	-	-	227.399.022	-	
3.2	Dự án: Xây dựng Trường THPT Chín Mỹ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	51.419.048.053	51.419.048.053	50.694.069.822	(724.978.171)	(724.978.171)	-	-	47.697.934.000	724.978.171	-	-	724.978.171	-	
3.2.1	Gói thầu số 03 - Xây lắp + Thiết bị		51.419.048.053	51.419.048.053	50.900.327.053	(518.721.000)	(518.721.000)	-	-	47.697.934.000	518.721.000	-	-	518.721.000	-	
3.2.2	Diện chính giám theo Theo Biên bản thành lập ngày 16/5/2017 giữa Đoàn Thanh tra và Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai				(206.237.171)	(206.237.171)	(206.237.171)	-	-		206.237.171	-	-	206.237.171	-	
3.3	Dự án: đầu tư xây dựng khuôn khuôn bê tông, cấp cứu và khuôn khuôn cốt bê tông và khuôn															

TT	Tên dự án	Ban QLDA	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Đã thanh toán đến thời điểm kiểm toán	Kiến nghị xử lý				
							Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác		Tổng cộng	Thu hồi	Giảm thanh toán	Giảm giá trị hợp đồng	Giảm giá trị khác
A	B		1	2	3	4-3-2	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3.4.3	Giai đoạn số 04 - Xây dựng nhà ở xã hội		7.011.123.475	7.011.123.475	6.961.176.064	(49.949.411)	(49.949.411)			26.501.522.000	49.949.411			49.949.411	
3.4.4	Giai đoạn số 10 (Xây lắp + Thiết bị) - Nhà quản lý; Hệ thống hành chính, hành cấp 1 và công trình trên kênh		45.135.849.000	45.135.849.000	44.899.293.188	(236.555.812)	(236.555.812)			3.579.942.000	236.555.812			236.555.812	
3.5	Phân 1 - Tuyến đường Cự City	Ban QLDA huyện Vĩnh Cửu	77.503.345.000	77.503.345.000	67.453.329.000	(10.050.016.000)	(314.895.000)	(9.735.121.000)		63.270.373.000	10.050.016.000			9.735.121.000	
3.5.1	Giai đoạn xây lắp số 01	Xoài	77.503.345.000	77.503.345.000	67.453.329.000	(10.050.016.000)	(314.895.000)	(9.735.121.000)		63.270.373.000	10.050.016.000			9.735.121.000	
C	NGÂN SÁCH BUYEN		508.767.581.654	503.506.385.394	497.944.682.755	(5.561.633.639)	(5.561.585.639)		(47.000)	434.577.807.245	5.561.633.639	1.391.107.718		1.389.819.882	
1	Kiểm toán giá trị quyết toán được duyệt		177.814.905.000	175.375.482.000	174.322.375.679	(1.053.306.321)	(1.053.259.321)		(47.000)	177.814.952.000	1.053.306.321	1.053.306.321			
1.1	Huyện Trảng Bom		40.658.066.000	38.218.843.000	38.128.832.679	(89.990.321)	(89.990.321)			40.658.066.000	89.990.321	89.990.321			
1.1.1	Dự án Đường Ngô Quyền		20.701.839.000	20.701.839.000	20.628.631.679	(73.217.321)	(73.217.321)			20.701.839.000	73.217.321	73.217.321			
1.1.1.1	Giai đoạn số 7 (giao thông)		20.033.791.000	20.033.791.000	19.940.573.679	(73.217.321)	(73.217.321)			20.033.791.000	73.217.321	73.217.321			
1.1.2	Trồng cây xanh vỉa hè		668.048.000	668.048.000	668.048.000					668.048.000					
1.2	Đường 30/4 nối dài (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường An Dương Vương)		19.956.227.000	17.517.004.000	17.500.231.000	(16.773.000)	(16.773.000)			19.956.227.000	16.773.000	16.773.000			
1.2.1	Giai đoạn xây dựng công trình đường giao thông		19.956.227.000	17.517.004.000	17.500.231.000	(16.773.000)	(16.773.000)			19.956.227.000	16.773.000	16.773.000			
2	Huyện Thống Nhất		137.156.839.000	137.156.839.000	136.193.521.000	(963.318.000)	(963.269.000)		(47.000)	137.156.846.000	963.318.000	963.318.000			
2.1	Dự án Trường tiểu học Phan Bội Châu		17.256.502.000	17.256.502.000	16.724.878.000	(531.623.000)	(531.623.000)			17.256.502.000	531.623.000	531.623.000			
2.1.1	Giai đoạn xây dựng số 01		17.256.502.000	17.256.502.000	16.724.879.000	(531.623.000)	(531.623.000)			17.256.502.000	531.623.000	531.623.000			
2.2	Dự án Đường trung tâm Hưng Lễ		15.889.206.000	15.889.206.000	15.715.164.000	(174.042.000)	(173.995.000)		(47.000)	15.889.231.000	174.042.000	174.042.000			
2.2.1	Giai đoạn xây dựng số 01		15.889.206.000	15.889.206.000	15.715.164.000	(174.042.000)	(173.995.000)		(47.000)	15.889.231.000	174.042.000	174.042.000			
2.3	Dự án Trung tâm TDTT huyện Thống Nhất		104.011.131.000	104.011.131.000	103.753.480.000	(257.651.000)	(257.651.000)			104.011.131.000	257.651.000	257.651.000			
2.3.1	Giai đoạn số 01		72.474.308.000	72.474.308.000	72.305.710.000	(168.598.000)	(168.598.000)			72.474.308.000	168.598.000	168.598.000			
2.3.2	Giai đoạn số 02		31.536.823.000	31.536.823.000	31.447.770.000	(89.053.000)	(89.053.000)			31.536.823.000	89.053.000	89.053.000			
II	Kiểm toán giá trị quyết toán A-B		135.243.596.330	135.243.596.330	134.101.382.944	(1.138.213.406)	(1.138.213.406)			132.779.141.000	1.138.213.406	1.138.213.406		852.584.000	
1	Tp. Biên Hòa		43.414.421.350	43.414.421.350	43.331.814.894	(82.606.456)	(82.606.456)			43.414.421.350	82.606.456	82.606.456			
1.1	Xây dựng trường THCS Hòa Bình		13.628.265.350	13.628.265.350	13.593.672.623	(32.592.727)	(32.592.727)			13.628.031.000	32.592.727	32.592.727			
1.1.1	Giai đoạn xây lắp 01		13.628.265.350	13.628.265.350	13.593.672.623	(32.592.727)	(32.592.727)			13.628.031.000	32.592.727	32.592.727			
1.2	Dự án Trường THCS Tân Hành		29.786.156.000	29.786.156.000	29.736.142.271	(50.013.729)	(50.013.729)			29.786.156.000	50.013.729	50.013.729			
1.2.1	Giai đoạn xây lắp số 01		29.786.156.000	29.786.156.000	29.736.142.271	(50.013.729)	(50.013.729)			29.786.156.000	50.013.729	50.013.729			
2	Tp. Long Khánh		39.027.221.000	39.027.221.000	38.874.198.050	(203.022.950)	(203.022.950)			39.027.221.000	203.022.950	203.022.950			
2.1	Xây dựng Trường Trung học cơ sở Ngô Quyền		31.086.461.000	31.086.461.000	30.883.438.050	(203.022.950)	(203.022.950)			31.086.461.000	203.022.950	203.022.950			
2.1.1	Giai đoạn Xây lắp (gói số 1/5)		31.086.461.000	31.086.461.000	30.883.438.050	(203.022.950)	(203.022.950)			31.086.461.000	203.022.950	203.022.950			

TT	Tên dự án	Ban QLDA	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Bất thành toán đến thời điểm kiểm toán	Kiến nghị xử lý				
							Sai lệch lương	Sai đơn giá	Sai khác		Tổng cộng	Thu hồi	Giảm thành toán	Giảm giá trị hợp đồng	Giảm giá gói thầu
A	B		1	2	3	4=1-2	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2.2	Trường tiểu học Lê Lợi		7.940.760.000	7.940.760.000	7.940.760.000	-	-	-	-	7.940.760.000	-	-	-	-	-
2.2.1	Gói thầu xây lắp số 01		7.940.760.000	7.940.760.000	7.940.760.000	-	-	-	-	7.940.760.000	-	-	-	-	-
3	Huyện Thống Nhất		52.801.954.000	52.801.954.000	51.949.370.000	(852.584.000)	(852.584.000)	-	-	50.337.733.000	852.584.000	-	-	-	-
3.1	Dự án Trường tiểu học Hưng Lộc		22.888.359.000	22.888.359.000	22.201.037.000	(683.322.000)	(683.322.000)	-	-	21.648.365.000	683.322.000	-	-	-	-
3.1.1	Gói thầu xây dựng số 01		22.888.359.000	22.888.359.000	22.201.037.000	(683.322.000)	(683.322.000)	-	-	21.648.365.000	683.322.000	-	-	-	-
3.2	Dự án Đường Tây Kim - Thanh Bình		29.913.595.000	29.913.595.000	28.744.333.000	(169.262.000)	(169.262.000)	-	-	28.689.368.000	169.262.000	-	-	-	-
3.2.1	Gói thầu xây lắp		29.913.595.000	29.913.595.000	29.744.333.000	(169.262.000)	(169.262.000)	-	-	28.689.368.000	169.262.000	-	-	-	-
III	Kiểm toán giá trị nghiệm thu A-B														
I	Tp. Biên Hòa														
1.1	Dự án Trường Trung học cơ sở Trưng Dải KP2		126.269.977.686	126.269.977.686	125.832.731.834	(437.245.852)	(437.245.852)	-	-	82.672.570.245	437.245.852	-	-	437.245.852	-
1.1.1	Gói thầu xây lắp (Gói số 1)		126.269.977.686	126.269.977.686	125.832.731.834	(437.245.852)	(437.245.852)	-	-	82.672.570.245	437.245.852	-	-	437.245.852	-
1.2	Trường tiểu học Phước Tân		11.430.376.000	11.430.376.000	11.460.193.117	(70.182.883)	(70.182.883)	-	-	11.430.376.000	70.182.883	-	-	70.182.883	-
1.2.1	Gói thầu xây lắp số 04		11.430.376.000	11.430.376.000	11.460.193.117	(70.182.883)	(70.182.883)	-	-	11.430.376.000	70.182.883	-	-	70.182.883	-
1.3	Trường TH Nguyễn Thị Sáu		29.558.779.000	29.558.779.000	29.324.975.923	(233.803.077)	(233.803.077)	-	-	22.122.498.000	33.803.077	-	-	33.803.077	-
1.3.1	Gói thầu xây lắp số 01		29.558.779.000	29.558.779.000	29.324.975.923	(233.803.077)	(233.803.077)	-	-	22.122.498.000	33.803.077	-	-	33.803.077	-
1.4	Trường TH Trưng Dải 2		32.280.822.686	32.280.822.686	32.077.039.869	(203.782.817)	(203.782.817)	-	-	3.228.742.245	203.782.817	-	-	203.782.817	-
1.4.1	Gói thầu xây lắp số 04		32.280.822.686	32.280.822.686	32.077.039.869	(203.782.817)	(203.782.817)	-	-	3.228.742.245	203.782.817	-	-	203.782.817	-
IV	Kiểm toán giá trị hợp đồng còn lại														
I	Tp. Biên Hòa														
1.1	Dự án Trường Trung học cơ sở Trưng Dải KP2		16.848.431.753	16.848.431.753	16.448.431.753	(400.000.000)	(400.000.000)	-	-	45.890.954.000	139.497.075	-	-	139.497.075	-
1.1.1	Gói thầu xây lắp số 1		16.848.431.753	16.848.431.753	16.448.431.753	(400.000.000)	(400.000.000)	-	-	45.890.954.000	139.497.075	-	-	139.497.075	-
V	Kiểm toán gói thầu được duyệt														
1	Huyện Trảng Bom														
1.1	Dự án Sửa chữa, nâng cấp Trường TH Trần Phú		52.590.670.865	49.748.597.003	46.835.730.546	(2.932.867.059)	(2.932.867.059)	-	-	41.311.144.000	2.932.867.059	53.172.001	-	2.932.867.059	-
1.1.1	Xây lắp (Gói thầu số 1)		52.590.670.865	49.748.597.003	46.835.730.546	(2.932.867.059)	(2.932.867.059)	-	-	41.311.144.000	2.932.867.059	53.172.001	-	2.932.867.059	-
1.1.2	Xây lắp (Gói thầu số 13)		7.402.296.942	7.402.296.942	7.289.037.884	(114.359.058)	(114.359.058)	-	-	6.132.890.000	114.359.058	-	-	114.359.058	-
1.2	Dự án Khu dân cư - Tái định cư 5.3ha tại thị trấn Trảng Bom		419.538.147	419.538.147	405.115.000	(10.423.147)	(10.423.147)	-	-	6.132.890.000	10.423.147	-	-	10.423.147	-
1.2.1	Xây lắp		419.538.147	419.538.147	405.115.000	(10.423.147)	(10.423.147)	-	-	6.132.890.000	10.423.147	-	-	10.423.147	-
1.3	Dự án Khu dân cư - Tái định cư 5.3ha tại thị trấn Trảng Bom		6.981.758.795	6.981.758.795	6.879.922.884	(103.835.911)	(103.835.911)	-	-	7.270.479.000	103.835.911	-	-	103.835.911	-
1.3.1	Gói thầu Xây dựng công trình (Hàng ký hiệu)		6.981.758.795	6.981.758.795	6.879.922.884	(103.835.911)	(103.835.911)	-	-	7.270.479.000	103.835.911	-	-	103.835.911	-
1.3.2	Xây lắp		7.312.752.922	7.312.752.922	7.259.580.921	(53.172.001)	(53.172.001)	-	-	7.270.479.000	53.172.001	-	-	53.172.001	-
1.3.3	Xây lắp		7.312.752.922	7.312.752.922	7.259.580.921	(53.172.001)	(53.172.001)	-	-	7.270.479.000	53.172.001	-	-	53.172.001	-
1.3.4	Xây lắp		18.784.506.594	18.784.506.594	18.652.603.334	(131.903.260)	(131.903.260)	-	-	14.688.733.000	2.109.830.000	-	-	2.109.830.000	-
1.3.5	Xây lắp		18.784.506.594	18.784.506.594	18.652.603.334	(131.903.260)	(131.903.260)	-	-	14.688.733.000	2.109.830.000	-	-	2.109.830.000	-

TT	Tên dự án	Ban QLDA	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Đã thanh toán đến thời điểm kiểm toán	Kiến nghị xử lý					
							Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác		Tổng cộng	Thu hồi	Giảm thanh toán	Giảm giá trị hợp đồng	Giảm giá gói thầu	Giảm khác
A	B		1	2	3	4=3-2	5	6	7	8	9	9	10	11	12	13
1.4	Cảng biển ven biển Hồng Vương (giai đoạn I)		19.090.114.407	19.090.114.407	18.434.508.407	(655.606.000)	(655.606.000)	-	-	13.219.042.000	655.606.000	-	-	-	655.606.000	-
1.4.1	Gói thầu xây lắp 03		19.090.114.407	19.090.114.407	18.434.508.407	(655.606.000)	(655.606.000)	-	-	13.219.042.000	655.606.000	-	-	-	655.606.000	-

Ghi chú: - Dự án Đường trung tâm Hưng Lộc: Số kiến nghị thu hồi nợ NSNN lớn hơn 47.000 đồng so với số chênh lệch giá trị khối lượng do Đoàn kiểm toán xác định là do Ban QLDA huyện Thống Nhất thanh toán vượt giá trị quyết toán được duyệt (15.889.253.000-15.889.206 = 47.000 đồng)

- Giá trị sai khác do KTV giảm trừ do đơn vị tính chỉ phí thiết bị máy lạnh vào chỉ phí vật liệu xây dựng
- Giá trị giảm trừ chỉ phí vật tư tạm tính, chưa có trong thông báo giá nhưng đơn vị chưa cung cấp đầy đủ báo giá làm cơ sở lập dự toán gói thầu
- Dự án nâng cấp, cải tạo trụ sở thành ủy Biên Hòa, giảm chỉ phí tư vấn lập dự án và chỉ phí khảo sát do sai nguồn

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017 TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Phụ lục số 08/BCKT - NSDP

TT	Chi tiêu	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế									Thu khác	Giảm thuế GTGT được khấu trừ
				GTGT	TNDN	TNCN	Thuế tài nguyên	Phí lệ phí	Tiền thuế đất	Phí BVMT	Thuế khác			
1	Đơn vị B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	Tổng cộng		36.187.295.265	10.506.030.405	18.751.337.438	10.000.000	19.036.270	254.923.898	578.752.737	8.144.070	414.692.696	738.147.414	6.906.230.336	
A	Kiểm toán tại DNNN		987.178.762	-	249.031.348	-	-	-	-	-	-	738.147.414	-	
1	Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ TH Đồng Nai		170.248.503		34.049.701							136.198.802		
2	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai		816.930.259		214.981.647							601.948.612		
B	Kết quả kiểm toán tại các cơ quan tổng hợp		36.568.707.448	10.478.818.588	18.180.213.091	10.000.000	-	-	578.752.737	-	414.692.696	-	6.906.230.336	
I	Tại các Phòng Tài chính KH		236.798.821	118.399.411	118.399.411	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Phòng Tài chính KH Biên Hòa		123.799.345	61.899.673	61.899.673	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Trung Tâm Văn hóa thể dục, thể thao		123.799.345	61.899.673	61.899.673	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Phòng Tài chính KH Trảng Bom		112.999.476	56.499.738	56.499.738	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên		30.799.476	15.399.738	15.399.738									
-	Trung tâm Thể dục thể thao		82.200.000	41.100.000	41.100.000									
II	Cơ quan thuế		31.835.529.032	6.278.732.278	18.061.813.680	10.000.000	0	578.752.737	0	0	0	0	6.906.230.336	
1	Văn phòng Cục Thuế		22.880.711.893	2.877.238.032	15.619.914.790	-	-	578.752.737	-	-	-	-	3.804.806.334	
1.1	Công ty TNHH Hồng Tuyền	3602379285	258.091.073		258.091.073									
1.2	Công ty TNHH Đăng Long	3600658653	15.734.147		15.734.147									
1.3	Công ty CP Cơ Giới và Xây Lắp số 9	0301442322	442.433.340	208.643.653	233.789.686									
1.4	Công ty CP Kiến trúc và nội thất NANO - CN Đồng Nai	0102113725	59.390.573		59.390.573								298.950.966	
1.5	Công ty TNHH Bà Lộc	3600367735	377.747.486	78.796.520	-									
1.6	Công ty TNHH Happy Cook	3600583091	25.594.641		25.594.641									
1.7	Công ty TNHH Thực Nghiệp Đại Kiến	3600631482	24.418.855		24.418.855									
1.8	Công ty TNHH MTV Dầu tư XD KCN Nhơn Trạch 6A	3603205323	299.400.000		299.400.000									
1.9	Công ty CP Dầu tư Nhơn Trạch	3600694267	865.232.856	781.680.653	83.552.203									
1.10	Công ty CP Khu Công Nghiệp Hồ Nai	3600505336	-		-									
1.11	Công ty TNHH Hà tăng Giao thông Hải Hậu	3600465612	33.294.009	4.431.336	28.862.672									
1.12	Công ty CP Xây dựng Đồng Nai	3600510590	213.160.104		213.160.104									
1.13	Công ty TNHH Công Trình Cơ Tươi Long Việt Nam	3600732836	21.740.681		21.740.681									
1.14	Công ty CP Gạch men V.T.C	3600723398	50.363.636		50.363.636									
1.15	Công ty CP Miền Đông	3600256545	30.498.889		30.498.889									
1.16	Công ty CP Dầu Tư LDG	3603361266	2.734.014.203		2.734.014.203									

Đơn vị tính: đồng

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế								Thu khác	Giảm thuế GTGT được khấu trừ
				GTGT	TNDN	TNCN	Thuế tài nguyên	Phí lệ phí	Tiền thuế đất	Phí BHYT	Thuế khác		
1.17	Công ty CP Xây dựng TM Đại Lộc Phát	3602721212	79.582.700		7.234.791								
1.18	Công ty CP Nguyễn Cường	3600445380	34.847.333		25.946.222								72.347.909
1.19	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thịnh Hoàng Phát	3602300408	431.487.000	392.260.909	39.226.091								8.901.111
1.20	Công ty CP Đầu tư An Thịnh Đồng Nai	3602331163	2.783.442.038										
1.21	Công ty TNHH MTV Hằng Huyện	3602442931	12.271.824		275.836.598								2.507.605.440
1.22	Công ty TNHH C.K Liên Phát	3602804148	22.696.902		12.271.824								
1.23	Công ty TNHH XD Ho Team	3600914716	72.073.755		20.001.629								2.695.273
1.24	Công ty TNHH XD Nam Hưng	3600282305	28.509.090	3.054.545	25.454.545								72.073.755
1.25	Công ty CP Ô Tô Quốc Tuấn	3600449917	10.077.613.201		10.077.613.201								
1.26	Công ty CP Hòa An	3600464464	78.390.148		78.390.148								
1.27	Công ty CP Đầu tư và XD Kiến Trúc Mới	3602466562	572.930.279	365.088.153	15.766.461								192.075.665
1.28	Công ty TNHH E.C	3600613525	111.043.554		104.263.554								6.780.000
1.29	Công ty TNHH MTV Biên Hòa SCM	3600932747	37.573.235		37.573.235								
1.30	Công ty Cổ phần Bất động sản Thông Nhất	3602041707	896.133.280	762.418.444	133.714.836								
1.31	Công ty TNHH Xây Dựng Ngọc Pháp	3602578523	35.036.354	14.167.727	20.868.627								
1.32	Công ty CP XD Dân dụng số 1 Đồng Nai	3600503226	692.334.114		48.957.899								
1.33	Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO	3600459834	401.674.540	215.410.986	186.263.554								643.376.215
1.34	Công ty CP Phúc Đại Mã Đ.C.C	3600724955	103.617.464	34.539.155	69.078.309								
1.35	Công ty CP Tân Cảng	3600973711	69.308.517	5.994.950	63.313.567								
1.36	Công ty TNHH Đức Tài Thịnh	3602041337	310.279.336	10.751.000	299.528.336								
1.37	Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	3600224423	578.752.737						578.752.737				
2	Chi cục thuế TP Biên Hòa		3.258.478.401	1.127.531.920	799.902.419								1.331.044.062
2.1	Công ty TNHH Tân Bùn Long	3600526858	1.328.151.368	981.773.273	346.378.095								
2.2	Công ty TNHH MTV Xuân Đào	3602371529	131.742.056		131.742.056								
2.3	Công ty TNHH TM DV và XD Thanh Phát	3602366134	100.588.616		100.588.616								
2.4	Công ty TNHH Hải Bình	3600527812	121.435.739		121.435.739								
2.5	Công ty TNHH Hoàng Anh Thi	3600805629	1.364.272.563		33.228.501								
2.6	Công ty TNHH Văn tại Nam Quốc	3600680433	13.116.870	4.174.102	8.942.768								1.331.044.062
2.8	Công ty TNHH Khang Thịnh - Cây Dưa	3600865970	131.710.597	109.600.814	22.109.783								
2.9	Công ty TNHH MTV TM DV Cao Hiền Dế	3603044820	67.460.592	31.983.731	35.476.861								
3	Chi cục Thuế huyện Trảng Bom		2.436.426.251	65.074.089	600.972.221								1.770.379.940
3.1	Công ty TNHH Đức Nghĩa Hưng	3601594554	1.018.723.100		92.611.191								926.111.909
3.2	Công ty TNHH Tiến Phong 1	3601651139	41.581.058		4.625.240								36.955.818
3.3	DNTN Thanh Quân	3600469487	15.312.449	14.640.182	672.268								
3.4	Công ty TNHH Kim Thu B.D.C	3600810139	411.850.316		411.850.316								
3.5	Công ty TNHH Phạm Ngọc Danh	3602126622	57.313.993	48.571.180	8.742.812								
3.6	Công ty TNHH Đại Hùng Phát	3600877905	44.587.660	1.862.727	42.724.932								7.671.000
3.7	Công ty TNHH MTV Chông Thành Doan Nguyen tư nhân xây dựng Cáo	3602386476	23.013.000		15.342.000								31.500.909
3.8	Tỉnh	3600648479	34.651.000		3.130.091								
3.9	DNTN Long Thuận	3600821740	248.592.913		5.728.608								242.864.304

TT	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế							Thu khác	Giảm thuế GTGT được khấu trừ
				GTGT	TNDN	TNCN	Thuế tài nguyên	Phí lệ phí	Tiền thuế đất	Phí BVMT		
3.10	Công ty TNHH Thương mại Hồng Ly	3600954395	540.800.762		15.524.762							525.276.000
4	Chi cục Thuế huyện Long Khánh		3.184.942.193	2.208.888.237	966.053.956	10.000.000	-	-	-	-	-	-
4.1	Công ty TNHH TM & DV Lê Nguyễn Gia	3602495732	21.504.819		21.504.819							
4.2	Công ty TNHH Tuyết Nhàn	3600803036	44.702.574		44.702.574							
4.3	Công ty TNHH Nguyễn Hùng	3600281421	44.230.534		44.230.534							
4.4	Công ty TNHH Khánh Phong	3600630802	59.265.888		59.265.888							
4.5	Công ty TNHH Hồng Hà	3600281527	265.722.707		265.722.707							
4.6	Công ty TNHH MTV Quốc Thắng Toàn	3602065105	1.548.404.856	1.168.576.818	379.828.038							
4.7	Công ty TNHH Xây dựng Châu Hùng Vỹ	3603051458	91.834.964	48.231.636	43.603.328							
4.8	Công ty TNHH MTV Phi Nhân Phát	3603044299	29.603.239	13.855.091	15.748.148							
4.9	Công ty TNHH Long Khánh 69H	3600850325	142.252.320	50.804.400	91.447.920							
4.10	Công ty CP KT ĐT XL Số 2		235.129.627	225.129.627	10.000.000							
4.11	Công ty TNHH XD-GT Hiếu Bảo	3603475249	702.290.665	702.290.665								
5	Chi cục Thuế huyện Thống Nhất		74.970.294	-	74.970.294	-	-	-	-	-	-	-
5.1	Công ty TNHH Lâm Hòa Hiệp	3603404336	13.761.527		13.761.527							
5.2	Công ty TNHH MTV Xây Dựng Đức Phúc	3601117103	35.888.708		35.888.708							
5.3	Công ty TNHH Đào Phương Linh	3602971036	6.196.741		6.196.741							
5.4	Doanh Nghiệp Tư Nhân Tiến Hưng 1	3600222899	6.809.600		6.809.600							
5.5	Công ty TNHH Quang Tiến Ngọc	3603129552	12.313.718		12.313.718							
III	Cục Hải quan Đồng Nai		4.496.379.595	4.081.686.899	0	0	0	0	0	0	414.692.696	0
1	Chi cục Hải quan Biên Hòa		4.039.606.695	4.039.606.695	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Công ty TNHH FUMAKILLA Việt Nam		2.786.664.960	2.786.664.960								
1.2	Công ty TNHH Nicca Việt Nam		14.527.473	14.527.473								
1.3	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)		1.196.770.510	1.196.770.510								
1.4	Công ty TNHH SILK Việt Nam		36.544.400	36.544.400								
1.5	Công ty TNHH Toyo Ink Việt Nam		2.184.575	2.184.575								
1.6	Công ty TNHH Amway Việt Nam		2.914.776	2.914.776								
2	Chi cục Hải quan Long Thành		116.172.925	10.561.175	-	-	-	-	-	-	105.611.750	-
2.1	Công ty TNHH J-SPIRAL STEEL PIPE		116.172.925	10.561.175							105.611.750	-
3	Chi cục hải quan Nhơn Trạch		340.599.975	31.519.029	-	-	-	-	-	-	309.080.946	-
3.1	Công ty TNHH vật liệu KHKT Triều Vũ Việt Nam		113.938.440	10.358.040							103.580.400	
3.2	Công ty TNHH Mỹ Phẩm LG Vina		226.661.535	21.160.989							205.500.546	
C	Kiểm toán các đơn vị HCNS		631.409.055	27.211.817	322.092.999	-	19.036.270	254.923.898	-	8.144.070	-	-
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		282.104.238	-	-	-	19.036.270	254.923.898	-	8.144.070	-	-
1.1	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn		27.180.340									
1.2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Kiểm toán tổng hợp)		254.923.898									
1.2.1	Văn Phòng Sở		52.523.125									
1.2.2	Chi cục Thủy sản		19.376.773									
1.2.3	Chi cục Trồng trọt & BVTV		167.014.000									
1.2.4	Chi cục QL Chất lượng Nông Lâm Thủy sản		16.010.000									
2	Sở Văn hóa Thể thao Du lịch		38.366.363	12.530.000	25.836.363	-	-		-	-	-	-

TT	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế							Thu khác	Giảm thuế GTGT được khấu trừ
				GTGT	TNDN	TNCN	Thuế tài nguyên	Phí lệ phí	Tiền thuê đất	Phí BVMT	Thuế khác	
2.1	Trung tâm Phát hành phim -CB		19.886.363		19.886.363							
2.2	Nhà hát Nghệ thuật truyền thống		5.020.000	2.510.000	2.510.000							
2.3	Đoàn Ca múa		4.200.000	2.100.000	2.100.000							
2.4	Thư viện tỉnh		2.680.000	1.340.000	1.340.000							
2.5	Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật		6.580.000	6.580.000								
3	Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai		100.008.457	14.681.817	85.326.640							
3.1	Đài PT-TH		7.454.545	7.454.545								
3.2	Trung tâm Dịch vụ PT-TH		92.553.912	7.227.272	85.326.640							
4	Sở Giao thông vận tải		210.929.996		210.929.996							
-	Khu quản lý đường bộ đường thủy		210.929.996		210.929.996							

THUYẾT MINH KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	MST	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân
A	B	C	I	2
	Tổng cộng		31.281.064.928	
A	Thuế giá trị gia tăng		10.506.030.405	
I	Kiểm toán, đối chiếu tại cơ quan tổng hợp		10.478.818.588	
1	Phòng Tài chính KH các huyện		118.399.411	
1.1	Phòng Tài chính KH Trảng Bom		56.499.738	
-	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên		15.399.738	Đơn vị chưa kê khai, nộp thuế đối với doanh thu cho thuê mặt bằng
-	Trung tâm Thể dục thể thao		41.100.000	Đơn vị chưa kê khai, nộp thuế đối với doanh thu từ hoạt động dịch vụ (bể bơi, tennis, đá bóng...)
1.2	Phòng Tài chính KH Biên Hòa		61.899.673	
-	Trung tâm Thể dục thể thao		61.899.673	Đơn vị chưa kê khai, nộp thuế đối với doanh thu cho thuê mặt bằng
2	Văn phòng Cục Thuế		2.877.238.032	
2.1	Công ty TNHH XD Nam Hưng	3600282305	3.054.545	- Chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế kịp thời theo quy định
2.2	Công ty TNHH Hạ tầng Giao thông Hải Hậu	3600465612	4.431.336	- Thanh toán bằng tiền mặt đối với hóa đơn 20 triệu đồng trở lên
2.3	Công Ty CP Tân Cang	3600973711	5.994.950	- Chi phí không được trừ do thanh toán bằng tiền mặt đối với hoá đơn trên 20 trđ
2.4	Công ty TNHH Đức Tài Thịnh	3602041337	10.751.000	- Chưa phát hành hóa đơn đối với các hợp đồng sửa chữa tàu đã hoàn thành - Tăng thuế GTGT phải nộp các hoá đơn đầu vào của Công ty thanh toán bằng tiền mặt các hóa đơn trên 20 triệu đồng.
2.5	Công ty TNHH Xây Dựng Ngọc Pháp	3602578523	14.167.727	- Tăng doanh thu XD công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao trước ngày 31/12/2017 và chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế GTGT theo quy định
2.6	Công ty CP Phúc Đạt M&Đ.C.C	3600724955	34.539.155	- Tăng doanh thu dịch vụ cho thuê khách sạn chưa phát hành hóa đơn, kê khai, nộp thuế GTGT, TNDN theo quy định
2.7	Công ty TNHH Bá Lộc	3600367735	78.796.520	- Tăng doanh thu công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao trước ngày 31/12/2017, chưa phát hành hóa đơn GTGT, kê khai thuế GTGT, TNDN theo quy định

TT	Đơn vị	MST	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	
				A	B
2.8	Công ty CP Cơ Giới và Xây Lấp số 9	0301442322	208.643.653		Tăng doanh thu hàng hóa đã xuất bán, chưa kê khai thuế
2.9	Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO	3600459834	215.410.986		Tăng doanh thu công trình chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế theo quy định
2.10	Công ty CP Đầu tư và XD Kiến Trúc Mới	3602466562	365.088.153		Tăng doanh thu XD công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bán giao trước ngày 31/12/2017 và chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế GTGT theo quy định
2.11	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thịnh Hoàng Phát	3602300408	392.260.909		- Tăng doanh thu XD công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bán giao trước ngày 31/12/2017 và chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế GTGT, TNDN theo quy định
2.12	Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất	3602041707	762.418.444		- Công ty chưa phát hành hóa đơn đối với các dự án đã hoàn thành, bán giao năm 2017
2.13	Công ty CP Đầu tư Nhom Trạch	3600694267	781.680.653		- Chưa ghi nhận kịp thời doanh thu, giá vốn đối với chuyển nhượng đất nền trong năm 2017
2.14	Công ty CP Khu Công Nghiệp Hồ Nai	3600505336	0		Tăng thuế GTGT phải nộp do công ty chưa phát hành hóa đơn, kê khai, nộp thuế GTGT đối với thu nhập từ tiền nhận được theo tiến độ của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng.
3	Chi cục Thuế TP Biên Hòa		1.127.531.920		
3.1	Công ty TNHH Tân Bửu Long;	3600526858	981.773.273		- Tăng kê khai thuế GTGT đầu ra của 2 công trình, đơn vị xây dựng hoàn thành nghiệm thu bán giao đưa vào sử dụng năm 2015 nhưng chưa xuất hóa đơn kê khai thuế GTGT đầu ra.
3.2	Công ty TNHH MTV TM DV Cao Hiền Đệ	3603044820	31.983.731		- Giảm trừ thuế GTGT được khấu trừ đối với các khoản chi không phục vụ sản xuất kinh doanh; và khoản thanh toán trả tiền mặt đối với những hóa đơn có giá trị trên 20 tr.
3.3	Công ty TNHH Khang Thịnh-Cây Dừa	3600865970	109.600.814		- Tăng thuế GTGT đầu ra bán hàng hóa do đơn vị chưa kê khai doanh thu bán hàng hóa tháng 12; Kê thiếu doanh thu so với bảng kê tính tiền.
3.4	Công ty TNHH vận tải Nam Quốc	3600680433	4.174.102		- Giảm trừ thuế GTGT được khấu trừ đối với các khoản chi không phục vụ sản xuất kinh doanh.
4	Chi cục Thuế huyện Trảng Bom		65.074.089		
4.1	DNTN Thanh Quân	3600469487	14.640.182		Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017
4.2	Công ty TNHH Phạm Ngọc Danh	3602126622	48.571.180		Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017

TT	Đơn vị	MST	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân
A	B	C	I	2
4.3	Công ty TNHH Đại Hùng Phát	3600877905	1.862.727	Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN do không thanh toán qua ngân hàng đối với hóa đơn trên 20 triệu đồng.
5	Chi cục Thuế huyện Long Khánh		2.208.888.237	
5.1	Công ty TNHH MTV Quốc Thắng Toàn	3602065105	1.168.576.818	Do doanh nghiệp chưa thực hiện xuất hoá đơn ghi nhận doanh thu của các hạng mục công trình đã nghiệm thu, bàn giao.
5.2	Công ty TNHH Xây dựng Châu Hùng Vỹ	3603051458	48.231.636	Do doanh nghiệp chưa thực hiện xuất hoá đơn ghi nhận doanh thu của các hạng mục công trình đã nghiệm thu, bàn giao.
5.3	Công ty TNHH MTV Phi Nhân Phát	3603044299	13.855.091	Do doanh nghiệp chưa thực hiện xuất hoá đơn ghi nhận doanh thu của các hạng mục công trình đã nghiệm thu, bàn giao.
5.4	Công ty TNHH Long Khánh 69H	3600850325	50.804.400	Thanh toán hoá đơn trên 20 trở bằng tiền mặt
5.5	Công ty CP KT ĐT XL Số 2	3603475249	225.129.627	Do doanh nghiệp chưa thực hiện xuất hoá đơn ghi nhận doanh thu của các hạng mục công trình đã nghiệm thu, bàn giao.
5.6	Công ty TNHH XD-GT Hiếu Bảo	3600279824	702.290.665	Do doanh nghiệp chưa thực hiện xuất hoá đơn ghi nhận doanh thu của các hạng mục công trình đã nghiệm thu, bàn giao.
6	Cục Hải quan Đồng Nai		4.081.686.899	
6.1	Chi cục Hải quan Biên Hòa		4.039.606.695	Do đơn vị kê khai sai thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu
-	Công ty TNHH FUMAKILLA Việt Nam		2.786.664.960	Do đơn vị kê khai sai thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu
-	Công ty TNHH Nicca Việt Nam		14.527.473	Do đơn vị kê khai sai thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu
-	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)		1.196.770.510	Do đơn vị kê khai sai thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu
-	Công ty TNHH SILK Việt Nam		36.544.400	Do đơn vị kê khai sai thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu
-	Công ty TNHH Toyo Ink Việt Nam		2.184.575	Do đơn vị kê khai sai thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu
-	Công ty TNHH Amway Việt Nam		2.914.776	Do đơn vị kê khai sai thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu
6.2	Chi cục Hải quan Long Thành		10.561.175	
-	Công ty TNHH J-SPIRAL STEEL PIPE		10561175	Do đơn vị kê khai sai C/O hàng nhập khẩu
6.3	Chi cục hải quan Nhơn Trạch		31.519.029	Do đơn vị kê khai sai C/O hàng nhập khẩu
-	Công ty TNHH vật liệu KHK T Triên Vũ Việt Nam		10.358.040	Do đơn vị kê khai sai thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu: 610.935đ; Áp lại mã HS hàng hóa NK: 20.550.054đ
-	Công ty TNHH Mỹ Phẩm Lg Vina		21.160.989	
II	Kiểm toán các đơn vị HCSN		27.211.817	
1	Sở Văn hóa Thể thao Du lịch		12.530.000	
1.1	Nhà hát Nghệ thuật truyền thống		2.510.000	Kê khai, nộp thiếu nghĩa vụ thuế đối với doanh thu kinh doanh dịch vụ
1.2	Đoàn Ca mùa		2.100.000	Kê khai, nộp thiếu nghĩa vụ thuế đối với doanh thu kinh doanh dịch vụ
1.3	Thư viện tỉnh		1.340.000	Kê khai, nộp thiếu nghĩa vụ thuế đối với doanh thu kinh doanh dịch vụ
1.4	Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật		6.580.000	Kê khai, nộp thiếu nghĩa vụ thuế đối với doanh thu kinh doanh dịch vụ

TT	Đơn vị	MST	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân
A	B	C	I	2
2	Đại Phát thanh Truyền hình Đồng Nai		14.681.817	
2.1	Đại PT-TH		7.454.545	Đơn vị chưa kê khai, nộp thuế đối với doanh thu thanh lý tài sản, giá trị thanh lý tài sản 82.000.000 đồng.
2.2	Trung tâm Dịch vụ PT-TH		7.227.272	- Đơn vị chưa kê khai, nộp thuế đối với doanh thu bán vé chương trình ca nhạc, giá trị doanh thu 79.500.000 đồng.
B	Thuế TNDN		18.751.337.438	
I	Kiểm toán tại DNN		249.031.348	
1	Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ TH Đồng Nai		34.049.701	Do giảm Chi phí QLDN 170.248.503 đồng; do đơn vị chỉ có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động nêu tại Điểm 2.30, Khoản 2, Điều 4, Thông tư 96/2015/TT-BTC vượt quá 1 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm 2017.
2	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai		214.981.647	Do giảm Khấu hao TSCĐ 1.074.908.235 theo Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016
II	Kiểm toán, đối chiếu tại cơ quan tổng hợp		18.180.213.091	
1	Tại các Phòng Tài chính - Kế hoạch		118.399.411	
1.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch TP.Biên Hòa		61.899.673	
-	Trung tâm Văn hóa thể dục, thể thao		61.899.673	Chưa thực hiện nộp thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại Khoản 5, Điều 3, Chương II Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính
1.2	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Trảng Bom		56.499.738	
-	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên		15.399.738	Đơn vị chưa kê khai, nộp thuế đối với doanh thu cho thuê mặt bằng
-	Trung tâm Thể dục thể thao		41.100.000	Đơn vị chưa kê khai, nộp thuế đối với doanh thu từ hoạt động dịch vụ (bể bơi, tennis, đá bóng...)
2	Văn phòng Cục Thuế		15.619.914.790	
2.1	Công ty CP Xây dựng TM Đại Lộc Phát	3602721212	7.234.791	Do Công ty chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế đối với hàng hóa đã xuất kho tiêu thụ trong năm 2017.
2.2	Công ty TNHH Đăng Long	3600658653	15.734.147	- Do công ty trích khấu hao những tài sản không phục vụ sản xuất kinh doanh trong kỳ. - Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm do công ty hạch toán chi phí không phục vụ sản xuất kinh doanh trong kỳ.

TT	Đơn vị	MST	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân
A	B	C	I	2
2.3	Công ty CP Đầu tư và XD Kiến Trúc Mới	3602466562	15.766.461	(1) Do tăng doanh thu XD công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao trước ngày 31/12/2017 và chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế GTGT, TNDN theo quy định
2.4	Công Ty TNHH C.K Liên Phát	3602804148	20.001.629	Do Công ty hạch toán các khoản chi phí không được trừ khi kê khai quyết toán thuế TNDN năm 2017
2.5	Công ty TNHH Xây Dựng Ngọc Pháp	3602578523	20.868.627	(1) Do tăng doanh thu XD công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao trước ngày 31/12/2017 và chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế GTGT, TNDN theo quy định
2.6	Công Ty TNHH Công Trình Cơ Tướng Long Việt Nam	3600732836	21.740.681	Công ty hạch toán các khoản chi phí không được trừ khi kê khai quyết toán thuế TNDN năm 2017
2.7	Công ty TNHH Thực Nghiệp Đạt Kiến	3600631482	24.418.855	Do Công ty hạch toán các khoản chi phí không được trừ khi kê khai quyết toán thuế TNDN năm 2017
2.8	Công ty TNHH XD Nam Hưng	3600282305	25.454.545	(1) Do Công ty chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế kịp thời theo quy định
2.9	Công ty TNHH Happy Cook	3600583091	25.594.641	Giảm chi phí khấu hao TSCĐ, do đơn vị tính vượt mức thời gian trích khấu hao theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Căn cứ tại điểm 2.2, khoản 2, Điều 4, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính
2.10	Công ty CP Nguyễn Cường	3600445380	25.946.222	Do loại trừ một số khoản chi phí số tiền 129.731.109 đồng không được trừ khi tính thuế TNDN do không có đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định
2.11	Công ty TNHH Hạ tầng Giao thông Hải Hậu	3600465612	28.862.672	Thanh toán bằng tiền mặt đối với hóa đơn 20 triệu đồng trở lên
2.12	Công Ty CP Miền Đông	3600256545	30.498.889	Công ty hạch toán các khoản chi phí không được trừ khi kê khai quyết toán thuế TNDN năm 2017
2.13	Công ty TNHH MTV Biên Hòa SCM	3600932747	37.573.235	(1). Không được trừ khi tính thuế TNDN các khoản chi không hợp lệ (2). Chi phí khấu hao vượt mức quy định
2.14	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thịnh Hoàng Phát	3602300408	39.226.091	(1) Do tăng doanh thu XD công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao trước ngày 31/12/2017 và chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế GTGT, TNDN theo quy định
2.15	Công ty CP XD Dân dụng số 1 Đồng Nai	3600503226	48.957.899	(1) Do tăng doanh thu 04 công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao trước ngày 31/12/2017 và đến ngày 11/5/2018 chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế GTGT, TNDN theo quy định
2.16	Công ty CP Gạch men V.T.C	3600723398	50.363.636	Do đơn vị xác định thuế suất thuế TNDN ưu đãi đối với thu nhập từ thanh lý tài sản và tiền hỗ trợ chưa phù hợp theo quy định. KTNN xác định thuế suất TNDN phổ thông 20% đối với thu nhập khác từ hỗ trợ và thanh lý tài sản.

TT	Đơn vị	MST	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân
A	B	C	I	2
2.17	Công ty CP Kiến trúc và nội thất NANO - CN Đồng Nai	0102113725	59.390.573	- Khoản chi phí khấu hao vượt mức thời gian trích khấu hao theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013. - Giảm chi phí sản xuất chung đối với các chi phí trả trước phân bổ vào chi phí sản xuất chung; Các tài sản trên đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.
2.18	Công Ty CP Tân Cang	3600973711	63.313.567	(1) Chi phí không được trừ do thanh toán bằng tiền mặt đối với hoá đơn trên 20 triệu đồng. (2) giảm trích công cụ dụng cụ 256.618.333 đồng, đơn vị xác định không phù hợp công cụ, dụng cụ
2.19	Công ty CP Phúc Đạt M&Đ.C.C	3600724955	69.078.309	Do tăng doanh thu dịch vụ cho thuê khách sạn chưa phát hành hóa đơn, kê khai, nộp thuế GTGT, TNDN theo quy định
2.20	Công Ty CP Hóa An	3600464464	78.390.148	(1) Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi chưa đảm bảo có đủ hồ sơ trích lập theo quy định
2.21	Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	3600694267	83.552.203	Tăng thuế TNND phải tạm nộp 1% đối với thu nhập từ tiền nhận được theo tiến độ của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng.
2.22	Công ty TNHH E.C	3600613525	104.263.554	(1) Không được trừ khi tính thuế TNDN các khoản chi chậm nộp và nộp phạt theo quyết định của cơ quan thuế; (2) Các chi phí không có hóa đơn là và không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt
2.23	Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất	3602041707	133.714.836	(1). Công ty chưa phát hành hóa đơn đối với các dự án đã hoàn thành, bàn giao năm 2017 (2). Chưa ghi nhận kịp thời doanh thu, giá vốn đối với dự án đất nền trong năm 2017
2.24	Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO	3600459834	186.263.554	Do tăng doanh thu công trình chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế theo quy định; Loại trừ chi phí khấu hao vượt định mức quy định; Loại trừ chi phí thuế mặt bằng không có hóa đơn; Loại trừ chi phí do không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng;
2.25	Công ty CP Xây dựng Đồng Nai	3600510590	213.160.104	Do tăng doanh thu XD công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao trước ngày 31/12/2017 và chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế GTGT, TNDN theo quy định
2.26	Công Ty CP Cơ Giới và Xây Lấp số 9	0301442322	233.789.686	- Tăng doanh thu, giá vốn hàng đã xuất bán, chưa kê khai thuế - Tăng thu nhập các khoản ứng tiền kéo dài, không phải trả lại do người mua không tiếp tục thực hiện hợp đồng

TT	Đơn vị	MST	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân
A	B	C	I	2
2.27	Công ty TNHH Hồng Tuyền	3602379285	258.091.073	Giảm chi phí lãi vay tương ứng với phần góp vốn còn thiếu so với vốn điều lệ
2.28	Công ty CP Đầu tư An Thịnh Đồng Nai	3602331163	275.836.598	Tăng thuế GTGT đầu ra đối với số tiền đã thu được theo tiến độ hợp đồng. tăng thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
2.29	Công ty TNHH Đức Tài Thịnh	3602041337	299.528.336	(1) Công ty chưa phát hành hóa đơn đối với các hợp đồng sửa chữa tàu đã hoàn thành; giảm thuế đầu vào của Công ty thanh toán bằng tiền mặt các hóa đơn trên 20 triệu đồng. (2). Do giảm chi phí các hóa đơn đầu vào của Công ty thanh toán bằng tiền mặt các hóa đơn trên 20 triệu đồng.
2.30	Công ty TNHH MTV Đầu tư XD KCN Nhơn Trạch 6A	3603205323	299.400.000	Phân bổ chi phí lãi vay vốn hóa vào chi phí đầu tư trong quá trình xây dựng cơ bản.
2.31	Công Ty CP Đầu Tư LDG	3603361266	2.734.014.203	Đơn vị chưa nộp thuế TNDN tạm tính 1% đối với tiền thanh toán theo tiến độ hợp đồng do chuyển nhượng bất động sản.
2.32	Công Ty CP Ô Tô Quốc Tuấn	3600449917	10.077.613.201	Công ty chưa thực hiện kê khai, quyết toán thuế TNDN riêng đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản theo quy định.
2.33	Công ty TNHH MTV Hàng Huyện	3602442931	12.271.824	Loại trừ chi phí khi tính thuế TNDN đối với chi phí không phục vụ SXKD (xăng xe, phụ cấp)
3	Chi cục Thuế TP Biên Hòa		799.902.419	
3.1	Công ty TNHH Tân Bửu Long;	3600526858	346.378.095	- Tăng Doanh thu và giá vốn 2 công trình, đơn vị xây dựng hoàn thành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng năm 2015, nhưng chưa xuất hóa đơn kê khai thuế GTGT, và ghi nhận doanh thu giá vốn.
3.2	Công ty TNHH MTV Xuân Đảo	3602371529	131.742.056	- Giảm giá vốn hàng bán do loại trừ khoản chi phí thực hiện xây dựng cơ bản nhưng đơn vị đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh chờ đang trong kỳ.
3.3	Công ty TNHH TM DV và XD Thành Phát	3602366134	100.588.616	- Giảm chi phí quản lý do loại trừ khoản chi mang tính chất phúc lợi chi cho người lao động vượt 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện; khoản tiền phạt về vi phạm hành chính; chi quả tặng nhân viên không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp
3.4	Công ty TNHH Hải Bình	3600527812	121.435.739	- Giảm chi phí quản lý do loại trừ các khoản chi không phục vụ sản xuất kinh doanh; Loại trừ chi phí, tăng TSCĐ, phân bổ chi phí theo quy định với các khoản chi mua TSCĐ trên 50 tr
3.5	Công ty TNHH Hoàng Anh Thi	3600805629	33.228.501	- Giảm chi phí quản lý do loại trừ các khoản chi không phục vụ sản xuất kinh doanh.

TT	Đơn vị	MST	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân
A	B	C	I	2
3.6	Công ty TNHH vận tải Nam Quốc	3600680433	8.942.768	- Giảm chi phí quản lý do loại trừ các khoản chi không phục vụ sản xuất kinh doanh.
3.7	Công ty TNHH Khang Thịnh - Cây Dừa	3600865970	22.109.783	- Tăng doanh thu, giá vốn hàng bán do đơn vị chưa kê khai doanh thu bán hàng hóa tháng 12: Kê thiếu doanh thu so với bảng kê tính tiền.
3.8	Công ty TNHH MTV TM DV Cao Hiền Độ	3603044820	35.476.861	- Giảm chi phí quản lý do loại các khoản chi không phục vụ sản xuất kinh doanh
4	Chi cục Thuế huyện Trảng Bom		600.972.221	
4.1	Công ty TNHH Đức Nghĩa Hưng	3601594554	92.611.191	Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017
4.2	Công ty TNHH Tiến Phong 1	3601651139	4.625.240	Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017
4.3	DNTN Thanh Quân	3600469487	672.268	Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017
4.4	Công ty TNHH Kim Thu B.D.C	3600810139	411.850.316	Do chưa hạch toán đầy đủ thu nhập khác nhận được chiết khấu năm 2017 được hưởng
4.5	Công ty TNHH Phạm Ngọc Danh	3602126622	8.742.812	Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017
4.6	Công ty TNHH Đại Hùng Phát	3600877905	42.724.932	Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN do không thanh toán qua ngân hàng đối với hóa đơn trên 20 triệu đồng.
4.7	Công ty TNHH MTV Chúng Thành	3602386476	15.342.000	Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017
4.8	Doanh Nghiệp Tư Nhân Xây Dựng Cao Trình	3600648479	3.150.091	Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017
4.9	DNTN Long Thuận	3600821740	5.728.608	Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017
4.10	Công ty TNHH Thương mại Hồng Ly	3600954395	15.524.762	Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017
5	Chi cục Thuế thị xã Long Khánh		966.053.956	
5.1	Công ty TNHH TM & DV Lê Nguyễn Gia	3602495732	21.504.819	Giảm chi phí do không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt
5.2	Công ty TNHH Tuyệt Nạn	3600803036	44.702.574	Trích sai thời gian khấu hao theo quy định và hạch toán trùng chi phí
5.3	Công ty TNHH Nguyễn Hùng	3600281421	44.230.534	Trích khấu hao vượt mức quy định và không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt
5.4	Công ty TNHH Khánh Phong	3600630802	59.265.888	Trích khấu hao vượt mức quy định và tăng doanh thu, tăng giá vốn do đã xuất hàng bán nhưng chưa ghi nhận doanh thu, chi phí
5.5	Công ty TNHH Hồng Hà	3600281527	265.722.707	Không có chứng từ như hợp đồng mua bán, bảng kê
5.6	Công ty TNHH MTV Quốc Thắng Toàn	3602065105	379.828.038	Do doanh nghiệp chưa thực hiện xuất hoá đơn ghi nhận doanh thu của các hạng mục công trình đã nghiệm thu, bàn giao.
5.7	Công ty TNHH Xây dựng Châu Hùng Vỹ	3603051458	43.603.328	Do doanh nghiệp chưa thực hiện xuất hoá đơn ghi nhận doanh thu của các hạng mục công trình đã nghiệm thu, bàn giao.

TT	Đơn vị	MST	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân
A	B	C	I	2
5.8	Công ty TNHH MTV Phi Nhân Phát	3603044299	15.748.148	Do doanh nghiệp chưa thực hiện xuất hoá đơn ghi nhận doanh thu của các hạng mục công trình đã nghiệm thu, bàn giao.
5.9	Công ty TNHH Long Khánh 69H	3600850325	91.447.920	Thanh toán hoá đơn trên 20 trđ bằng tiền mặt
6	Chi cục Thuế huyện Thống Nhất		74.970.294	
6.1	Công ty TNHH Lâm Hòa Hiệp	3603404336	13.761.527	Xác định lại chi phí không được trừ làm giảm chi phí lãi vay theo quy định
6.2	Công ty TNHH MTV Xây Dựng Đức Phúc	3601117103	35.888.708	Xác định lại chi phí không được trừ làm giảm chi phí lãi vay theo quy định
6.3	Công ty TNHH Đào Phương Linh	3602971036	6.196.741	Xác định lại chi phí không được trừ làm giảm chi phí lãi vay theo quy định
6.4	Doanh Nghiệp Tư Nhân Tiến Hưng 1	3600222899	6.809.600	Xác định lại chi phí không được trừ làm giảm chi phí trong năm
6.5	Công ty TNHH Quang Tiến Ngọc	3603129552	12.313.718	Xác định lại chi phí không được trừ làm giảm chi phí phân bổ cho tài sản không phù hợp
III	Kiểm toán các đơn vị HCSN		322.092.999	
1	Sở Văn hóa Thể thao Du lịch		25.836.363	
1.1	Trung tâm Phát hành phim -CB		19.886.363	Kê khai, nộp thiếu nghĩa vụ thuế đối với doanh thu kinh doanh dịch vụ
1.2	Nhà hát Nghệ thuật truyền thống		2.510.000	Kê khai, nộp thiếu nghĩa vụ thuế đối với doanh thu kinh doanh dịch vụ
1.3	Đoàn Ca múa		2.100.000	Kê khai, nộp thiếu nghĩa vụ thuế đối với doanh thu kinh doanh dịch vụ
1.4	Thư viện tỉnh		1.340.000	Kê khai, nộp thiếu nghĩa vụ thuế đối với doanh thu kinh doanh dịch vụ
2	Đại Phát thanh Truyền hình Đồng Nai		85.326.640	
2.2	Trung tâm Dịch vụ PT-TH		85.326.640	-Đơn vị đã thực hiện chi vượt quỹ lương thực hiện theo quy định 433.860.472 đồng
3	Sở Giao thông vận tải		210.929.996	
3.1	Khu quản lý đường bộ đường thủy		210.929.996	Chưa thực hiện nộp thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại Khoản 5, Điều 3, Chương II Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính
C	Thuế TNCN		10.000.000	
1	Chi cục Thuế huyện Long Khánh		10.000.000	
-	Công ty CP KTĐT XL Số 2	3603475249	10.000.000	Chưa thực hiện kê khai thuế TNCN khoản chia cổ tức
D	Tiền thuế đất		578.752.737	
I	Kiểm toán đối chiếu tại Cục thuế		578.752.737	
1	Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	3600224423	578.752.737	Cục Thuế tỉnh Đồng Nai chưa thực hiện tính theo đơn giá thuế đất mới của UBND tỉnh ban hành năm 2017
E	Thuế xuất nhập khẩu		414.692.696	

TT	Đơn vị	MST	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân
A	B	C	I	2
1	Chi cục Hải quan Long Thành		105.611.750	
-	Công ty TNHH J-SPERAL STEEL PIPE.		105.611.750	Do đơn vị kê khai sai C/O hàng nhập khẩu
2	Chi cục Hải quan Nhơn Trạch		309.080.946	
-	Công ty TNHH vật liệu KHKT Triền Vũ Việt Nam		103.580.400	Do đơn vị kê khai sai C/O hàng nhập khẩu
	Công ty TNHH Mỹ Phẩm LG Vina		205.500.546	Do đơn vị kê khai sai C/O hàng nhập khẩu
F	Thuế Tài nguyên		19.036.270	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		19.036.270	
1.1	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn		19.036.270	Kê khai nộp thuế tài nguyên theo sản lượng nước bán ra cho các hộ tiêu dùng. Không kê khai sản lượng nước tính thuế theo khối lượng khai thác quy định tại Khoản 1, 5 Điều 5 Thông tư 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính
G	Phí, lệ phí		254.923.898	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		254.923.898	
1.1	Văn Phòng Sở		52.523.125	
1.2	Chi cục Thủy sản		19.376.773	Chưa nộp hết vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.
1.3	Chi cục Trồng trọt & BVTV		167.014.000	
1.4	Chi cục QL Chất lượng Nông Lâm Thủy sản		16.010.000	
H	Phí Bảo vệ môi trường		8.144.070	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		8.144.070	
1.1	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn		8.144.070	Đơn vị chưa điều chỉnh mức thu phí từ 3% lên 10% giá bán 1m 3 nước sạch và các trường hợp miễn phí quy định tại Khoản 3, 6 Điều 1 Nghị quyết 60/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
K	Thu khác		738.147.414	
2	Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ TH Đồng Nai		136.198.802	Do xác định lại kết quả kinh doanh
3	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai		601.948.612	Lợi nhuận sau thuế phải nộp vào NSNN theo quy định tại Điều 3, Thông tư 61/2016/TT-BTC, ngày 11/4/2016 của Bộ Tài chính.

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẢM LỖ

Phụ lục số 08b/BCKT-NSDP

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu	Mã số thuế	Điều chỉnh giảm lỗ	Thuyết minh nguyên nhân
	Đơn vị			
A	B		1	2
I	Chi cục Thuế TP Biên Hòa		161.642.091	
1	Công ty TNHH Hoàng Tân Hòa	3600902774	161.642.091	Giảm giá vốn hàng bán do xác định lại giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền.
II	Chi cục Thuế huyện Thống Nhất		3.805.523.502	
1	DNTN Xuân Hùng	3601015870	900.349.200	Loại trừ giá vốn không đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định
2	Công Ty TNHH MTV TM&DV XDVT Nguyễn Đức Hòa	3603119385	598.126.700	Loại trừ giá vốn không đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định
3	Công ty TNHH Liên	3600933525	378.443.053	Giảm chi phí khác, tăng thu nhập khác
4	Công ty TNHH TM&DV Xuân Hùng Tiến	3603421356	224.784.000	Loại trừ giá vốn không đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định
5	Công Ty TNHH MTV Tam Hoàng	3600262203	77.418.849	Loại trừ chi phí có phiếu chi nhưng không có hóa đơn chứng từ
6	Công Ty TNHH Mai Quang Minh	3602457328	56.000.000	Loại trừ chi phí thuế xe Ô tô không đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định
7	Công Ty TNHH TM XS Phú Khang	3603123945	1.570.401.700	Loại trừ chi phí tiền thưởng tháng 13 do không phù hợp quy chế công ty
	Tổng cộng		3.967.165.593	

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẢM KHẤU TRỪ THUẾ GTGT

Phụ lục số 08/BC/KT-NSDP

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Giảm khấu trừ thuế	Thuyết minh nguyên nhân
	Đơn vị		1	
A	B		2	
	TỔNG CỘNG		6.906.230.336	
I	Cục Thuế		3.804.806.334	
1	Công Ty TNHH C.K Liên Phát	3602804148	2.695.273	- Hạch toán các khoản chi phí không được trừ khi kê khai quyết toán thuế TNDN năm 2017
2	Công ty TNHH E.C	3600613525	6.780.000	- Các chi phí không có hóa đơn là và không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt
3	Công ty CP Nguyễn Cường	3600445380	8.901.111	- Loại trừ một số khoản chi phí số tiền 129.731.109 đồng không được trừ khi tính thuế TNDN do không có đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định
4	Công ty TNHH XD Ho Team	3600914716	72.073.755	- Tăng doanh thu XD công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao trước ngày 31/12/2017 và chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế GTGT, TNDN theo quy định
5	Công ty CP Xây dựng TM Đại Lộc Phát	3602721212	72.347.909	- Chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế đối với hàng hóa đã xuất kho tiêu thụ trong năm 2017.
6	Công ty CP Dầu tư và XD Kiến Trúc Mới	3602466562	192.075.665	- Tăng doanh thu công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao trước ngày 31/12/2017, chưa phát hành hóa đơn GTGT, kê khai thuế GTGT, TNDN theo quy định
7	Công ty TNHH BA LỘC	3600367735	298.950.966	- Tăng doanh thu XD công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao trước ngày 31/12/2017 và chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế GTGT, TNDN theo quy định
8	Công ty CP XD Dân dụng số 1 Đồng Nai	3600503226	643.376.215	-Tang doanh thu 04 công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao trước ngày 31/12/2017 và đến ngày 11/5/2018 chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế GTGT, TNDN theo quy định
9	Công ty CP Dầu tư An Thịnh Đồng Nai	3602331163	2.507.605.440	- Tăng thuế GTGT đầu ra đối với số tiền đã thu được theo tiến độ hợp đồng.
II	Chỉ cục Thuế TP Biên Hòa		1.331.044.062	
1	Công ty TNHH Hoàng Anh Thi	3600805629	1.331.044.062	Giảm thuế GTGT được khấu trừ do phân bổ lại thuế GTGT đầu vào tương ứng với doanh thu bán hàng không chịu thuế GTGT (sản phẩm chăn nuôi).
III	Chỉ cục Thuế huyện Trảng Borm		1.770.379.940	
1	Công ty TNHH Đức Nghĩa Hưng	3601594554	926.111.909	Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017
2	Công ty TNHH Tiên Phong 1	3601651139	36.955.818	Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017
3	Công ty TNHH MTV Chung Thành	3602386476	7.671.000	Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017
4	Doanh Nghiệp Tư Nhân Xây Dựng Cao Trinh	3600648479	31.500.909	Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017
5	DNTN Long Thuận	3600821740	242.864.304	Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017
6	Công ty TNHH Thương mại Hồng Ly	3600954395	525.276.000	Do kết chuyển doanh thu, giá vốn không kịp thời trong niên độ 2017

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ CƠ QUAN THUẾ THANH TRA, KIỂM TRA

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Thanh tra	Ghi chú
I	Chi cục Thuế TP Biên Hòa			
1	Công ty TNHH Kim Trường Phúc	3601048121	x	
2	Công ty TNHH MTV dịch vụ bảo vệ Phương Trời	3600933412	x	
3	Công ty TNHH Hải Phong	3600789536	x	
4	Công ty TNHH TM DV Thiên An Phú	3601464756	x	
II	Chi cục Thuế huyện Trảng Bom			
1	Công ty Cổ Phần Xây Dựng Thanh Tùng Bai Ley	3602952675	x	
2	Công ty TNHH DV TM Xây dựng Tiến Đại Phát	3602963839	x	
3	Công ty TNHH Thông Thuận Thành	3600924464	x	
III	Chi cục Thuế huyện Long Khánh			
1	Công ty TNHH MTV Phòng Phi Hải	3603380029	x	
2	DNTN Quang Phát	3602495732	x	
3	Công ty TNHH Sơm Song Báo	3600630802	x	

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ THU HỒI VÀ GIÁM CHỈ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017
TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Tổng số	Thu hồi, nộp ngân sách các khoản chi sai quy định		Thu hồi lĩnh phí thừa	Giảm dự toán, thanh toán năm sau		Chuyển quyết toán năm sau	Giảm giá trị hợp đồng	Giảm giá trị gói thầu được duyệt	Các khoản phải nộp khác	Các khoản phải nộp nhưng chưa nộp NSNN	Kiến nghị xử lý tài chính khác
				Thường xuyên	XDCB		Thường xuyên	XDCB						
A	B			2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13
	Tổng cộng		86.308.780.463	844.359.930	1.932.899.155	16.511.175.889	19.377.824.374	5.384.359.486	887.314.951	4.755.465.434	21.872.271.193	8.891.232.140	5.851.878.210	0
I	Các cơ quan tổng hợp		18.642.861.355	640.590.000	0	9.325.782.715	0	0	34.659.951	0	0	8.641.828.689	0	0
1	Sở Tài chính		18.642.861.355	640.590.000	0	9.325.782.715	0	0	34.659.951	0	0	8.641.828.689	0	0
1.1.1	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai		640.590.000	640.590.000					0					
1.1.3	Cảnh sát PCCC tỉnh Đồng Nai		657.375.813	0	0	622.715.862	0	0	34.659.951	0	0	0		
-	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà làm việc tại Cảnh sát PCCC huyện Xuân Lộc		363.235.756			348.989.362			14.246.394					0
-	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà làm việc tại Cảnh sát PCCC Biên Hòa		107.588.258			87.174.701			20.413.557					0
-	Hỗ trợ kinh phí đào tạo		186.551.799			186.551.799								
1.1.4	Trường Cao đẳng nghề số 8		494.176.000			494.176.000								
1.1.5	Công an tỉnh Đồng Nai		8.208.890.853	0	0	8.208.890.853	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kinh phí an ninh		5.322.657.935			5.322.657.935								
	Kinh phí đào tạo		463.049.559			463.049.559								
	Kinh phí sự nghiệp môi trường		2.423.183.359			2.423.183.359								
1.1.6	Tài khoản tạm thu tạm giữ		8.641.828.689									8.641.828.689		
II	Các đơn vị Sở - Ngành		12.621.781.376	203.769.930	0	2.391.020.647	9.777.587.348	0	0	0	0	249.403.451		0
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		4.243.384.530	203.769.930	0	0	4.039.614.600	0	0	0	0	0	0	0
1.1.	Văn phòng Sở		3.675.000.000				3.675.000.000							
1.2	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn		203.769.930	203.769.930			0							
1.3	Chi cục Thủy sản		364.614.600				364.614.600							
2	Sở Giáo dục và Đào tạo		5.245.596.475	0	0	0	5.245.596.475	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Văn phòng Sở GD&ĐT		297.000.000				297.000.000							
2.2	Các trường Trung học phổ thông và TTGDTX trực thuộc Sở		4.948.596.475				4.948.596.475							
3	Sở Giao thông vận tải		2.783.896.930	0	0	2.391.020.647	392.876.273	0	0	0	0	0	0	0
3.1.	Văn phòng Sở		2.391.020.647			2.391.020.647	0	0	0					
3.2	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới		392.876.273				392.876.273							
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		348.903.451	0	0	0	99.500.000	0	0	0	0	249.403.451		0
4.1.	Trung tâm Huân luyện và Thi đấu Thể dục thể thao		249.403.451				0					249.403.451		

THUYẾT MINH KIẾN NGHỊ THU HỒI, GIÁM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017
TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Phụ lục số 09a/BCKT-NSDP

TT	Đơn vị/chi tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân
	Tổng cộng	86.308.780.463	
A	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai chế độ	2.777.259.085	
I	Chi thường xuyên	844.359.930	
1	Sở Tài chính (Các đơn vị đối chiếu)	640.590.000	
	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai	640.590.000	Đơn vị chi thanh toán hợp đồng chính lý tài liệu năm 2016 không có trong danh mục hỗ trợ của tỉnh
2	Các đơn vị Sở, ngành	203.769.930	
2.1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	203.769.930	
-	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	203.769.930	NSNN cấp dư, do các chi phí này đã được kết cấu trong chi phí sản xuất kinh doanh đơn giá nước sinh hoạt nông thôn
II	Chi ĐTXDCB	1.932.899.155	
1	Các huyện	1.798.047.728	
-	Ban QLDA thành phố Biên Hòa	282.606.456	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
-	Ban QLDA huyện Thống Nhất	963.316.000	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
-	Ban QLDA huyện Trảng Bom	143.162.322	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
-	Ban QLDA thị xã Long Khánh	408.962.950	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
2	Các đơn vị xây dựng cơ bản	134.851.427	
-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	10.215.758	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
-	Ban QLDA huyện Vĩnh Cửu	23.171.669	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
-	Trung tâm giáo dục đặc thù tỉnh Đồng Nai	101.464.000	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
B.	Thu hồi kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi nộp trả NSNN	16.511.175.589	
I	Các đơn vị Sở, ngành	2.391.020.647	
1.	Tại Sở Tài chính	9.325.782.715	
1.1	Cảnh sát PCCC tỉnh Đồng Nai	622.715.862	
-	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà làm việc tại Cảnh sát PCCC huyện Xuân Lộc	348.989.362	Hoàn trả kinh phí do ngân sách cấp dư
-	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà làm việc tạm Cảnh sát PCCC Biên Hòa	87.174.701	Hoàn trả kinh phí do ngân sách cấp dư
-	Hỗ trợ kinh phí đào tạo	186.551.799	Hoàn trả kinh phí do ngân sách cấp dư
1.2	Trường Cao đẳng nghề số 8	494.176.000	Hoàn trả kinh phí do ngân sách cấp dư
1.3	Công an tỉnh Đồng Nai	8.208.890.853	

TT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân
-	Kinh phí an ninh	5.322.657.935	Hoàn trả kinh phí do ngân sách cấp dư
-	Kinh phí đào tạo	463.049.559	Hoàn trả kinh phí do ngân sách cấp dư
-	Kinh phí sự nghiệp môi trường	2.423.183.359	Hoàn trả kinh phí do ngân sách cấp dư
2	Sở Giao thông vận tải	2.391.020.647	
2.1	Văn phòng Sở	2.391.020.647	Hoàn trả kinh phí do ngân sách cấp dư từ nguồn thu lệ phí
II	Các huyện, thành phố	4.794.372.227	
1	Thành phố Biên Hòa	2.777.126.111	
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch Tp. Biên Hòa	2.676.244.150	- Nộp ngân sách tiền thu của dân kinh phí cơ sở hạ tầng
-	Trung tâm Văn hóa	100.881.961	Thu hồi khoản còn dư chưa nộp NSNN
2	Huyện Thống Nhất	879.082.155	
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	879.082.155	- Huyện nộp trả NS tỉnh nguồn BSCMT hết nhiệm vụ chi đồng (Kinh phí thực hiện công tác chuẩn bị, phục vụ bầu cử HĐND các cấp 170.063.815 đồng; KP diễn tập phòng thủ 17.452.000 đồng; Kinh phí tăng thêm theo NQ 46, 49, 50/2016/NQ-HĐND 26.905.200 đồng; Hỗ trợ chợ nông thôn Hưng Lộc, Dầu Giây 3.000.000 đồng); - Xã nộp trả NS huyện nguồn BSCMT hết nhiệm vụ chi (Chi tiết tại Biên bản kiểm toán tại huyện Thống Nhất).
3	Huyện Trảng Bom	658.163.961	
-	Thị trấn Trảng Bom	68.339.917	Nộp trả NS huyện nguồn BSCMT còn thừa, hết nhiệm vụ chi: Công trình Đài truyền thanh không dây 61.000.000 đồng, Công trình Đường Lê Văn Hưu 2.824.000 đồng, Công trình Đường Huỳnh Văn Nghệ 4.515.917 đồng
-	Xã Hưng thịnh	20.000.000	Nộp trả NS huyện nguồn BSCMT còn thừa, hết nhiệm vụ chi: Sửa chữa nhà có công 20.000.000 đồng
-	Xã Đồi 61	90.000.000	Nộp trả NS huyện tiền thuê mặt bằng điểm chợ Đồi 61 :KP HTX Thành Long Thuê 90.000.000 đồng
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch	360.000.000	Nộp trả NS tỉnh nguồn BSCMT còn thừa, hết nhiệm vụ chi: Kinh phí quy hoạch nông thôn mới giai đoạn 2011-2016
-	Huyện Ủy Tráng Bom	119.824.044	Chưa nộp trả NSNN kinh phí thừa, không còn sử dụng năm 2017 (tồn quỹ tiền mặt)
4	Thị xã Long Khánh	480.000.000	
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch	480.000.000	Nguồn chi Chương trình mục tiêu hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng 480.000.000 đồng hết nhiệm vụ chi
D	Giám dự toán, giám thanh toán năm sau	24.762.183.861	
I	Chi thường xuyên	19.377.824.374	
I	Các đơn vị Sở - Ngành	9.777.587.348	
1.1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.039.614.600	
-	Văn phòng sở	3.675.000.000	NSNN cấp thừa dự toán từ nguồn kinh phí thu phí, lệ phí cấp lại cho đơn vị sử dụng
-	Chi cục Thủy sản	364.614.600	NSNN cấp thừa dự toán
1.2	Sở Giáo dục và Đào tạo	5.245.596.475	

TT	Đơn vị/chi tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân
-	Văn phòng Sở GD&ĐT	297.000.000	NSNN cấp dự vượt định mức biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt
-	Các trường Trung học phổ thông và TTGDTX trực thuộc Sở	4.948.596.475	NSNN cấp dự vượt định mức chi cho con người theo Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/016 duyệt của HĐND tỉnh Đồng Nai
1.3	Sở Văn hóa Thể dục Thể thao	99.500.000	
-	Đoàn Ca múa nhạc	99.500.000	- Đơn vị sử dụng nguồn kinh phí thuế diễn viên để chi tiền hợp đồng với 01 kế toán, 02 bảo vệ, 01 tạp vụ và 01 văn thư (99.500.000 đồng)
1.4	Sở Giao thông vận tải	392.876.273	
-	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới	392.876.273	NSNN cấp thừa dự toán từ nguồn kinh phí thu phí, lệ phí cấp lại cho đơn vị sử dụng
2	Các huyện, thành phố	9.600.237.026	
2.1	Thành phố Biên Hòa	8.254.833.662	
-	Phòng Tài nguyên và Môi trường	54.330.000	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp thừa dự toán
-	Phòng Giáo dục và Đào tạo	8.200.503.662	Giảm trừ dự toán năm sau của các trường học (Mần non, Tiểu học, THCS) do cấp dự toán vượt theo định mức biên chế thực tế thực hiện quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 9/12/2016 của UD9ND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2017, giai đoạn 2017-2020.
2.2	Huyện Trảng Bom	1.345.403.364	
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch Trảng Bom	1.345.403.364	Quỹ tiền lương thực tế cả năm 2017 của các đơn vị dự toán huyện và các xã thấp hơn dự toán huyện đã giao năm 2017.
II	Chi ĐTXDCB	5.384.359.486	
1	Các huyện, thành phố	1.533.866.331	
-	Ban QLDA thành phố Biên Hòa	532.262.331	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
-	Ban QLDA thị xã Long Khánh	149.020.000	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
-	Ban QLDA huyện Thống Nhất	852.584.000	Chênh lệch do Kiểm toán viên tính toán khối lượng, đơn giá theo dự toán gói thầu được duyệt.
2	Các đơn vị xây dựng cơ bản	3.850.493.155	
-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	3.481.864.749	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
-	Sở Khoa học và Công nghệ	53.733.406	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
-	Ban QLDA huyện Vĩnh Cửu	314.895.000	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
E	Chuyên quyết toán năm sau	887.314.951	
I	Các huyện, thành phố	852.655.000	
1	Thành phố Biên Hòa	852.655.000	
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch Tp. Biên Hòa	852.655.000	- Công trình xây dựng mộ tập thể liệt sỹ hy sinh trong trận đánh vào sân Biên Bòa ngày 31/01/2968 của Ban QLDA (cấp bằng lệnh chi tiền nhưng chưa chi đến ngày 31/01/2018): 852 triệu
2	Cảnh sát PCCC tỉnh Đồng Nai	34.659.951	
	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà làm việc tại Cảnh sát PCCC huyện Xuân Lộc	14.246.394	Giảm lệnh chi tiền năm 2017, tăng chi lệnh chi tiền năm 2018 (Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà làm việc tại Cảnh sát PCCC huyện Xuân Lộc: 14.246.394 đồng; Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà

TT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân
	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà làm việc tạm Cảnh sát PCCC Biên Hòa	20.413.557	làm việc tạm Cảnh sát PCCC Biên Hòa: 20.413.557 đồng)
F	Giảm giá trị hợp đồng	4.755.465.434	
I	Các huyện, thành phố	845.029.619	
-	Ban QLDA thị xã Long Khánh	845.029.619	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
2	Các đơn vị xây dựng cơ bản	3.910.435.814	
-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	2.877.131.806	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
-	Chi cục Văn thư lưu trữ - Sở Nội vụ	561.116.423	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
-	Sở Khoa học và Công nghệ	472.187.586	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
G	Giảm giá trị gói thầu được duyệt	21.872.271.193	
I	Các huyện, thành phố	2.879.695.058	
	Ban QLDA huyện Trảng Bom	2.879.695.058	Chênh lệch do Kiểm toán viên tính toán khối lượng, đơn giá theo dự toán gói thầu được duyệt.
2	Các đơn vị xây dựng cơ bản	18.992.576.135	
-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	4.453.508.061	Chênh lệch do Kiểm toán viên tính toán khối lượng, đơn giá theo dự toán gói thầu được duyệt.
-	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai	838.240.223	Chênh lệch do Kiểm toán viên tính toán khối lượng, đơn giá theo dự toán gói thầu được duyệt.
-	Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất	3.965.706.851	Chênh lệch do Kiểm toán viên tính toán khối lượng, đơn giá theo dự toán gói thầu được duyệt.
-	Ban QLDA huyện Vĩnh Cửu	9.735.121.000	Chênh lệch do tính toán lại khối lượng, đơn giá theo dự toán, hợp đồng, nghiệm thu
H	Xử lý tài chính khác		
K	Các khoản phải nộp khác	8.891.232.140	
I	Sở Tài chính (đối chiếu)	8.641.828.689	
I	Tài khoản tạm thu tạm giữ	8.641.828.689	Tăng thu NSNN đối với khoản lợi nhuận còn lại nộp NSNN của Công ty CP Cấp nước Đồng Nai theo kiến nghị của KTTN năm 2017 - STC đang đề tại Tài khoản tạm thu, tạm giữ khác
II	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	249.403.451	
I	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao	249.403.451	Thu hồi khoản thu tiền điện, nước của các đơn vị thuê mặt bằng do trong năm Trung tâm đã dùng kinh phí ngân sách cấp để thanh toán khoản này
M	Các khoản phải nộp nhưng chưa nộp NSNN	5.851.878.210	
I	Phòng Tài chính - Kế hoạch Thống Nhất	5.851.878.210	UBND xã chưa nộp NSNN khoản thu hỗ trợ về đất theo Quyết định số 3877/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Thống Nhất

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ KHÁC TẠI TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2017

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
A	B	C	D	E
	Tổng cộng	417.921.761.675		
1	Sở Tài chính	282.939.803.793		
-	Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	282.939.803.793	UBND tỉnh Đồng Nai xử lý dứt điểm số dư Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tính đến ngày 31/12/2017 sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ (gồm: Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp trên Tài khoản tạm thu, tạm giữ của Sở Tài chính số tiền 74.391.803.075 đồng; Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai số tiền 208.548.000.718 đồng).	
2	Thành phố Biên Hòa	7.557.971.958		
2.1	Bổ trí hoàn trả nguồn CCTL tại các xã	5.355.338.560	Gồm: Phường Long Bình số tiền 1.180 triệu đồng, Phường Tam Hiệp số tiền 724 triệu đồng, Phường Trảng Dài số tiền 2.396 triệu đồng, Phường Tân Phong số tiền 348 triệu đồng, Phường Quang Vinh số tiền 507 triệu đồng	
2.2	Theo dõi nguồn CCTL	54.330.000	Nguyên nhân: Chuyển nguồn CCTL năm sau và một số nhiệm vụ chỉ được chuyển nguồn.	
-	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.995.670.000	Nguyên nhân: Chuyển nguồn CCTL năm sau và một số nhiệm vụ chỉ được chuyển nguồn.	
-	Khối trường học	82.253.398	Nguyên nhân: Chuyển nguồn CCTL năm sau và một số nhiệm vụ chỉ được chuyển nguồn.	
-	Phường Long Bình Tân	70.380.000	Nguyên nhân: Chuyển nguồn CCTL năm sau và một số nhiệm vụ chỉ được chuyển nguồn.	
-	Phường Tân Tiến	21.047.235.864		
3	Huyện Thống Nhất	277.958.689	Tàu hoả tạm ứng do Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 548/QĐ-STC ngày 30/12/2016 bổ sung kinh phí chờ "Trưởng tam Giác" thực thường xuyên để hoàn trả tạm ứng nhưng đến thời điểm kiểm toán Phòng TCKH chưa thu hồi	
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch (chỉ thường xuyên)	11.684.096.544	Tăng chi chuyển nguồn CCTL do KTNN xác định tăng thêm (Nguồn CCTL xác định tăng thêm là 12.904.096.544 đồng, trong đó tăng thêm từ nguồn thu học phí là 1.220.000.000 đồng không kiến nghị tăng chi chuyển nguồn do không thuộc NS, chỉ theo dõi nguồn CCTL để thực hiện)	
-		1.329.166.911	Tăng chi chuyển nguồn đối với kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước cấp huyện đã được KBNN hạch toán chuyển số dự toán sang năm 2018	
-		208.903.456	Tăng chi chuyển nguồn đối với kinh phí chỉ thực hiện CCTL còn tồn ở kết dư	
-		6.720.945.324	Tăng chi chuyển nguồn đối với kinh phí thuộc nội dung chuyển nguồn sang năm sau thực hiện nhưng huyện không chi chuyển nguồn, còn để ở kết dư (Sửa chữa hệ thống chiếu sáng điện trang trí đèn thờ liệt sỹ và khu TTHC 403.640.387 đồng; Cải tạo hoa viên trước Đền thờ Liệt sỹ và hoa viên khu TTHC 2.265.304.937 đồng; Nhà ở cho người có công 740.000.000 đồng; Trồng cây xanh quốc lộ 1A 3.312.000.000 đồng)	
-	Các xã trên địa bàn (Chỉ tiết tại BBKT của huyện Thống Nhất)	826.164.940	Giảm chi chuyển nguồn do các xã thực hiện chi chuyển nguồn đối với kinh phí thừa của các dự án đã hoàn thành là chưa phù hợp quy định tại Khoản 7 Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC, số tiền là 826.164.940 đồng, trong đó, số phải nộp trả NS cấp trên là 661.661.140 đồng (Chỉ tiết tại Phụ lục số 10/BBKT-NSDP)	
4	Huyện Trảng Bom	43.305.381.470	Thực hiện chi chuyển nguồn theo quy định	

TT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân		Ghi chú
			B	C	
A					E
-	Ngân sách huyện	41.460.381.470	Thực hiện chi chuyển nguồn các nội dung không đúng theo Điều 64 Luật NSNN		
-	Ngân sách thị trấn, xã	1.845.000.000	Thực hiện chi chuyển nguồn các nội dung không đúng theo Điều 64 Luật NSNN		
5	Thị xã Long Khánh	55.027.743.744	Đôn đốc thu hồi tạm ứng		
5.1	Tạm ứng cho khối cơ quan, đơn vị (tiểu mục 0051)	8.496.983.712	Chuyển nguồn sang 2018 thu hồi tạm ứng		
5.2	Tạm ứng cho khối xã (phường) (Tiểu mục 0099)	4.313.227.916	Chuyển nguồn sang 2018 thu hồi tạm ứng		
5.3	Tạm ứng xây dựng cơ bản (Tiểu mục 0052)	42.217.532.116	Chuyển nguồn sang 2018 thu hồi tạm ứng		
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.711.601.435	Chuyển nguồn và theo dõi nguồn CCTL năm sau		
7	Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất	6.332.023.411	Kiến nghị chủ đầu tư hoàn thiện thủ tục trình các cơ quan quản lý nhà nước nghiệm thu, phê duyệt quyết toán theo quy định (do đơn vị chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ một số loại vật tư chưa có trong thông báo giá của Liên sở Xây dựng – Tài chính làm cơ sở xác định giá gói thầu (Công văn số 39/VB-ACC ngày 21/5/2018 và việc bổ sung hồ sơ được Bệnh viện đa khoa Thống Nhất xác nhận)).		

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC XIII**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 186/ KV XIII-TH

Về việc kiến nghị tăng thu, giảm chi NSNN
qua kiểm toán ngân sách địa phương
năm 2017 của tỉnh Đồng Nai.

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 7 năm 2018

Kính gửi: Kho bạc nhà nước Đồng Nai

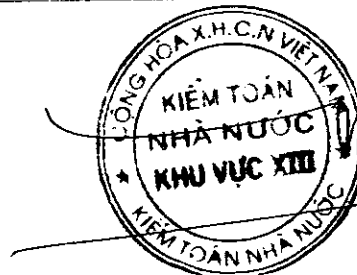
Thực hiện nội dung Công văn số 3084/BTC-NSNN ngày 05/3/2007 của Bộ Tài chính về việc ghi chép, báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

Kiểm toán nhà nước khu vực XIII gửi tới Kho bạc Nhà nước Đồng Nai Bảng tổng hợp kiến nghị tăng thu, giảm chi NSNN (Phụ lục số 01, 01a, 02, 2a/KNBCKT gửi kèm theo công văn này) từ kết quả kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Đồng Nai. Đề nghị Kho bạc Nhà nước Đồng Nai theo dõi, hướng dẫn các đơn vị được kiểm toán thực hiện và tổng hợp kết quả báo cáo Bộ Tài chính. *Tu*

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Tổng KTNN Vũ Văn Hòa;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Vụ Tổng hợp KTNN;
- KTNN khu vực XIII;
- Đoàn kiểm toán;
- Lưu: VT, TH.

KIỂM TOÁN TRƯỞNG**Hoàng Bổng**

**BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUA KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017 CỦA TỈNH ĐỒNG NAI**

(Kèm theo Công văn số: 186/KV XIII-TH ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế							Thu khác	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	
				GTGT	TNDN	TNCN	Thuế tài nguyên	Phí lệ phí	Tiền thuế đất	Phí BVMT			Thuế khác
A	Đơn vị	C	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng		38.187.295.265	10.506.030.405	18.751.337.438	10.000.000	19.036.270	254.923.898	578.752.737	8.144.070	414.692.696	738.147.414	6.906.230.336
A	Kiểm toán tại DNNN		987.178.762		249.031.348	-	-	-	-	-	-	738.147.414	-
1	Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết và Dịch vụ TH Đồng Nai		170.248.503		34.049.701							136.198.802	
2	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai		816.930.259		214.981.647							601.948.612	
B	Kết quả kiểm toán tại các cơ quan tổng hợp		36.568.707.448	10.478.818.588	18.180.213.091	10.000.000	-	-	578.752.737	-	414.692.696	-	6.906.230.336
1	Tại các Phòng Tài chính KH		236.798.821	118.399.411	118.399.411	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Phòng Tài chính KH Biên Hòa		123.799.345	61.899.673	61.899.673	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Trung tâm Văn hóa thể dục, thể thao		123.799.345	61.899.673	61.899.673	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Phòng Tài chính KH Trảng Borm		112.999.476	56.499.738	56.499.738	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên		30.799.476	15.399.738	15.399.738	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Trung tâm Thể dục thể thao		82.200.000	41.100.000	41.100.000	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Cư quân thuế		31.835.529.032	6.278.732.278	18.061.813.680	10.000.000	0	0	578.752.737	0	0	0	6.906.230.336
1	Văn phòng Cục Thuế		22.880.711.893	2.877.238.032	15.619.914.790	-	-	-	578.752.737	-	-	-	3.804.806.334
1.1	Công ty TNHH Hồng Tuyền	3602379285	258.091.073		258.091.073								
1.2	Công ty TNHH Đăng Long	3600658653	15.734.147		15.734.147								
1.3	Công ty CP Cơ Giới và Xây Lắp số 9	0301442322	442.433.340	208.643.653	233.789.686								
1.4	Công ty CP Kiến trúc và nội thất NANO - CN Đồng Nai	0102113725	59.390.573		59.390.573								
1.5	Công ty TNHH Bá Lộc	3600367735	377.747.486	78.796.520									298.950.966
1.6	Công ty TNHH Happy Cook	3600383091	25.594.641		25.594.641								
1.7	Công ty TNHH Thực Nghiệp Đạt Kiến	3600631482	24.418.855		24.418.855								
1.8	Công ty TNHH MTV Đầu tư XD KCN Nhơn Trạch 6A	3603205323	299.400.000		299.400.000								
1.9	Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	3600694267	865.232.856	781.680.653	83.552.203								
1.10	Công ty CP Khu Công Nghiệp Hồ Nai	3600305336	-		-								
1.11	Công ty TNHH Hạ tầng Giao thông Hải Hậu	3600465612	33.294.009	4.431.336	28.862.672								
1.12	Công ty CP Xây dựng Đồng Nai	3600510590	213.160.104		213.160.104								
1.13	Công ty TNHH Công Trình Cơ Tướng Long Việt Nam	3600732836	21.740.681		21.740.681								
1.14	Công ty CP Gạch men V.T.C	3600723398	50.363.636		50.363.636								

TT	Chi tiêu	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế							Thu khác	Giảm thuế GTGT được khấu trừ
				GTGT	TNDN	TNCN	Thuế tài nguyên	Phí lệ phí	Tiền thuê đất	Phí BVMT	Thuế khác	
1.15	Công ty CP Miền Đông	3600256545	30.498.889		30.498.889							
1.16	Công ty CP Đầu Tư LDG	3603361266	2.734.014.203		2.734.014.203							
1.17	Công ty CP Xây dựng TM Đại Lộc Phát	3602721212	79.582.700		7.234.791							72.347.909
1.18	Công ty CP Nguyễn Cường	3600445380	34.847.333		25.946.222							8.901.111
1.19	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thịnh Hoàng Phát	3602300408	431.487.000	392.260.909	39.226.091							
1.20	Công ty CP Đầu tư An Thịnh Đồng Nai	3602331163	2.783.442.038		275.836.598							2.507.605.440
1.21	Công ty TNHH MTV Hàng Huyện	3602442931	12.271.824		12.271.824							
1.22	Công ty TNHH C.K Liên Phát	3602804148	22.696.902		20.001.629							2.695.273
1.23	Công ty TNHH XD Hồ Team	3600914716	72.073.755									72.073.755
1.24	Công ty TNHH XD Nam Hưng	3600282305	28.509.090	3.054.545	25.454.545							
1.25	Công ty CP Ô Tô Quốc Tuấn	3600449917	10.077.613.201		10.077.613.201							
1.26	Công ty CP Hòa An	3600464464	78.390.148		78.390.148							
1.27	Công ty CP Đầu tư và XD Kiến Trúc Mới	3602466562	572.930.279	365.088.153	15.766.461							192.075.665
1.28	Công ty TNHH E.C	3600613525	111.043.554		104.263.554							6.780.000
1.29	Công ty TNHH MTV Biên Hòa SCM	3600932747	37.573.235		37.573.235							
1.30	Công ty Cổ phần Bất động sản Thông Nhất	3602041707	896.133.280	762.418.444	133.714.836							
1.31	Công ty TNHH Xây Dựng Ngọc Pháp	3602578523	35.036.354	14.167.727	20.868.627							
1.32	Công ty CP XD Dân dụng số 1 Đồng Nai	3600503226	692.334.114		48.957.899							643.376.215
1.33	Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO	3600459834	401.674.540	215.410.986	186.263.554							
1.34	Công ty CP Phúc Đạt M&C.C.C	3600724955	103.617.464	34.539.155	69.078.309							
1.35	Công ty CP Tân Cảng	3600973711	69.308.517	5.994.950	63.313.567							
1.36	Công ty TNHH Đức Tài Thịnh	3602041337	310.279.336	10.751.000	299.528.336							
1.37	Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	3600224423	578.752.737						578.752.737			
2	Chi cục Thuế TP Biên Hòa		3.258.478.401	1.127.531.920	799.902.419							1.331.044.062
2.1	Công ty TNHH Tân Bửu Long	3600526858	1.328.151.368	981.773.273	346.378.095							
2.2	Công ty TNHH MTV Xuân Đào	3602371529	131.742.056		131.742.056							
2.3	Công ty TNHH TM DV và XD Thành Phát	3602366134	100.588.616		100.588.616							
2.4	Công ty TNHH Hải Bình	3600527812	121.435.739		121.435.739							
2.5	Công ty TNHH Hoàng Anh Thi	3600805629	1.364.272.563		33.228.501							1.331.044.062
2.6	Công ty TNHH Văn tại Nam Quốc	3600680433	13.116.870	4.174.102	8.942.768							
2.8	Công ty TNHH Khang Thịnh - Cây Dừa	3600865970	131.710.597	109.600.814	22.109.783							
2.9	Công ty TNHH MTV TM DV Cao Hiền Đệ	3603044820	67.460.592	31.983.731	35.476.861							
3	Chi cục Thuế huyện Trảng Bom		2.436.426.251	65.074.089	600.972.221							1.770.379.940
3.1	Công ty TNHH Đức Nghĩa Hưng	3601594554	1.018.723.100		92.611.191							926.111.909
3.2	Công ty TNHH Tiến Phong I	3601651139	41.581.058		4.625.240							36.955.818
3.3	DNTN Thanh Quân	3600469487	15.312.449	14.640.182	672.268							
3.4	Công ty TNHH Kim Thu B.C.C	3600810139	411.850.316		411.850.316							
3.5	Công ty TNHH Phạm Ngọc Danh	3602126622	57.313.993	48.571.180	8.742.812							
3.6	Công ty TNHH Đại Hưng Phát	3600877905	44.587.660	1.862.727	42.724.932							
3.7	Công ty TNHH MTV Chung Thành	3602386476	23.013.000		15.342.000							7.671.000

TT	Chi tiêu Đơn vị	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế						Thuế khác	Thu khác	Giảm thuế GTGT được khấu trừ
				GTGT	TNDN	TNCN	Thuế tài nguyên	Phí lệ phí	Tiền thuế đất	Phí BVMT		
3.8	Doanh nghiệp Tư Nhân Xây Dựng Cao Trùng	3600648479	34.651.000		3.150.091							31.500.909
3.9	DNTN Long Thuận	3600821740	248.592.913		5.728.608							242.864.304
3.10	Công ty TNHH Thương mại Hồng Ly	3600954395	540.800.762		15.524.762							525.276.000
4	Chi cục Thuế huyện Long Khánh	3602495732	3.184.942.193	2.208.888.237	966.053.956	10.000.000						
4.1	Công ty TNHH TM & DV Lê Nguyễn Gia	3602495732	21.504.819		21.504.819							
4.2	Công ty TNHH Tuyết Nhan	3600803036	44.702.574		44.702.574							
4.3	Công ty TNHH Nguyễn Hùng	3600281421	44.230.534		44.230.534							
4.4	Công ty TNHH Khánh Phong	360030802	59.265.888		59.265.888							
4.5	Công ty TNHH Hồng Hà	3600281527	265.722.707		265.722.707							
4.6	Công ty TNHH MTV Quốc Thắng Toàn	3602065105	1.548.404.856	1.168.576.818	379.828.038							
4.7	Công ty TNHH Xây dựng Châu Hưng Vỹ	3603051458	91.834.964	48.231.636	43.603.328							
4.8	Công ty TNHH MTV Phi Nhân Phát	3603044299	29.603.239	13.855.091	15.748.148							
4.9	Công ty TNHH Long Khánh 69H	3600850325	142.252.320	50.804.400	91.447.920							
4.10	Công ty CP KT ĐT XL Số 2	3603475249	235.129.627	225.129.627		10.000.000						
4.11	Công ty TNHH XD-GT Hiếu Bảo	3600279824	702.290.665	702.290.665								
5	Chi cục Thuế huyện Thống Nhất		74.970.294		74.970.294							
5.1	Công ty TNHH Lâm Hòa Hiệp	3603404336	13.761.527		13.761.527							
5.2	Công ty TNHH MTV Xây Dựng Đức Phúc	3601117103	35.888.708		35.888.708							
5.3	Công ty TNHH Đào Phương Linh	3602971036	6.196.741		6.196.741							
5.4	Doanh nghiệp Tư Nhân Tiến Hưng 1	3600222899	6.809.600		6.809.600							
5.5	Công ty TNHH Quang Tiến Ngọc	3603129552	12.313.718		12.313.718							
III	Cục Hải quan Đồng Nai		4.496.379.595	4.081.686.899	0	0	0	0	0	0	414.692.696	0
I	Chi cục Hải quan Biên Hòa		4.039.606.695	4.039.606.695								
1.1	Công ty TNHH FUMAKILLA Việt Nam		2.786.664.960	2.786.664.960								
1.2	Công ty TNHH Nicca Việt Nam		14.527.473	14.527.473								
1.3	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)		1.196.770.510	1.196.770.510								
1.4	Công ty TNHH SILK Việt Nam		36.544.400	36.544.400								
1.5	Công ty TNHH Toyo Ink Việt Nam		2.184.575	2.184.575								
1.6	Công ty TNHH Amway Việt Nam		2.914.776	2.914.776								
2	Chi cục Hải quan Long Thành		116.172.925	10.561.175							105.611.750	
2.1	Công ty TNHH J-SPRAL STEEL PIPE		116.172.925	10.561.175							105.611.750	
3	Chi cục Hải quan Nhơn Trạch		340.599.975	31.519.029							309.080.946	
3.1	Công ty TNHH vật liệu KHKT Triền Vũ Việt Nam		113.938.440	10.358.040							103.580.400	
3.2	Công ty TNHH Mỹ Phẩm LG Vina		226.661.535	21.160.989							205.500.546	
C	Kiểm toán các đơn vị HCSN		631.409.055	27.211.817	322.092.999					8.144.070		
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		282.104.238							8.144.070		
1.1	Trung tâm nước sạch và sinh môi trường nông thôn		27.180.340							8.144.070		
1.2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Kiểm toán tổng hợp)		254.923.898					254.923.898				
1.2.1	Văn Phòng Sở		52.523.125					52.523.125				
1.2.2	Chi cục Thủy sản		19.376.773					19.376.773				

TT	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế							Thu khác	Giảm thuế GTGT được khấu trừ
				GTGT	TNDN	TNCN	Thuế tài nguyên	Phí lệ phí	Tiền thuế đất	Phí BHYT		
1.2.3	Chi cục Trồng trọt & BVTV		167.014.000					167.014.000				
1.2.4	Chi cục QL Chất lượng Nông Lâm Thủy sản		16.010.000					16.010.000				
2	Sở Văn hóa Thể thao Du lịch		38.366.363	12.530.000	25.836.363							
2.1	Trung tâm Phát hành phim -CB		19.886.363		19.886.363							
2.2	Nhà hát Nghệ thuật truyền thống		5.020.000	2.510.000	2.510.000							
2.3	Đoàn Ca múa		4.200.000	2.100.000	2.100.000							
2.4	Thư viện tỉnh		2.680.000	1.340.000	1.340.000							
2.5	Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật		6.580.000	6.580.000								
3	Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai		100.008.457	14.681.817	85.326.640							
3.1	Đài PT-TH		7.454.545	7.454.545								
3.2	Trung tâm Dịch vụ PT-TH		92.553.912	7.227.272	85.326.640							
4	Sở Giao thông vận tải		210.929.996		210.929.996							
-	Khu quản lý đường bộ đường thủy		210.929.996		210.929.996							

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIÁM LỖ
QUA KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017 CỦA TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo Công văn số: 186/KV XIII-TH ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII)

Đơn vị tính: đồng

Thuyết minh nguyên nhân			2	
TT	Đơn vị	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Điều chỉnh giảm lỗ
A		B		I
I	Chi cục Thuế TP Biên Hòa			161.642.091
1	Công ty TNHH Hoàng Tân Hòa		3600902774	161.642.091
II	Chi cục Thuế huyện Thống Nhất			3.805.523.502
1	DNTN Xuân Hùng		3601015870	900.349.200
2	Công ty TNHH MTV TM&DV XDVT Nguyễn Đức Hòa		3603119385	598.126.700
3	Công ty TNHH Liên		3600933525	378.443.053
4	Công ty TNHH TMDV Xuân Hùng Tiến		3603421356	224.784.000
5	Công ty TNHH MTV Tam Hoàng		3600262203	77.418.849
6	Công ty TNHH Mai Quang Minh		3602457328	56.000.000
7	Công ty TNHH TM XS Phú Khang		3603123945	1.570.401.700
	Tổng cộng			3.967.165.593

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ THU HỒI VÀ GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUA KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017 CỦA TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo Công văn số: 186/KV XIII-TH ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII)

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Chi tiêu	Tổng số	Thu hồi, nộp ngân sách các khoản chi sai quy định		Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, thanh toán năm sau		Chuyển quyết toán năm sau	Giảm giá trị hợp đồng	Giảm giá trị gói thầu được duyệt	Các khoản phải nộp khác	Các khoản phải nộp nhưng chưa nộp NSNN
				Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	XDCB	Thường xuyên	Thường xuyên
A	B		I	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12
I	Tổng cộng		86.308.780.463	844.359.930	1.932.899.155	16.511.175.599	19.377.824.374	5.384.359.486	887.314.951	4.755.465.434	21.872.271.193	8.891.232.140	5.851.878.210
1	Các cơ quan tổng hợp		18.642.861.355	640.590.000		0	0	0	34.659.951	0	0	8.641.828.689	0
1.1	Sở Tài chính		18.642.861.355	640.590.000		0	0	0	34.659.951	0	0	8.641.828.689	0
1.1.1	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai		640.590.000	640.590.000		0			0				
1.1.3	Cảnh sát PCCC tỉnh Đồng Nai		657.375.813	0	0	622.715.862	0	0	34.659.951	0	0	0	
-	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà làm việc tại Cảnh sát PCCC huyện Xuân Lộc		363.235.756			348.989.362			14.246.394				
-	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà làm việc tại Cảnh sát PCCC Biên Hòa		107.588.258			87.174.701			20.413.557				
-	Hỗ trợ kinh phí đào tạo		186.551.799			186.551.799							
1.1.4	Trường Cao đẳng nghề số 8		494.176.000			494.176.000							
1.1.5	Công an tỉnh Đồng Nai		8.208.890.853	0	0	8.208.890.853	0	0	0	0	0	0	0
	Kinh phí an ninh		5.322.657.935			5.322.657.935							
	Kinh phí đào tạo		463.049.559			463.049.559							
	Kinh phí sự nghiệp môi trường		2.423.183.359			2.423.183.359							
1.1.6	Tài khoản tạm thu tạm giữ		8.641.828.689									8.641.828.689	
II	Các đơn vị Sở - Ngành		12.621.781.376	203.769.930	0	2.391.020.647	9.777.587.348		0	0	0	249.403.451	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		4.243.384.530	203.769.930	0	0	4.039.614.600	0	0	0	0	0	0
1.1	Văn phòng Sở		3.675.000.000				3.675.000.000						
1.2	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn		203.769.930	203.769.930			0						
1.3	Chi cục Thủy sản		364.614.600				364.614.600						
2	Sở Giáo dục và Đào tạo		5.245.596.475	0	0	0	5.245.596.475	0	0	0	0	0	0
2.1	Văn phòng Sở GD&ĐT		297.000.000				297.000.000						
2.2	Các trường Trung học phổ thông và TTGDTX trực thuộc Sở		4.948.596.475				4.948.596.475						
3	Sở Giao thông vận tải		2.783.896.920	0	0	2.391.020.647	392.876.273	0	0	0	0	0	0
3.1	Văn phòng Sở		2.391.020.647			2.391.020.647	0		0	0			
3.2	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới		392.876.273				392.876.273						
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		348.903.451	0	0	0	99.500.000	0	0	0	0	249.403.451	

TT	Đơn vị	Chi tiêu	Tổng số	Thu hồi, nộp ngân sách các khoản chi sai quy định		Thu hồi	Giảm dự toán, thanh toán năm sau		Chuyển quyết toán năm sau	Giảm giá trị hợp đồng	Giảm giá trị gói thầu được duyệt	Các khoản phải nộp khác	Các khoản phải nộp nhưng chưa nộp NSNN
				Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	XDCB	Thường xuyên	Thường xuyên
A	B		1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12
4.1.	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao		249.403.451				0					249.403.451	
4.2.	Đoàn Ca múa nhạc		99.500.000				99.500.000						
III	Các đơn vị huyện - thành phố		28.155.781.200	0	1.798.047.728	4.794.372.227	9.600.237.026	1.533.866.331	852.655.000	845.029.619	2.879.695.058	0	5.851.878.210
1	Thành phố Biên Hòa		12.099.483.360	0	282.606.456	2.777.126.111	8.254.833.662	532.262.331	852.655.000	0	0	0	0
1.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch Tp. Biên Hòa		3.528.899.150			2.676.244.150			852.655.000				
1.2	Phòng Tài nguyên và Môi trường		54.330.000				54.330.000						
1.3	Phòng Giáo dục và Đào tạo		8.200.503.662				8.200.503.662						
1.4	Trung tâm Văn hóa		100.881.961			100.881.961							
1.5	Ban QLDA thành phố Biên Hòa		814.868.787	0	282.606.456			532.262.331					
2	Thị xã Long Khánh		1.883.012.569	0	408.962.950	480.000.000	0	149.020.000	0	845.029.619	0	0	0
2.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch Long Khánh		480.000.000			480.000.000							
2.2	Ban QLDA thị xã Long Khánh		1.403.012.569		408.962.950			149.020.000		845.029.619			
3	Huyện Trảng Bom		5.026.424.706	0	143.162.322	658.163.961	1.345.403.364	0	0	0	2.879.695.058	0	0
3.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch Trảng Bom		1.345.403.364				1.345.403.364						
3.2	Thị trấn Trảng Bom		68.339.917			68.339.917							
3.3	Xã Hưng thịnh		20.000.000			20.000.000							
3.4	Xã Dồi 61		90.000.000			90.000.000							
3.5	Phòng Tài chính - Kế hoạch		360.000.000			360.000.000							
3.6	Huyện Ủy Trảng Bom		119.824.044			119.824.044							
3.7	Ban QLDA huyện Trảng Bom		3.022.857.380		143.162.322				0	0	2.879.695.058		
4	Huyện Thống Nhất		8.546.860.365	0	963.316.000	879.082.155	0	852.584.000	0	0	0	0	5.851.878.210
4.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch Thống Nhất		6.730.960.365			879.082.155							5.851.878.210
4.2	Ban QLDA huyện Thống Nhất		1.815.900.000		963.316.000			852.584.000					
IV	Các đơn vị xây dựng cơ bản		26.888.356.532	0	134.851.427	0	0	3.850.493.155	0	3.910.435.814	18.992.576.135	0	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai		10.822.720.373		10.215.758			3.481.864.749		2.877.131.806	4.453.508.061		
2	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai		838.240.223								838.240.223		
3	Chi cục Văn thư lưu trữ - Sở Nội vụ		561.116.423							561.116.423			
4	Sở Khoa học và Công nghệ		525.920.993					53.733.406		472.187.586			
5	Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất		3.965.706.851								3.965.706.851		
6	Ban QLDA huyện Vĩnh Cửu		10.073.187.669		23.171.669			314.895.000			9.735.121.000		
7	Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh		101.464.000		101.464.000								

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ KHÁC

QUA KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017 CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Công văn số: 186 /KV XIII-TH ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII)

TT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Đơn vị tính: Đồng
A	B	C	D	E
	Tổng cộng	417.921.761,675		
1	Sơ Tài chính	282.939.803,793		
-	Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	282.939.803,793	UBND tỉnh Đồng Nai xử lý dứt điểm số dư Quý hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tính đến ngày 31/12/2017 sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ (gồm: Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp trên Tài khoản tạm thu, tạm giữ của Sở Tài chính số tiền 74.391.803,075 đồng; Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai số tiền 208.548.000,718 đồng).	
2	Thành phố Biên Hòa	7.557.971,958		
2.1	Bố trí hoàn trả nguồn CCTL tại các phường, xã	5.355.338.560	Gồm: Phường Long Bình số tiền 1.180 triệu đồng, Phường Tam Hiệp số tiền 724 triệu đồng, Phường Trảng Dài số tiền 2.396 triệu đồng, Phường Tân Phong số tiền 548 triệu đồng, Phường Quang Vinh số tiền 507 triệu đồng	
2.2	Theo dõi nguồn CCTL			
-	Phòng Tài nguyên và Môi trường	54.330.000	Nguyên nhân: Chuyển nguồn CCTL năm sau và một số nhiệm vụ chi được chuyển nguồn.	
-	Khối trường học	1.995.670.000	Nguyên nhân: Chuyển nguồn CCTL năm sau và một số nhiệm vụ chi được chuyển nguồn.	
-	Phường Long Bình Tân	82.253,398	Nguyên nhân: Chuyển nguồn CCTL năm sau và một số nhiệm vụ chi được chuyển nguồn.	
-	Phường Tân Tiến	70.380.000	Nguyên nhân: Chuyển nguồn CCTL năm sau và một số nhiệm vụ chi được chuyển nguồn.	
3	Huyện Thống Nhất	21.047.235,864		
		277.958.689	Thu hồi tạm ứng do Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 548/QĐ-STC ngày 30/12/2016 bổ sung kinh phí cho Trung tâm Giáo dục thường xuyên để hoàn trả tạm ứng nhưng đến thời điểm kiểm toán Phòng TCKH chưa thu hồi	
		11.684.096,544	Tăng chi chuyển nguồn CCTL do KTTN xác định tăng thêm (Nguồn CCTL xác định tăng thêm là 12.904.096.544 đồng, trong đó tăng thêm từ nguồn thu học phí là 1.220.000.000 đồng không kiến nghị tăng chi chuyển nguồn do không thuộc NS, chi theo dõi nguồn CCTL để thực hiện)	
	Phòng Tài chính - Kế hoạch (chi thường xuyên)	1.329.166,911	Tăng chi chuyển nguồn đối với kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước cấp huyện đã được KBNN hạch toán chuyển số dư dự toán sang năm 2018	
		208.903.456	Tăng chi chuyển nguồn đối với kinh phí chi thực hiện CCTL còn tồn ở kết dư	
		6.720.945,324	Tăng chi chuyển nguồn đối với kinh phí thuộc nội dung chuyển nguồn sang năm sau thực hiện nhưng huyện không chi chuyển nguồn, còn để ở kết dư (Sửa chữa hệ thống chiếu sáng điện trang trí đèn thờ liệt sỹ và khu TTHC 403.640.387 đồng; Cải tạo hoa viên trước Đền thờ Liệt sỹ và hoa viên khu TTHC 2.265.304.937 đồng; Nhà ở cho người có công 740.000.000 đồng; Trồng cây xanh quốc lộ 1A 3.312.000.000 đồng)	

-	Các xã trên địa bàn (Chi tiết tại BKT của huyện Thống Nhất)	826.164.940	Giảm chi chuyển nguồn do các xã thực hiện chi chuyển nguồn đối với kinh phí thừa của các dự án đã hoàn thành là chưa phù hợp quy định tại Khoản 7 Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC, số tiền là 826.164.940 đồng, trong đó, số phải nộp trả NS cấp trên là 661.661.140 đồng (Chi tiết tại Phụ lục số 10/BKKT-NSDP)	
4	Huyện Trảng Bom	43.305.381.470	Thực hiện chi chuyển nguồn theo quy định	
-	Ngân sách huyện	41.460.381.470	Thực hiện chi chuyển nguồn các nội dung không đúng theo Điều 64 Luật NSNN	
-	Ngân sách thị trấn, xã	1.845.000.000	Thực hiện chi chuyển nguồn các nội dung không đúng theo Điều 64 Luật NSNN	
5	Thị xã Long Khánh	55.027.743.744	Đôn đốc thu hồi tạm ứng	
5.1	Tạm ứng cho khối cơ quan, đơn vị (tiêu mục 0051)	8.496.983.712	Chuyển nguồn sang 2018 thu hồi tạm ứng	
5.2	Tạm ứng cho khối xã (phường) (Tiêu mục 0099)	4.313.227.916	Chuyển nguồn sang 2018 thu hồi tạm ứng	
5.3	Tạm ứng xây dựng cơ bản (Tiêu mục 0052)	42.217.532.116	Chuyển nguồn sang 2018 thu hồi tạm ứng	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.711.601.435	Chuyển nguồn và theo dõi nguồn CCTL năm sau	
7	Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất	6.332.023.411	Kiểm nghị chủ đầu tư hoàn thiện thủ tục trình các cơ quan quản lý nhà nước nghiệm thu, phê duyệt quyết toán theo quy định (do đơn vị chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ một số loại vật tư chưa có trong thông báo giá của Liên sở Xây dựng – Tài chính làm cơ sở xác định giá gói thầu (Công văn số 39/VB-ACC ngày 21/5/2018 về việc bổ sung hồ sơ được Bệnh viện đa khoa Thống Nhất xác nhận)).	

Số: 348/TB-KTNN

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2018

UBND TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 3496A

Ngày: 02/08/18

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN**Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 tỉnh Đồng Nai**

Chuyển:

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 499/QĐ-KTNN ngày 21/3/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước (KTNN) về việc kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 và Chương trình nhà ở xã hội giai đoạn 2015-2017 của tỉnh Đồng Nai. KTNN khu vực XIII đã thực hiện kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Đồng Nai từ ngày 26/3/2018 đến ngày 24/5/2018. Báo cáo kiểm toán đã được hoàn thành và gửi đến UBND tỉnh Đồng Nai và các cơ quan liên quan theo quy định.

Sau đây là một số kết quả kiểm toán chủ yếu từ cuộc kiểm toán:

I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN**1. Những mặt làm được**

Công tác quản lý và điều hành ngân sách của tỉnh cơ bản thực hiện theo quy định của Luật NSNN; các chương trình hành động của tỉnh đã bám sát theo các nội dung các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về quản lý điều hành ngân sách; các cơ quan tổng hợp đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý thu, chi, huy động các nguồn thu vào ngân sách, bố trí các nội dung chi theo quy định; các đơn vị sử dụng ngân sách đã ý thức trong việc chấp hành chế độ chi tiêu tài chính.

- Tổng thu nội địa năm 2017 là 33.603.249 trđ, đạt 100,16% dự toán giao, tăng 21,81% so với thực hiện năm 2016. Trong đó: Thu nội địa không kể thu sử dụng đất dự toán giao 32.749.000 trđ, thực hiện 31.207.711 trđ đạt 95,29%, tăng 18,94% so với thực hiện năm 2016.

- Tổng số chi NSDP (không tính các khoản chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách địa phương) là 22.873.011 trđ. Chi cân đối ngân sách: Tổng số chi trong cân đối NSDP năm 2017 là 22.770.319 trđ, tăng 24% so với dự toán TW giao, tăng 30% so với dự toán HĐND tỉnh quyết định và bằng 108% so với thực hiện năm 2016.

2. Những tồn tại, hạn chế**(1) Về lập và giao dự toán thu ngân sách**

- Địa phương lập chưa đảm bảo theo số kiểm tra về dự toán thu năm 2017: Thu nội địa tỉnh lập 28.460.000 trđ, bằng 76% số Bộ Tài chính dự kiến giao. Dự toán Cục Thuế xây dựng Thu nội địa do ngành thuế quản lý 29.560.000 trđ, loại trừ thu sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết số tiền 27.960.000 trđ, tăng 13,4% so với ước thực hiện 2016, bằng 106,6 % so thực hiện năm 2016.

- Giao dự toán thu quản lý qua ngân sách đối với nguồn thu học phí là chưa đúng với quy định tại Thông tư số 91/2016/TT-BTC ngày 26/6/2016 của Bộ Tài chính.

- Tại các huyện (Thống Nhất, Trảng Bom và Thị xã Long Khánh) lập dự toán chưa đảm bảo tỷ lệ tăng bình quân tối thiểu 13-15% so với ước thực hiện năm 2016; dự toán lập chưa đảm bảo tính tích cực, chưa bao quát hết các nguồn thu trong năm.

(2) Về lập và giao dự toán chi ngân sách

- Dự toán xây dựng chưa sát với thực tế, điều chỉnh nhiều lần trong năm và tỷ lệ hủy dự toán cao nên chưa phát huy được hiệu quả sử dụng NSNN tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hủy dự toán 15,5%), Sở Giáo dục và Đào tạo (hủy dự toán 10,76%); phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên vượt biên chế được UBND tỉnh phê duyệt (Sở Nông nghiệp phát triển nông thôn; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Giao thông vận tải,...).

- Giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc sở, ban ngành tỉnh chưa cân đối nguồn thu sự nghiệp để xác định số giảm chi cho ngân sách Nhà nước là không đúng quy định tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016.

- UBND tỉnh chưa bổ sung dự phòng ngân sách theo quy định, các khoản chi thường xuyên chưa giao hoặc đã giao nhưng chưa triển khai thực hiện đến ngày 30/6/2017; không bố trí tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ (huyện Thống Nhất và Trảng Bom, Thị xã Long Khánh, Thành phố Biên Hòa).

- UBND huyện, thị xã và thành phố áp dụng định mức giao dự toán của tỉnh cho các đơn vị trực thuộc để giao dự toán cho các đơn vị thuộc huyện là chưa phù hợp (do Nghị quyết số 33/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai ngày 09/12/2016 chưa có điều khoản quy định về Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp thuộc khối huyện).

(3) Việc quản lý, chấp hành thu ngân sách

- Số hộ kinh doanh được cấp mã số thuế mới trong năm thấp hơn số hộ được cấp giấy phép kinh doanh lần đầu là 1.557 đối tượng.

- Tại Cục Thuế tỉnh Đồng Nai đang tính đơn giá tiền thuê đất theo đơn giá cũ từ năm 2001-2006 tại Công ty TNHH MTV Tổng Cao su Đồng Nai, Công ty TNHH Vopak Việt Nam, Công ty Cổ phần Mía đường La Ngà. Tại Chi cục Thuế Long Khánh, chưa điều chỉnh đơn giá do thời hạn ổn định đơn giá tiền thuê đất đã hết tại Công ty TNHH Thủ Mây, DNTN Như Vân và Công ty Cổ phần Bảo Thắng.

- Tổng số nợ thuế đến ngày 31/12/2017 là 1.564.220 triệu đồng, trong đó KTNN xác định tăng thêm 974.217 triệu đồng. Ngoài ra ngành Thuế Đồng Nai chưa cập nhật để theo dõi được các khoản nợ về đất trên phần mềm TMS là chưa phù hợp với quy định.

- Qua chọn mẫu kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ nộp NSNN của các doanh nghiệp tại Cục Thuế và 04 Chi cục Thuế còn tồn tại: Chưa thực hiện kê khai, quyết toán thuế TNDN riêng đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản theo quy định; chưa phát hành hóa đơn, kê khai thuế đối với hàng hóa đã xuất kho tiêu thụ kịp thời; chưa phát hành hóa đơn, ghi nhận doanh thu tính thuế GTGT, thuế TNDN đầy đủ, kịp thời đối với các công trình XD CB đã nghiệm thu, thanh toán khối lượng năm 2017... Kiến nghị xử lý tài chính là 31.835 triệu đồng và giảm lỗ 3.967 triệu đồng. Ngoài ra có 10 đơn vị không hợp tác trong quá trình Đoàn kiểm toán đối chiếu nghĩa vụ với NSNN tại cơ quan Thuế.

- Tại cơ quan Hải quan:

+ Còn có trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng chất diệt nấm dùng trong sản xuất sơn, mực in dùng trong sản xuất công nghiệp dệt, mỹ phẩm và dùng trong sản xuất nhang muỗi (không dùng làm nguyên liệu sản xuất các loại thuốc phòng trừ sâu bệnh), kê khai nộp thuế GTGT với thuế suất 5% là không phù hợp theo quy định tại Thông tư số 83/2014/TT-BTC ngày 26/6/2014 của Bộ Tài chính. Các trường hợp này thuộc diện chịu thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10% tại Công ty TNHH FUMAKILLA Việt Nam; Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina.

+ Kiểm tra sau thông quan: Năm 2017 các Đoàn kiểm tra chưa tiến hành kiểm tra chi phí nguyên vật liệu, phụ liệu xuất sử dụng trong sản xuất, gia công hàng xuất khẩu, chỉ tiến hành đối chiếu số liệu tồn kho theo sổ sách của Công ty với số liệu tồn kho do doanh nghiệp tự khai quyết toán với cơ quan Hải quan tại thời điểm ngày 31/12/2016.

(4) Chấp hành chi đầu tư phát triển

- Bố trí vốn quá thời gian quy định; tính vượt chi phí dự án theo quy định; công tác chuẩn bị đầu tư không tốt dẫn đến việc công trình phải điều chỉnh dự án, kéo dài thời gian đầu tư và làm tăng chi phí đầu tư xây dựng công trình; công tác nghiệm thu, thanh toán, quyết toán một số dự án vượt khối lượng thực tế. Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời chỉ đạo việc tổ chức, xác định đơn giá nhân công theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng. Tuy nhiên, Sở Xây dựng đã triển khai nhưng theo số liệu điều tra, khảo sát mức lương thực tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cao hơn mức lương quy định tại Thông tư 01/2015/TT-BXD nên việc xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo Thông tư này chưa được kịp thời. Kết quả kiểm toán chi tiết có 13 dự án chi phí nhân công tăng so với quy định làm cho giá trị dự toán gói thầu tăng.

- Trong công tác lập kế hoạch và quản lý vốn đầu tư cho thấy: Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình phê duyệt dự án Trung tâm chiếu xạ tỉnh Đồng Nai xác định nguồn vốn đầu tư dự án (70% ngân sách tỉnh, 30% vốn vay) chưa xem xét hỗ trợ mức cao nhất từ ngân sách nhà nước đối với cơ sở sản xuất ứng dụng bức xạ trong nông nghiệp theo Quyết định số 775/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 02/6/2010, xác định nguồn vốn vay nhưng chưa làm rõ phương án vay và thỏa thuận vay vốn dẫn đến dự án có khả năng thiếu nguồn vốn để đầu tư theo tiến độ được duyệt do nguồn vốn ngân sách tỉnh bố trí đến năm 2018 theo kế hoạch là 106.000 trđ; thẩm định, trình phê duyệt dự án Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Đồng Nai trong đó 30% vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ theo Quyết định số 1784/QĐ-TTg ngày 24/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ nhưng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời chưa có nguồn bổ sung hỗ trợ cho dự án trong năm 2015 tại văn bản số 7697/BKHĐT- KTĐPLT ngày 24/10/2014. Tại thời điểm kiểm toán năm 2018, dự án vẫn chưa được ngân sách Trung ương hỗ trợ 25.057 trđ theo quy định, dự án có khả năng thiếu nguồn vốn đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

- Công tác quyết toán vốn đầu tư XDCB: Có 42 dự án hoàn thành nhưng Chủ đầu tư chậm lập báo cáo quyết toán để trình thẩm tra phê duyệt quyết toán (có 14 dự án chậm trên 12 tháng; 03 dự án chậm trên 24 tháng). Kết quả chọn mẫu 20 dự án để đánh giá công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự

án hoàn thành, Tại một số dự án, chi phí quyết toán các gói thầu xây lắp do chủ đầu tư đề nghị quyết toán chưa phù hợp do dự toán công trình được lập trong khoảng thời gian có hiệu lực của Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/03/2015 của Bộ Xây Dựng nhưng chưa áp dụng đúng theo hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo Thông tư này.

- Nợ đọng vốn đầu tư XD CB: Tại các huyện Thống Nhất nợ vốn đầu tư XD CB tại 05 dự án được kiểm toán chi tiết là 2.464 triệu đồng (nguồn vốn ngân sách huyện), thành phố Biên Hòa nợ khối lượng xây dựng cơ bản đến 31/12/2017 và chưa được bố trí đủ kế hoạch vốn năm 2017 cho các dự án là 12.053 trđ (gồm nguồn vốn ngân sách tỉnh 427 trđ và nguồn vốn ngân sách thành phố 11.626 trđ). Nguyên nhân theo báo cáo của các Chủ đầu tư là do chưa thanh toán hết giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng được ký kết.

- Kết quả kiểm toán chi tiết các dự án đầu tư XD CB của 18 dự án và 04 ban QLDA huyện đã kiến nghị thu hồi, giảm thanh toán, giảm giá trị hợp đồng, giảm giá gói thầu được duyệt là 61.961,7 trđ.

(5) Chấp hành chi thường xuyên

- Công tác lập và giao dự toán chưa sát với thực tế phải điều chỉnh bổ sung nhiều lần; chưa chủ động rà soát, điều chỉnh, cắt giảm những nhiệm vụ chi không cần thiết dẫn đến cuối năm phải hủy dự toán cao; quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách hiệu quả không cao.

- Chưa thực hiện hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai một số nội dung sau: Xây dựng dự toán cho các đơn vị trực thuộc sở, ban ngành tỉnh chưa cân đối nguồn thu sự nghiệp để xác định số giảm chi cho ngân sách Nhà nước; một số đơn vị dự toán cấp I trực thuộc tỉnh chưa căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương để tiến hành giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, công khai, minh bạch và có cân đối với nguồn thu sự nghiệp thực hiện qua các năm (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải).

- Tỉnh vẫn chưa quan tâm đúng mức, để tập trung xử lý kịp thời và dứt điểm các khoản tạm ứng kéo dài nhiều năm 129.084.091.445 đồng chưa thu hồi. Số dư tạm ứng lớn, kéo dài qua nhiều năm đã làm ảnh hưởng đến số tồn quỹ ngân sách và việc điều hành ngân sách hàng năm của địa phương. Vì vậy chưa đảm bảo tính kinh tế, tác động đến tính ổn định bền vững trong quản lý, điều hành ngân sách và làm giảm hiệu quả sử dụng ngân sách của địa phương.

- Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường Nông thôn chưa thực hiện trích khấu hao TSCĐ theo quy định tại Thông tư số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT của Liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Về công tác tổ chức đấu giá đất còn hạn chế: Không niêm yết công khai thông báo bán đấu giá tại các thửa đất theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và Thông tư số 23/2010/TT-BTP có thể làm hạn chế khả năng lựa chọn được giá trúng tốt nhất; giá khởi điểm tại thời điểm tổ chức đấu giá thấp hơn giá thị trường (62 lô đất), thấp hơn bảng giá đất UBND tỉnh ban hành là không phù hợp

với quy định tại Điều 3 Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Khánh (thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) đã tổ chức bán đấu giá 35 lô đất Khu tái định cư tại xã Bảo Vinh, thị xã Long Khánh với mức giá được phê duyệt theo giá năm 2013 thấp hơn bảng giá đất năm 2017 của UBND tỉnh quy định. Tuy nhiên, trước đó UBND thị xã Long Khánh có Công văn số 1179/UBND-NN ngày 11/5/2017 về việc dừng tổ chức đấu giá vì giá đất thực tế trên thị trường hiện tại cao hơn giá khởi điểm được duyệt, nhưng Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Khánh và Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai (thuộc Sở Tư pháp) vẫn tổ chức đấu giá.

- Tại các huyện, thành phố được kiểm toán chi tiết còn hạn chế: Chi sự nghiệp giáo dục vượt quá nhu cầu (chi con người) tại các trường là chưa phù hợp theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai; chưa nộp NSNN kinh phí hết nhiệm vụ chi; sử dụng nguồn cải cách tiền lương bổ sung dự toán chi đảm bảo xã hội khi chưa có ý kiến của UBND tỉnh, không bố trí dự toán chi ĐTPT để hoàn trả đầy đủ các khoản vay đến hạn trong năm 2017 theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 91/2016/TT-BTC ngày 24/6/2016...

- UBND tỉnh không xây dựng hạn mức vay hàng năm trình HĐND tỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

- Còn chi hỗ trợ cho các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn không thuộc nhiệm vụ chi của NSDP; UBND tỉnh không bổ sung nguồn dự phòng dự toán chi thường xuyên chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện đến ngày 30/6/2017; chưa bố trí dự phòng ngân sách theo mức quy định tại Điều 10 Luật NSNN tại một số huyện (Thống Nhất, Trảng Bom, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa); UBND tỉnh chưa lập phương án sử dụng số tăng thu báo cáo Thường trực HĐND quyết định và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất; chưa ưu tiên bố trí nguồn tăng thu để thực hiện chi trả nợ gốc và lãi trong năm theo quy định tại khoản 2, Điều 59 Luật NSNN; chưa thực hiện bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính từ nguồn kết dư là không đúng theo quy định tại Điều 72 Luật NSNN.

- HĐND giao chỉ tiêu biên chế 3.804 chỉ tiêu biên chế (bao gồm 3.492 chỉ tiêu biên chế và 312 chỉ tiêu hợp đồng), cao hơn chỉ tiêu biên chế của Bộ Nội vụ giao là 399 biên chế.

- Quỹ Đầu tư phát triển Đồng Nai: UBND tỉnh không xây dựng phương án cấp vốn điều lệ và lộ trình tăng vốn điều lệ cho quỹ theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ và Quỹ chưa xây dựng các tiêu chuẩn để đánh giá các điều kiện cho vay theo Điều 6 của Quy chế cho vay (như khả năng điều hành hoạt động, năng lực tài chính, các tiêu chí đánh giá tính khả thi và khả năng trả nợ...).

- Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai: Không thực hiện thu phí ứng vốn quá hạn và tại Điều 21 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ. Chưa xây dựng quy trình về việc gia hạn nợ, chưa xây dựng quy trình thẩm định và đánh giá khả năng trả nợ... công tác phê duyệt của Hội đồng quản lý chỉ căn cứ trên văn bản, tờ trình của đối tượng cho vay.

- Công tác quản lý tài sản công còn hạn chế: Chưa cập nhật biến động tài sản vào Hệ thống cơ sở dữ liệu về tài sản quốc gia để thực hiện quản lý theo quy định đối với trụ sở làm việc của UBND thành phố Biên Hòa. Diện tích đất bị lấn chiếm chưa có biện pháp thu hồi tại Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải, có 12 hộ dân đang sử dụng đất trái phép trong khuôn viên Trường với diện tích 2.965 m². Một số đơn vị có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ dưới 0,7 được trang bị xe ô tô phục vụ chung là không đúng quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 7 Quyết định 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ. Địa phương đã bố trí 06 xe ô tô cho các Hội đặc thù không thuộc tiêu chuẩn được trang bị xe; chưa rà soát xử lý điều chuyển, bán thanh lý 42 xe dư thừa để thu hồi tiền về cho ngân sách, song tình vẫn bố trí ngân sách mua sắm mới 3 xe dùng chung (Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh 1 xe; Ban Dân vận tỉnh ủy 1 xe, Quỹ bảo vệ môi trường 1 xe).

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

1.1. Chỉ đạo cơ quan Tài chính, Kho bạc nhà nước và các đơn vị được kiểm toán điều chỉnh số liệu về thu, chi ngân sách theo kết luận và kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

1.2. Xử lý tài chính với tổng số tiền 128.463.241.321 đồng, gồm:

- Nộp NSNN các khoản thuế, phí do KTNN xác định tăng thêm 38.187.295.265 đồng.
- Điều chỉnh giảm lỗ tại các doanh nghiệp 3.967.165.593 đồng.
- Thu hồi, nộp NSNN các khoản chi sai chế độ 2.777.259.085 đồng.
- Thu hồi kinh phí thừa nộp trả NSNN 16.511.175.589 đồng.
- Giảm trừ dự toán, thanh toán NSNN 24.762.183.861 đồng.
- Giảm giá trúng thầu, giảm giá trị hợp đồng 4.755.465.434 đồng.
- Giảm giá gói thầu được duyệt 21.872.271.193 đồng.
- Chuyển quyết toán năm sau 887.314.951 đồng.
- Các khoản phải trả, phải nộp khác 8.891.232.140 đồng.
- Các khoản phải nộp nhưng chưa nộp NSNN 5.851.878.210 đồng.

1.3. Các khoản khác: Tổng số tiền 417.921.761.675 đồng. Trong đó, Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp 282.939.803.793 đồng (gồm: Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp trên tài khoản tạm thu, tạm giữ của Sở Tài chính số tiền 74.391.803.075 đồng; Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai số tiền 208.548.000.718 đồng), đề nghị UBND tỉnh xử lý dứt điểm sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

1.4. Chấn chỉnh công tác quản lý tài chính công, tài sản công

1.4.1 Đề nghị UBND tỉnh khắc phục hạn chế, sai sót trong quản lý, điều hành, sử dụng tài chính công, tài sản công:

- Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm về công tác lập, giao dự toán và tồn tại trong chi tiêu ngân sách địa phương chưa theo quy định của Luật NSNN.
- Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc phân bổ dự toán đối với các đơn vị sự nghiệp công lập không cân đối nguồn thu sự nghiệp để xác định dự toán giảm chi cho ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm và chấm dứt chỉ hỗ trợ cho các cơ quan TW đóng trên địa bàn không phù hợp với Luật NSNN.

- Xây dựng lộ trình tăng vốn điều lệ, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm 4, khoản 1 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ Phát triển đất phù hợp các văn bản hướng dẫn hiện hành về mức phí ứng vốn.

- Phê duyệt điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư Dự án Xây dựng mới tuyến đường nối dài Hương lộ 10 đoạn từ ranh giới 2 huyện Cẩm Mỹ và huyện Long Thành đến vị trí giao với đường tỉnh lộ 769 do giảm dự phòng phí theo kết quả kiểm toán.

- Chỉ đạo ngành thuế và các ban ngành có liên quan rà soát, kiểm tra đối chiếu giữa việc cấp giấy phép đăng ký kinh doanh và cấp mã số thuế. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với các hộ không tiến hành hoạt động kinh doanh trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Điều 78 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ.

- Chỉ đạo phối hợp giữa các cơ quan Thuế, Kho bạc nhà nước, Sở Tài nguyên và Môi Trường trong việc quản lý, thông tin về nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai. Chỉ đạo cục thuế và các ngành liên quan có giải pháp thu các khoản nợ đọng về thuế, trong đó có khoản nợ quá hạn về tiền sử dụng đất của các cá nhân được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện rà soát và xử lý theo quy định tại Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/03/2015 của Bộ Xây dựng đối với các dự án giai đoạn 2015 - 2016.

- Phê duyệt điều chỉnh chỉnh cơ cấu nguồn vốn và kế hoạch đấu thầu dự án Trung tâm chiếu xạ tỉnh Đồng Nai phù hợp với quy định tại Quyết định 775/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo Bộ kế hoạch Đầu tư về nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ xây Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 1784/QĐ-TTg ngày 24/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ; phê duyệt điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn của dự án trong trường hợp không được ngân sách Trung ương hỗ trợ.

- Chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại số biên chế giao cho khối hành chính tỉnh vượt so với biên chế Bộ Nội vụ giao và báo cáo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh theo quy định, chấm dứt tình trạng giao vượt chỉ tiêu biên chế như hiện nay.

1.4.2. Chỉ đạo các đơn vị

(1) Sở Tài chính

- Thực hiện và đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị được kiểm toán thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và tổng hợp lập báo cáo gửi KTNN theo quy định.

- Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác lập, phân bổ dự toán theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn về công tác lập, phân bổ dự toán hàng năm của Bộ Tài chính; chưa bổ sung dự phòng ngân sách đối với dự toán chi thường xuyên đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện sau ngày 30/6/2017 để tăng dự phòng ngân sách theo quy định; thực hiện quyết toán đối với các khoản chi bằng lệnh chi tiền; chấm dứt tạm ứng ngân sách cho các nội dung không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh.

- Tham mưu cho UBND tỉnh: (i) Xây dựng hạn mức vay, xây dựng kế hoạch vay, trả nợ chi tiết hàng năm trình HĐND tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ; (ii) lập phương án sử dụng, số tăng thu báo cáo Thường trực HĐND quyết định và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất; ưu tiên bố trí nguồn tăng thu để thực hiện chi trả nợ gốc và lãi trong năm theo quy định; (iii) trình HĐND quy định cụ thể về thời gian phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, huyện và quy định cụ thể thời hạn UBND các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách đến các cơ quan theo quy định của Luật NSNN; bổ sung định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp thuộc khối huyện theo Nghị quyết 33/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai ngày 09/12/2016 về Ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2017, giai đoạn 2017-2020; (iv) bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật NSNN và từ nguồn tăng thu ngân sách theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật NSNN.

- Kiểm tra, rà soát và thực hiện cơ cấu lại các quỹ tài chính nhà nước không hoạt động theo đúng mục đích khi thành lập quỹ hoặc hoạt động không hiệu quả; xử lý dứt điểm các khoản tạm ứng từ ngân sách tỉnh kéo dài nhiều năm số tiền 129.084.091.445 đồng; thực hiện tạm ứng cho đơn vị theo quy định của Luật NSNN và Công văn số 2421/BTC-NSNN ngày 26/02/2014 của Bộ Tài chính;

- Rà soát, kiểm tra việc thực hiện phương án sắp xếp nhà, đất tại các đơn vị; tham mưu UBND tỉnh giải quyết dứt điểm các trường hợp có tình trạng lấn chiếm; quản lý và cập nhật dữ liệu đầy đủ, kịp thời vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; đồng thời thực hiện việc quản lý tài sản công (đất đai, trụ sở làm việc, nhà cửa vật kiến trúc,...) đối với các đơn vị hành chính, sự nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội theo quy định của Luật số 15/2017/QH14 về quản lý tài sản công; tham mưu cho UBND tỉnh xử lý điều chuyển, bán thanh lý các xe dư thừa thu hồi tiền về cho ngân sách; chỉ đạo các đơn vị sử dụng xe công đúng mục đích theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; rà soát và sắp xếp các đơn vị có chức danh lãnh đạo, các Hội đặc thù đủ tiêu chuẩn trang bị xe ô tô theo đúng quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện thẩm tra, trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành kịp thời theo quy định; đôn đốc các chủ đầu tư kịp thời quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện quy định không giao dự án đầu tư mới cho Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án có dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên; không bố trí kế hoạch vốn để thanh toán số vốn còn thiếu cho các dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 12 tháng trở lên; không cho phép nhà thầu đang có hợp đồng vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán tham gia đấu thầu dự án mới.

(2) Sở Kế hoạch và Đầu tư rút kinh nghiệm trong việc bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản bố trí vốn quá thời gian quy định, trong công tác giám sát đánh giá đầu tư, theo dõi tình hình nợ đọng XDCB; thẩm định, trình phê duyệt dự án Trung tâm chiếu xạ tỉnh Đồng Nai và dự án Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Đồng Nai; thẩm định, trình phê duyệt Kế hoạch đấu thầu dự án Trung tâm chiếu xạ tỉnh Đồng Nai.

(3) Cục Thuế

- Chấn chỉnh công tác kiểm tra thuế tại cơ quan Thuế và Trụ sở NNT giảm

rủi ro trong việc tạm nộp 1% đối với doanh nghiệp kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp đã thi công, nghiệm thu, thanh toán khối lượng nhưng chưa phát hành hóa đơn GTGT.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kê khai thuế thu nhập cá nhân do đây là khoản thu chiếm tỷ trọng lớn trong số thu tại các Chi cục Thuế nhưng trong năm 2017 đã không tổ chức các cuộc kiểm tra độc lập và các Đoàn kiểm tra không kiểm tra nội dung liên quan đến thuế TNCN.

- Điều chỉnh tăng báo cáo nợ thuế năm 2017 về tiền sử dụng đất số tiền là 974.216 trđ; điều chỉnh các nội dung nợ thuế được phân loại không đúng quy định giữa có khả năng thu và nợ khó thu theo kết quả kiểm toán tại các Chi cục Thuế.

- Quyết toán lại số tiền thuê đất phải nộp của Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2016 với phần chênh lệch đơn giá thuê đất cũ so với đơn giá thuê đất mới của UBND tỉnh ban hành đơn giá tiền thuê đất của Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam. Đồng thời rà soát và ra Thông báo nộp tiền thuê đất qua các năm đối với các doanh nghiệp thuê đất để huy động kịp thời vào NSNN.

- Đôn đốc các đơn vị thực hiện kiến nghị về các khoản chênh lệch tăng thu, giảm khấu trừ do KTNN xác định tăng thêm.

- Thực hiện thanh tra việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN đối với các đơn vị không hợp tác trong quá trình Đoàn kiểm toán đối chiếu nghĩa vụ với NSNN tại cơ quan Thuế.

(4) Kho bạc Nhà nước tỉnh chấn chỉnh công tác xử lý ngân sách cuối năm, công tác chỉnh lý số liệu trong thời gian chỉnh lý quyết toán (Chỉ chuyển nguồn) đúng quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 và Công văn số 17304/BTC-KBNN ngày 21/12/2017 của Bộ Tài chính.

(5) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chấm dứt tình trạng lập và giao dự toán chưa sát với thực tế dẫn đến trong năm phải điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị nhiều lần (19 lần) và cuối năm tỷ lệ dự toán hủy cao; điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sau ngày 15/11 năm hiện hành là không đúng quy định tại Khoản 3 Điều 53 Luật NSNN.

- Rà soát, phân loại, xác định lại loại hình đơn vị sự nghiệp công lập do Sở quản lý để đảm bảo công tác giao dự toán cân đối giữa nguồn thu của đơn vị và ngân sách cấp; giao dự toán ngay từ đầu năm cho các đơn vị khi đã được Sở Tài chính quyết định phù hợp với quy định về chấp hành ngân sách nhà nước tại Điều 50 Luật NSNN; Điều 3 Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng phương án giá nước sinh hoạt tại Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn bao gồm chi phí khấu hao TSCĐ theo quy định tại Thông tư số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT của Liên Bộ, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(6) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Lập dự toán hàng năm đảm bảo sát với nhiệm vụ và nhu cầu chi trong năm đảm bảo đúng định mức, chế độ quy định của nhà nước và sử dụng ngân sách nhà nước; rà soát, phân loại, xác định lại loại hình đơn vị sự nghiệp của các trường công lập do Sở quản lý để đảm bảo công tác giao dự toán cân đối giữa

nguồn thu theo quy định tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai.

- Giao dự toán ngay từ đầu năm cho các đơn vị khi đã được Sở Tài chính quyết định phù hợp với quy định về chấp hành ngân sách nhà nước tại Điều 50 Luật NSNN.

(7) Sở Giao thông vận tải

- Lập dự toán hàng năm đảm bảo sát với nhiệm vụ và nhu cầu chi trong năm đảm bảo đúng định mức, chế độ quy định của nhà nước.

- Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm khi giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và có cân đối với nguồn thu sự nghiệp thực hiện qua các năm để xác định số giảm chi cho ngân sách Nhà nước.

(8) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Lập dự toán hàng năm đảm bảo sát với nhiệm vụ và nhu cầu chi trong năm đảm bảo đúng định mức, chế độ quy định của nhà nước.

- Quyết toán kinh phí theo đúng nguồn, theo dõi nguồn cải cách tiền lương tại các đơn vị để quản lý và sử dụng theo quy định.

(9) Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai

- Rút kinh nghiệm trong công tác mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính tránh tình trạng thực hiện chưa đúng như hiện nay.

- Chấn chỉnh việc thực hiện khuyến mãi giảm giá dịch vụ đảm bảo tuân thủ quy định Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

(10) Sở Tài nguyên và Môi trường: Cung cấp thông tin kịp thời về vị trí khu đất của Công ty TNHH MTV Tổng Cao su Đồng Nai, Công ty TNHH Vopak Việt Nam, Công ty Cổ phần Mía đường La Ngà (Cục Thuế quản lý), Công ty TNHH Thủ Mây, DNTN Như Vân và Công ty CP Bảo Thắng (Chi cục Thuế thị xã Long Khánh quản lý) để ngành Thuế tỉnh Đồng Nai có cơ sở xác định điều chỉnh đơn giá thuê đất theo chu kỳ ổn định giá 5 năm. Đồng thời tiến hành rà soát lại tất cả các trường hợp tương tự trên địa bàn Tỉnh để Cục Thuế có cơ sở pháp lý để điều chỉnh đơn giá thuê đất chu kỳ ổn định giá 5 năm theo quy định.

(11) Sở Xây dựng rút kinh nghiệm trong việc chậm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện theo Thông tư 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng.

(12) Các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án rút kinh nghiệm trong công tác tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, lựa chọn nhà thầu, quản lý thực hiện hợp đồng, quản lý chất lượng, tiến độ công trình; công tác nghiệm thu, thanh toán, quyết toán dự án hoàn thành; không để xảy ra các sai sót, tồn tại như KTNN đã nêu trong Báo cáo; nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục đối với các dự án đã hoàn thành trình phê duyệt quyết toán dự án theo quy định.

(13) Các huyện, thị xã, thành phố được kiểm toán chi tiết thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đã nêu cụ thể tại Biên bản kiểm toán tại các huyện, thị xã, thành phố và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh Đồng Nai.

1.5. UBND tỉnh chỉ đạo xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân đối với Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển Quỹ đất, Trung tâm Phát triển Quỹ đất Chi nhánh Long Khánh và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cố ý tổ chức đấu giá 35 lô đất của dự án Khu tái định cư Bảo Vinh tại thị xã Long Khánh theo mức giá khởi điểm phê duyệt năm 2013 thấp hơn bảng giá đất UBND Tỉnh ban hành gây thất thoát NSNN.

2. Đối với Tổng Cục Hải quan

- Chỉ đạo Cục Hải quan Đồng Nai chấn chỉnh trong công tác kiểm tra hồ sơ kê khai thuế xuất nhập khẩu và kiểm điểm trách nhiệm cá nhân liên quan đến các hồ sơ đã kiểm hóa nhưng còn sai sót thuế suất thuế GTGT, về giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Chỉ đạo Cục Hải quan Đồng Nai tuân thủ Quyết định số 1081/QĐ-BTC ngày 6/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành “Quy chế về việc phối hợp công tác giữa hệ thống Thuế, Hải quan và Kho bạc Nhà nước trong quản lý thu thuế và các khoản thu ngân sách Nhà nước”: Thông báo hoàn thuế nhập khẩu, hoàn thuế xuất khẩu, hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt, hoàn thuế khác cho cơ quan Thuế đối với các đơn vị đã kiểm tra quyết toán thuế.

- Chỉ đạo Cục Hải quan Đồng Nai chấn chỉnh trong công tác kiểm tra sau thông quan.

3. Đối với HĐND tỉnh Đồng Nai

Đề nghị HĐND tỉnh Đồng Nai căn cứ kết quả kiểm toán phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách năm 2017 của tỉnh, đồng thời chỉ đạo và giám sát việc tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đầy đủ các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về Kiểm toán nhà nước khu vực XIII theo địa chỉ số 209 Lê Hồng Phong, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu ngày 31/12/2018./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Kiểm toán nhà nước;
- Phó Tổng KTNN Vũ Văn Họa;
- Vụ Tổng hợp KTNN;
- Vụ Pháp chế;
- Vụ Chế độ và KSCL KT;
- KTNN khu vực XIII;
- Văn phòng KTNN (Phòng TK-TH);
- Lưu: VT.

**KT. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
PHÓ TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**



Vũ Văn Họa